

HUDSON TAYLOR, CHIẾN SĨ MẠO HIỂM CHO CHÚA
(Do Moody Press, Chicago xuất bản)

Tác giả: Phyllis Thompson
Chuyển ngữ: Uncle Tom

Chương 1

Đã quá mười giờ vào một đêm tối mịt. Người đi với anh ta là một người đàn ông ăn mặc rách rưới, hoàn toàn xa lạ đối với Hudson Taylor, một thanh niên mới mười chín tuổi. Taylor đang mân mê đồng bạc để biết chắc đồng ấy vẫn còn trong túi. Anh nhìn quanh có vẻ lo ngại. Tuy rằng trước đây anh đã từng đi qua những khu phố nghèo nàn, chật hẹp này. Dù ban ngày đi nữa thì khu phố này cũng chẳng phải là nơi đáng đặt chân tới. Mà bây giờ dưới ánh đèn đường mập mờ nơi những góc phố thuộc các ngõ hẻm tối tăm, nhìn các gương mặt ngờ vực thập thò qua khe cửa, khu phố lại càng tỏ ra thiếu an ninh tận. Hẳn nhiên vùng này không phải là nơi mà người bình thường muốn nói chuyện với một người ăn mặc lôi thôi vào lúc chiều tối. Nhưng nếu anh muốn đi Trung hoa thì anh phải làm quen với những khu phố như thế này. Vì thế Hudson Taylor cứ tiến bước.

“Sao anh không mời một linh mục đến thăm và cầu nguyện cho vợ anh?” Hudson hỏi người đàn ông đang đi với mình. Anh cảm thấy vui khi nghe chính giọng nói của mình! Người đàn ông đến gặp thanh niên Taylor kể rằng vợ anh ta đang hấp hối. Anh bảo, “Xin ông đến cầu nguyện cho linh hồn của vợ tôi.” Hudson Taylor bằng lòng đi. Người đàn ông rõ ràng là một người theo Công giáo. Tuy nhiên, bây giờ Hudson bắt đầu cảm thấy lo âu. Nếu quả thật vợ anh ta sắp chết tại sao anh ta không xin một linh mục phụ trách khu vực người Ái-nhĩ-lan thuộc quận Hull để làm lễ? Sao lại đi tìm một người Tin Lành?

Ông ta giải thích. Ông đã đến gặp linh mục. Tuy nhiên vị linh mục đòi phải trả tiền mới chịu làm lễ. Anh ta và gia đình hiện chẳng còn đồng nào, cho nên trả tiền để được làm lễ là chuyện không thể làm được.

Chết đói đến nơi! Hudson lại mân mê đồng tiền trong túi. Anh chỉ còn có mỗi một đồng tiền đó thôi ngoài hai chén cháo nơi nhà trọ thì anh chẳng còn thức ăn hay tiền bạc gì nữa cả. Anh khó có thể cho đi đồng tiền còn lại. Anh cảm thấy bực mình vì người đàn ông và trách anh ta tại sao để đến nước đường cùng như thế. Sao anh ta không tìm cách nhờ giúp đỡ sớm hơn? Vợ hấp hối, gia đình sắp chết đói mà chẳng làm gì cả là điều vô cùng khó hiểu.

Người đàn ông thiếu não đáp, “Tôi có đi nhờ người giúp đỡ. Họ bảo mai trở lại lúc mười một giờ. Nhưng tôi sợ rằng đợi đến lúc đó thì vợ tôi đã chết rồi...”

Lòng Hudson căm động. Tình trạng của anh tuy bấp bênh thật nhưng vẫn còn khá hơn tình trạng của người đàn ông kia nhiều. Anh thầm nghĩ, ước gì mình có hai đồng tiền thì chắc chắn anh sẽ không ngần ngại cho người đàn ông kia một đồng!

Bỗng nhiên người đàn ông quay khỏi con đường và bước vào một sân tối om. Trước đây Hudson đã có đến đây; anh ta nhớ rõ lần cuối khi anh có mặt chỗ này. Anh bị những cư dân khu lụp sụp ở đây nổi giận đánh đuổi. Họ xé nát các truyền đạo đơn mà anh ta phát cho họ. Nếu mà anh ta còn chường mặt đến đây một lần nữa thì liệu hồn!

Họ hoan nghênh vị linh mục có mang thánh giá và cầu nguyện với bà Ma-ri nhưng không có chút nào thiện cảm với một ông truyền đạo Tin Lành trẻ tuổi người Anh. Hudson vội ra khỏi khu vực ấy trong thái độ tự trọng còn sót và không khi nào nghĩ rằng mình được mời trở lại khu vực đó một lần nữa. Trong khi anh ta bước lên thang gác *ọp ẹp* của nhà trọ thì tâm tâm anh mong rằng sẽ không ai biết anh đang có mặt tại đó! Anh cảm thấy yên lòng khi cả hai bước lên đầu thang gác và nghe người đàn ông mở cửa. Họ đã đến nơi.

Một cảnh tượng khá bi đát đập vào mắt Hudson! Dưới ánh đèn cầy lù mù rẻ tiền anh nhìn thấy sàn gỗ trơ ra, cửa sổ không có màn che, và một căn phòng gần như chẳng có *bàn ghế* gì. Trên sàn nhà nơi góc phòng, trên một chiếc nệm rơm là một người đàn bà gầy còm nằm, mệt mỏi, bên cạnh là một hài nhi mới sinh khoảng hai ngày. Còn bốn hay năm trẻ nhỏ khác, đứa thì đứng, đứa thì nằm trên sàn, mặc quần áo xóc xếch, chân chẳng có giày vớ gì cả. Chúng nhìn về phía cha chúng và người đàn ông lạ mặt mà cha chúng mới đưa về với những cặp mắt tròn xoe, *lờ đờ*, và đói khát.

Hudson đứng *lặng yên* trong phòng, biết chắc mình vẫn còn một đồng. Anh thầm nghĩ ước gì mình có hai đồng riêng rẽ thì tốt biết bao nhiêu. Chắc chắn anh sẽ *chia ra* một đồng cho mấy người nghèo khó này. Thôi ao ước làm gì nữa. Anh bình tĩnh nhớ rằng mình là một người truyền đạo và *dự định* làm giáo sĩ cho nên anh quyết định phải làm chứng cho những người này về Chúa.

Anh ta *ngập ngừng* mở lời, “Các bạn biết tình trạng của các bạn thật bi đát. Nhưng các bạn không nên thất vọng. Chúng ta có một Cha trên Thiên đàng yêu thương và chăm sóc cho chúng ta nếu chúng ta tin cậy Ngài—”

Nói đến đây anh cảm thấy *nghẹn lời*. Trong lòng anh như có tiếng thốt lên, “Đừng có đạo đức giả! Trong khi anh nói với người ta về một Cha nhân từ và yêu thương trên Thiên đàng—*mà chính mình anh lại không sẵn sàng tin cậy nơi Ngài* mà không dựa vào đồng tiền anh có!”

Hudson liền *bỏ ý định* giảng cho họ. Cả gia đình *yên lặng* nhìn anh trong khi anh đang đứng đó, ăn mặc tươm tất với áo ngoài có đuôi dài, mang giày *da thú thiệt* và đội nón lòng cao! Anh tự nghĩ giá như áo quần anh *xơ xác*, và giày cần phải vá thì thế nào? So với họ anh ta trông sang trọng hơn nhiều. Họ đâu có biết anh chỉ còn có một đồng tiền? Hudson cảm thấy thật *đau lòng*. Ôi, ước gì anh có tiền thêm, anh sẽ cho họ, chắc chắn như thế.

Anh quay sang người đàn ông và nói: “Anh mời tôi đến đây để cầu nguyện cho vợ anh. Thôi bây giờ chúng ta hãy cầu nguyện.” Đang khi *qui gối* xuống sàn gỗ trơ trọi thì anh tưởng cầu nguyện là việc dễ dàng. Nhưng không phải vậy. Anh vừa bắt đầu “Lạy Cha chúng con ở trên trời,” thì tiếng nói *lên án* trong lòng anh lúc nãy lại thốt lên, “...còn đồng bạc trong túi anh thì sao?” Anh gượng gạo cầu nguyện cho xong mà trong lòng cảm thấy khốn khổ, rồi đứng dậy.

Khi anh đứng lên thì người đàn ông nói với anh giọng *tuyệt vọng*, “Ông thấy hoàn cảnh chúng tôi thật bi đát. Xin ông giúp chúng tôi!”

Tội nghiệp cho Hudson! Anh không biết làm gì khác hơn. Bỗng nhiên anh nhớ thường đọc trong Bài Giảng Trên Núi có câu như sau: “Người nào xin thì hãy cho họ...”
Hãy cho...

Anh từ từ cho tay vào túi. Phải cho đi đồng tiền này.

Khi trao đồng tiền cho người đàn ông, Hudson bảo, “Có lẽ anh nghĩ rằng tôi *giàu có* lắm nhưng thật ra đây là đồng bạc cuối cùng của tôi.” Bỗng nhiên anh cảm thấy phấn khởi. “Tôi bảo thật đấy. Chúa là Cha của chúng ta. Chúng ta có thể tin cậy nơi Ngài. Tôi có thể tin cậy nơi Ngài...” Và anh nhận ra rằng anh có thể tin cậy Ngài. Giờ đây thì anh cảm thấy *vững lòng* nói cho người khác biết về việc tin cậy nơi Chúa vì đồng bạc đã ra khỏi túi anh và đang ở trong túi người đàn ông kia! Anh lấy làm *ngạc nhiên* về sự thay đổi đột ngột trong cảm nghĩ của anh vì đồng bạc ấy. Anh cảm thấy phấn khởi. Anh và gia đình người đàn ông *chia tay* nhau trong tình thân thiện. Anh bước xuống thang gác ọp ọp, băng qua sân trước và bước về nhà mà lòng phơi phới, đuôi áo bay phàn phật trong gió, miệng ca hát, không mấy may lo âu gì! Khi anh về đến căn phòng nhỏ ở Drainside nơi anh trọ, và chuẩn bị ăn bát cháo duy nhất cuối cùng thì anh cảm thấy khoan khoái như ông hoàng.

Đang khi ngồi đó thì trong óc anh thoáng ra một ý nghĩ hay hay. Anh nhớ có đọc một chỗ nào đó trong Thánh Kinh nói rằng, “ai giúp người nghèo tức là cho Đức Giê-hô-va *vay mượn*.” Câu ấy cho thấy món tiền anh cho ra giờ đây mang một khía cạnh khác vì anh đã cho người nghèo thì xem như anh đã cho Chúa vay. Ý nghĩ cho Chúa vay tiền thật ra hơi kỳ lạ đối với anh nhưng vì đó là lời Kinh Thánh viết nên anh nghĩ phải đúng. Do đó khi anh quì gối cầu nguyện trước khi đi ngủ, anh thưa với Chúa về món tiền vay, xin Ngài *đến bù* sớm, nếu không thì hôm sau anh ta sẽ chẳng còn gì mà ăn!

Sáng hôm sau anh dậy như thường và nhìn vào chén cháo cuối cùng của mình. Trước mặt anh là một ngày vất vả đang chờ, và tuy rằng một chén cháo cũng đủ để bắt đầu nhưng nếu kéo dài thêm nữa thì chẳng thấm vào đâu. Bao giờ thì Chúa sẽ trả lại số tiền vay đó?

Anh ngồi xuống và *bắt đầu* ăn. Tiếng lạch cạch của người phát thư nơi cửa trước không làm anh lưu ý mấy vì ít khi nào anh nhận được thư vào sáng thứ hai. Mấy giây sau thì bà chủ nhà gõ cửa phòng anh.

Bà hớn hờ bảo, “Gói nhỏ này là của ông đó, ông Taylor ạ.” Bà vừa nói vừa dùng vạt áo nhà bếp trao gói quà cho anh vì tay bà đang ướt.

Hơi ngạc nhiên, Hudson đáp, “Ồ, cảm ơn bà!” Anh giơ tay đỡ lấy gói đồ và xem xét. Món quà đúng là gói cho anh nhưng anh không *nhận ra* chữ viết là của ai. Dấu bưu điện đã bị *nhòa* cho nên anh cũng không biết gì thêm. Anh quyết định mở nó ra. Sau khi rọc phong bì thì anh rút ra một mảnh giấy. Bên trong là một đôi găng tay trẻ con.

Hơi băn khoăn, Hudson tự hỏi, “Ai gửi cho mình đôi găng tay trẻ con thế này?” Rồi có vật gì rơi ra. Vật ấy nhỏ thôi và *sáng loáng*. Anh cúi xuống nhặt lên—một đồng tiền vàng.

Anh sửng sờ nhìn đồng tiền rồi xem xét miếng giấy bọc xem thử có thư không, anh nhìn kỹ chữ viết tay và dấu bưu điện để tìm ra tung tích người gửi. Vô ích. Anh không biết được gói quà ấy từ đâu đến. Mà lúc đó thì anh chẳng cần biết làm gì nữa. Anh chỉ biết là nó đến từ thiên đàng! Anh nhận ra rằng không những đồng bạc của anh đã được đền đáp đầy đủ mà anh lại nhận được gấp mười lần hơn! Bỗng nhiên anh phá lên cười lớn.

Anh hớn hờ kêu lên, “Thật là một số tiền lời lớn! Ha, ha! Chỉ đầu tư vào ngân hàng của Chúa có mười hai tiếng đồng hồ mà mình được lời như thế này! Đúng là nhà băng của tôi!”

Chương 2 KHU VỰC DRAINSIDE

Drainside, thuộc vùng Hull, nơi Hudson đến cư ngụ mang tên ấy là vì nó nằm cạnh một con *kênh*. Nhưng đối với những cư dân sống trong các dãy nhà nhỏ xíu xây hai bên bờ kênh hẹp thì con kênh chỉ là đường cống. Rất tiện cho những người sống trong các căn nhà ấy. Mở cửa ra là họ có thể ném *rác rưởi* xuống kênh mà không phải bận tâm gì. Giấy dơ, lá bắp cải, vỏ khoai tây, và rau cải thối nổi lềnh bềnh trên mặt nước, làm mục tiêu hấp dẫn cho lũ trẻ lang bạt nô đùa. Và khi bóng tối chập xuống nếu đường cống ấy xông lên mùi xú uế hay gây rủi ro cho những người say rượu bước ra từ những khu chung cư đối diện nơi Hudson ở thì vai trò của nó trong việc làm *thùng rác* cũng đủ ích lợi rồi so với rủi ro ấy.

Đối với Hudson thì sự *khác biệt* giữa khu vực nghèo nàn, xấu xí ở đây và cảnh giàu sang ở vùng Yorkshire, nơi anh xuất thân quả thật quá to lớn. Ngoài ra sự khác biệt giữa căn phòng lúi xùi chật hẹp mà anh đang sống so với căn nhà *ấm cúng* đủ tiện nghi bên trên tiệm thuốc tây của cha anh ở khu phố Market, thành phố Barnsley cũng rõ ràng không kém! So căn phòng nhỏ hẹp anh hiện ở chỉ có vồn vẹn một cái giường nằm trong góc, một cái bàn và mấy chiếc ghế với căn phố ấm cúng đằng sau cửa hiệu thuốc tây có chén bát màu tươi mát, cửa kính lóng lánh, tủ sách to với ghế bành và các chiếc ghế êm ái thì căn nhà của anh trước kia chẳng khác nào dinh thự. Anh cũng cảm thấy đơn độc khi một mình ăn những bữa đạm bạc, thay vì ngồi chung nơi một bàn ăn rộng rãi với cha mẹ và hai cô em gái hay cười nói huyền thuyên. Anh thích *trêu* chọc hai cô em có những lọn tóc xoắn tít và áo quần lượt là. Anh rất nhớ các em gái mình—nhất là cô Amelia. Nhưng sở dĩ anh đến đây là vì anh muốn *quen dần* với cảnh cô độc và vất vả. Và anh nhất định ở đây vì nơi này là một phần trong việc *chuẩn bị* cho anh sinh sống ở Trung Hoa trong tương lai.

Kể từ buổi tối tháng chạp hơn một năm trước đó khi anh nghe tiếng nói bên tai rằng, “Hãy đi sang Trung Hoa cho Ta,” thì anh biết rằng anh phải ra đi. Lúc nghe tiếng nói ấy thì anh đang cầu nguyện và mặc dù Trung Hoa không bao giờ nảy ra trong ý tưởng của anh nhưng *mệnh lệnh* ấy quá rõ ràng, không làm lẫn được cho nên anh biết chắc tiếng nói ấy đến từ Chúa. Vì *nhất quyết* vâng tiếng phán của Ngài mà anh đã rời căn nhà ấm cúng ở Barnsley để đến làm việc cho một bác sĩ ở tỉnh Hull. Có chút kiến thức và *kinh nghiệm* về y khoa chắc hẳn sẽ ích lợi ở một xứ lạ cho nên việc đến sống ở tỉnh Hull chỉ là bước đầu trong cuộc hành trình đến Vương quốc Đông Phương ấy.

Không những anh rất muốn có kiến thức về y khoa khi đi làm giáo sĩ ở Trung Hoa, tuy nhiên ước muốn ấy không đáng kể mấy so với một vấn đề khác quan trọng hơn mà anh đang *đối đầu*. Anh chẳng quen ai ở Trung Hoa mà anh lại sang bên đó có *một mình*. Liệu đức tin trong Chúa của anh có đủ mạnh để anh đi đến một xứ lạ, phải đương đầu với những khó khăn hay nguy hiểm mà từ trước đến nay anh chưa hề gặp không?

Anh trầm nghĩ, “Khi tôi đến Trung Hoa thì tôi sẽ không trông cậy vào ai về bất cứ điều gì. Tôi chỉ trông cậy vào Chúa mà thôi. Nhưng nếu đức tin của tôi đặt sai chỗ thì sao? Nếu những lời cầu nguyện của tôi không hiệu nghiệm thì như thế nào?” Càng suy nghĩ về những điều ấy thì anh càng nhận ra rằng anh phải học tập huy động người khác qua Chúa, qua sự cầu nguyện trước khi anh rời nước Anh.

Huy động con người qua Chúa, bằng sự cầu nguyện—ý tưởng đó cứ luôn ám ảnh trong đầu anh. Làm được không? Anh muốn thử xem...Nói vắn tắt thì cơ hội đó đang thể hiện qua *ông chu* của anh.

Bác sĩ Robert Hardy là một người tính tình vui vẻ, tử tế, thích hoạt động và rất giàu óc khôi hài. Có người nói rằng ông làm cho nhiều người cười đến nỗi đa số bệnh nhân lành phân nửa bệnh tật mà không phải dùng đến *thuốc chữa*! Phòng mạch ông ta bận rộn đến nỗi ông không có thì giờ để ý đến các chi tiết nhỏ nhặt trong việc điều hành. Một hôm ông bảo Hudson, *người phụ tá* trẻ tuổi của ông rằng:

“Này Taylor, khi nào đến kỳ trả lương cho anh thì nhớ *nhắc* tôi nhé! Anh biết tôi rất bận cho nên tôi có thể quên đó.”

Và ông ta quên thật. Đến kỳ trả lương cho Hudson rồi mà không thấy ông nói gì. Một ngày, rồi hai ngày trôi qua, chẳng thấy ông nhắc gì đến vụ lương bổng. Hudson phải đối đầu với hai lựa chọn: Anh có thể xin bác sĩ trả lương hay anh xin Chúa. Khi nhớ rằng lúc đến Trung Hoa anh sẽ không có ai khác để xin ngoài Chúa cho nên bây giờ anh quyết định xin Ngài. Vì thế mà anh chỉ còn có một đồng bạc vào tối thứ bảy trước đây khi anh biếu nó cho gia đình đang túng đói. Cho nên khi anh thấy đồng tiền vàng rơi ra khỏi cái gói *bí mật* đó vào sáng hôm sau thì anh cười lớn vì vui mừng! Anh đã *chấp nhận rủi ro* để xem thử lòng tin cậy nơi Chúa có linh nghiệm hay không thì anh thấy quá thật điều ấy linh nghiệm! Đồng tiền đến *thật đúng lúc*, và chỉ có Chúa mới biết ai đã gửi đến cho anh. Còn Hudson thì hoàn toàn không biết. Anh chỉ biết là nhờ lòng tin cậy Chúa mà anh không phải nhịn đói bữa nào, mặc dù rất có thể anh không đủ ăn. Anh cảm thấy giống như Ê-li khi mấy con quạ mang thức ăn đến cho ông!

Hudson đi từ nhà trọ, trong túi có đồng tiền vàng mà trong lòng phoi phới, “Thật linh nghiệm! Thật linh nghiệm!” Tin cậy Chúa thật linh nghiệm! Vâng lời Ngài cũng linh nghiệm! Thật là lạ lùng, vui thích, và sung sướng!

Tuy nhiên, anh biết món tiền ấy sẽ không *kéo dài* vô tận. Vấn đề còn lại vẫn là—lương anh ta chưa được trả. Ông bác sĩ vui tính và bận rộn có thể không nhớ việc trả lương cho anh suốt mấy tháng trời cũng chưa biết chừng. Câu hỏi đặt ra là, liệu Chúa có nhắc nhở ông ta không?

Mỗi ngày Hudson cầu xin Chúa nhắc ông bác sĩ, rồi anh tiếp tục hăng say làm việc và học hành, tin tưởng rằng sự việc sẽ xảy ra. Một tuần trôi qua, món tiền anh có càng *vơi dần*. Thanh toán tiền thuê nhà xong thì túi anh ta bị một lỗ hổng lớn. Tuy anh ta có đủ tiền tiêu cho đến thứ bảy—nhưng sau đó thì...

Tới thứ bảy rồi mà ông bác sĩ vẫn chẳng nói năng gì. Thì giờ trôi qua. Đến năm giờ, tất cả các bệnh nhân đã được chăm sóc xong thì ông bác sĩ bước vào phòng phát thuốc nơi Hudson làm việc, ngồi xuống ghế bành và mở đầu câu chuyện. Rõ ràng là ông ta không nhớ gì đến việc lương bổng. Hudson đang thận trọng *trộn* hóa chất trong nồi và không dám đá động gì đến việc ấy cả. Bỗng nhiên ông bác sĩ lên tiếng trước:

“Này, Taylor, hình như đến kỳ trả lương cho anh rồi phải không?” Hudson *há hốc mồm* kinh ngạc! Dù sao đi nữa, sự việc xảy ra thật đúng lúc. Một lần nữa khi anh chỉ còn đồng teng cuối cùng thì tiền tới! Anh nuốt nước miếng một hai lần trước khi khẽ đáp:

“Dạ đúng. Thật ra đáng lẽ tôi phải được trả cách đây hai ba tuần...”

Ông bác sĩ kêu lên, “Ồ, tôi thật bậy quá! Sao anh không nhắc tôi? Anh biết rằng tôi rất bận rộn. Đáng lẽ tôi phải nghĩ đến chuyện ấy sớm hơn một tí vì chiều nay tôi đã ký thác tất cả số tiền tôi có vào trong ngân hàng rồi. *Nếu không* thì tôi đã có thể trả ngay cho anh bây giờ.”

Tội nghiệp Hudson! Niềm thất vọng của anh ta thật quá sức chịu đựng. Chẳng khác nào một gáo nước lạnh đang tạt vào mặt anh. *Cũng may* là chất thuốc trộn trong nồi sôi lên, nên anh vội vàng mang nó ra khỏi phòng, mừng vì có cơ đi tránh mặt ông bác sĩ. Khi chỉ còn có một mình, anh quì gối xuống cầu nguyện. Sự chán nản thất vọng lên đến cực độ khiến anh không thể cầu nguyện. Lời cầu nguyện của anh một mặt chẳng có đầu đuôi gì những vẫn không kém phần nhiệt thành. Vài phút sau anh bình tĩnh lại. Thật ra anh lại cảm thấy hơn hờ. Anh thầm hi vọng, Chúa chắc chắn giúp đỡ anh. Và mặc dù anh sẽ không có tiền để trả bà chủ nhà khi anh trở về phòng trọ, lòng anh vẫn không nao núng, lo âu.

Khi anh sắp rời phòng phát thuốc thì đã khuya. Kim đồng hồ chỉ mười giờ kém mười khi anh khoác áo ngoài vào. Anh nghĩ bụng, “Thôi thì khi mình về đến nhà thì bà chủ chắc đã đi ngủ rồi như vậy là chiều nay mình sẽ không gặp mặt bà ta để báo cho biết là mình không có tiền trả tiền nhà—thế mà hay!” Anh bước đến núm khóa hơi đột sườ ỉ ảm, định tắt nó đi thì anh nghe *tiếng bước chân* bên ngoài. Tiếng ấy là của ông bác sĩ. Ông ta đang cười vui vẻ như thể có chuyện gì *hào hứng* lắm.

Ông ta ngạc nhiên: “Ủa, anh Taylor. Anh còn ở đây sao? Anh biết không? Một bệnh nhân của tôi đến trả tiền cho tôi! Ông là một trong những bệnh nhân giàu có nhất của tôi. Ông ta có thể trả cho tôi bằng chi phiếu nhưng lại mang tiền mặt đến vào mười giờ tối thứ bảy để trả cho tôi!”

Hudson cười. Cái chuyện mà một người giàu có đến trả tiền cho bác sĩ vào thì giờ như thế này quả là chuyện khác thường. Cái gì ám ảnh ông ta như thế? Người ta thường thường ít khi mau chóng trong việc thanh toán tiền bạc!

Ông bác sĩ ghi số tiền vừa nói vào sổ và bắt đầu bước ra cửa thì bỗng nhiên ông quay lại.

Ông bảo, “Nhân thế, này anh Taylor. Anh có thể cầm hết số tiền này. Tôi không có tiền lẻ. Tuần sau tôi sẽ thanh toán hết số tiền lương tôi thiếu anh...Chào anh.”

Hudson đứng tần ngần đó, tay cầm một nắm giấy bạc, túi vẫn còn rỗng. Lời cầu nguyện của anh đã được nhậm. Không những bây giờ anh đã có tiền trả cho bà chủ nhà, mà anh còn có đủ tiền để chi tiêu trong nhiều tuần tới, nhưng anh lại thấy một lần nữa Chúa đã trả lời cầu nguyện! Không còn gì để ngờ vực nữa—anh có thể đi qua Trung Hoa.

Chương 3 CHỈ MỘT LỖ KIM ĐÂM NHỎ THÔI

Bà Finch, chủ nhà của Hudson ở Drainside, có chồng là một thủy thủ thường vắng nhà vì phải đi biển. Bà sống rất vất vả bằng số tiền trợ cấp nhỏ nhoi của ông ta cho nên bà rất mừng khi được một thanh niên phụ tá bác sĩ thuê gian phòng trước cửa nhà bà. Tiền thuê gian phòng đó đủ cho bà trả tiền thuê cho toàn thể căn nhà. Hơn nữa chàng thanh niên này không gây rắc rối gì cho bà cho nên bà cảm thấy may mắn có được một

người thuê nhà tốt như thế! Mấy người thuê nhà trước kia thì không được đảng hoàng như anh cho nên hôm anh báo cho bà rằng anh sẽ thôi không thuê nhà nữa thì bà tỏ ra buồn rầu rõ rệt.

Anh giải thích, “Tôi sắp đi Luân đôn để theo học môn y khoa ở một bệnh viện.”

Bà nói, “Tôi rất buồn vì mất anh. Anh đi Luân đôn phải không...?” Bà nảy ra một ý kiến.

Bà hỏi, “Trong khi anh ở đó, anh có thể giúp tôi một việc không?” Dĩ nhiên anh rất sẵn lòng nếu anh làm được. Sau đó bà nói rõ thêm. Văn phòng hàng hải ở Luân đôn mỗi tháng gửi cho bà phân nửa tiền lương của chồng bà. Nhưng họ khấu trừ tiền gửi vào đó. Nếu anh Taylor vui lòng lấy giùm số tiền đó từ văn phòng hàng hải rồi gửi thẳng cho bà thì anh sẽ tiết kiệm cho bà rất nhiều tiền.

Dĩ nhiên Hudson rất sẵn lòng nhưng khi anh đến Luân đôn thì mới khám phá rằng muốn giữ lời hứa anh phải lội bộ rất xa vào giữa trưa nóng. Mỗi sáng anh đã phải đi bộ sáu cây số từ nhà trọ đến bệnh viện, rồi lội bộ sáu cây số về nhà mỗi chiều cho nên anh đâu có cần tập *thể dục* thêm!

Việc đi lên Luân đôn để theo học lớp y khoa là một biến chuyển lớn cho anh. Anh đã tiếp xúc với một tổ chức truyền giáo nhỏ gọi là Hiệp Hội Truyền Giáo Trung Hoa. Họ sẵn sàng gửi anh sang Trung Hoa làm giáo sĩ. Vì được tổ chức nói trên *chấp thuận* cho nên bây giờ anh đang học thêm về nghề thuốc. Đây là một bước nữa hướng về phía vùng đất mà anh hằng ao ước cũng như việc anh đi đến tỉnh Hull. Đó là bước *liều lĩnh* mà anh không hề nói với ai.

Cái rủi ro cũng nằm trong việc thử nghiệm đức tin của anh và khả năng *chịu đựng* khốn khổ của anh. Cha anh có đề nghị giúp tiền đủ để anh sinh sống ở Luân đôn và theo học ngành thuốc; Hiệp hội Truyền giáo Trung Hoa cũng đề nghị giúp anh. Tuy nhiên sau khi xem xét mọi khía cạnh và cầu nguyện về những đề nghị ấy, anh quyết định không nhận sự giúp đỡ của bên nào cả. Anh cảm ơn cha anh và thưa rằng anh chưa cần đến sự giúp đỡ của ông. Dĩ nhiên cha anh yên trí chắc anh đã được hội truyền giáo giúp rồi. Anh cảm ơn ban giám đốc hội truyền giáo và bảo rằng anh chưa cần họ giúp. Họ cũng nghĩ có lẽ anh đã được cha anh giúp! Đến Luân đôn vào một ngày đầy đặc sương mù, trong túi chỉ có số tiền anh *dành giùm* được mà không hề biết sau khi tiêu hết số tiền ấy thì sẽ ra sao.

Anh quyết định học tập nhờ cậy Chúa đáp ứng mọi nhu cầu của anh. Anh cảm thấy phải sống cần kiệm. Anh được xếp đặt sống chung với một người bà con trong một phòng ngủ nơi gác xép ở vùng Soho. Anh vui vẻ nhận. Chẳng thà ở với một người bà con vui tính còn hơn ở một mình giữa thành phố lớn như thế này. Anh ta tự lo lấy thức ăn và anh sống thật *cần kiệm*! Sau khi thử nhiều món thì anh nhận thấy rằng bánh mì nâu và táo tây với nước lạnh là thực đơn ít tốn kém nhất. Cho nên trên đường đi đến bệnh viện anh mua một cân táo để ăn, và trên đường về khi đi ngang qua các cửa hàng ăn phát ra mùi thơm phức thì anh ghé lại hàng bánh để mua bánh mì nâu.

Anh ta bảo người bán, “Ông làm ơn cắt ổ bánh mì làm đôi được không?” Và rồi tay ôm ổ bánh cắt làm đôi, anh tiếp tục con đường dài về nhà, rồi trèo lên ba loạt thang để

vào phòng. Nửa ổ bánh dùng để ăn chiều, nửa ổ kia để dành ăn sáng ngày mai—mặc dù đói đến đâu cũng ráng chịu.

Anh viết thư trấn an mẹ anh vì bà rất lo ngại cho anh: “Sức khỏe của con không bị thiệt hại gì mẹ đừng lo.” Vì bà chẳng biết anh có ăn uống đầy đủ không? Nhưng nếu bà biết sự thật thì...Anh viết thêm, “Thật ra có nhiều người nói con trông khỏe mạnh, vài người lại bảo con mập là khác! Mặc dù có lẽ đó là do trí tưởng tượng của họ thôi!” Tính chân thật buộc anh phải thêm câu ấy.

Khoảng ba tháng sau khi đến Luân đôn thì anh nhận một bức thư *khẩn* từ bà Finch. Bà hỏi anh lấy giùm tiền cho bà càng sớm càng tốt được không? Gần đến kỳ phải thanh toán tiền thuê nhà mà bà thì không có tiền để trả.

Lời *yêu cầu* của bà đến nhằm lúc thật kẹt cho Hudson vì anh đang bận học thi nên phải dành từng phút để ôn bài vở. Cho nên thay vì tìm thì giờ để đi xuống Cheapside lấy tiền giùm bà, anh nghĩ tốt hơn nên dùng số tiền *đang vui dần* của anh gởi cho bà rồi sẽ đến văn phòng hàng hải lấy lại sau khi anh thi xong. Nghĩ sao làm vậy mà anh không lường trước hậu quả. Vì khi anh có thì giờ đi xuống văn phòng hàng hải thì họ bảo anh không thể nào lấy tiền ra được!

Viên thư ký bảo, “Sĩ quan Finch đã bỏ tàu và đi tìm vàng...”

Hudson *sửng sốt* kêu lên, “Thế là kẹt cho tôi rồi! Tôi đã *ứng trước* tiền cho bà vợ ông ta! Bây giờ bà ta không có cách nào trả lại cho tôi. Ông thấy rõ chưa?”

Người thư ký đáp, “Tôi thật rất tiếc.” Nhưng ông ta không thể làm gì được cho nên Hudson đành ra về.

Sau cú *sửng sờ* đầu tiên, anh cảm thấy lo âu thực sự. Tuy anh nghĩ rằng phải nhờ cậy Chúa cung cấp mọi điều cần dùng khi tiền của anh cạn. Việc này khiến việc rỗng túi càng đến sớm hơn. Thật vậy, sau khi kiểm điểm tiền còn lại anh thấy rằng hết tiền là chuyện xảy ra trong nay mai. Nhưng khi nhớ lại kinh nghiệm ở Drainside khiến anh *phấn khởi* nên anh trở về gác trọ mà lòng cảm thấy tươi vui vì tin rằng mọi việc rồi sẽ đâu vào đó.

Chiều hôm ấy anh tự đóng một sổ ghi chú vì rẻ hơn là đi mua. Anh lấy mấy tờ giấy, xếp chung lại và bắt đầu *khâu* cho chúng dính với nhau. Nhưng đang khi khâu thì anh vô tình đâm kim vào *ngón tay* trở bên phải. Chỉ là một lỗ kim đâm nhỏ thôi, ít giây sau thì anh quên bẵng chuyện ấy nhưng chính lỗ kim ấy suýt làm anh mất mạng.

Số là hôm sau đó khi ở bệnh viện anh có nhiệm vụ giúp giải phẫu xác của một người qua đời vì bị sốt. Việc này không những chẳng hứng thú gì mà còn nguy hiểm là khác. Các sinh viên đã được cảnh cáo trước rằng trong khi giải phẫu như thế, nếu có vết trầy trên tay mà bị làm độc thì coi như đời tàn. Cho nên họ làm hết sức cẩn thận để không bị *sướt da*. Vì thế khi anh cảm thấy mệt mỏi vô cơ rồi ngã bệnh thì anh nghĩ chắc không có việc gì trầm trọng lắm. Anh chỉ hơi kinh ngạc thôi vì thức ăn trong thực đơn anh dùng chẳng có gì có thể đưa đến dịch hạch được! Anh uống một ly nước lạnh, cảm thấy đỡ hơn rồi đi vào lớp nghe giảng bài. Nhưng tay phải của anh bắt đầu đau buốt

cho đến nỗi anh không thể nào viết được. Cái *đau nhức* lan ra đến hông, anh cảm thấy bệnh thực sự. Anh không thể nào tiếp tục như thế này được.

Anh thưa với bác sĩ giải phẫu của phòng mổ xác, “Tôi không biết tôi bị đau ra sao nữa.”

Ông hỏi, “Sao vậy? Có việc gì?” Hudson cố gắng mô tả bệnh tình của anh. Ông bác sĩ giải phẫu nhìn anh kỹ lưỡng rồi bảo, “Tôi e rằng bệnh trạng của anh đã rõ ràng. Đây là trường hợp sốt tử vong. Chắc anh bị đứt tay đang khi *mổ xác*.”

Anh đáp, “Thưa không. Tôi chắc chắn là không. Tôi không bị trầy da hay đứt tay...”

Ông bác sĩ bảo, “Chắc chắn là anh bị đứt tay rồi. Đưa tay anh cho tôi xem nào.” Trong khi ông đang xem tay của anh thì Hudson nhớ lại vết kim đâm tối hôm trước. Anh hỏi, có phải tại vết ấy không? Ông bác sĩ đáp, rất có thể.

Ông ta nghiêm giọng bảo, “Anh phải kêu tắc xi đi về nhà gấp và thu xếp việc nhà đi.” Ông nhìn chàng sinh viên trẻ tuổi, mà tình trạng nguy kịch không thể nào che giấu được.

Ông bảo thẳng, “Đời anh xem như xong rồi.”

Chương 4 MẠNH SỨC NHỜ CẦU NGUYỆN

Phản ứng đầu tiên của Hudson sau khi nghe ông bác sĩ tuyên bố câu ấy là *buồn rầu* và chán nản. Nếu anh chết thì dĩ nhiên anh không thể đi Trung Hoa. Trung Hoa! Anh *ao ước* từ lâu được đi sang đó! Từ lâu anh tin chắc Chúa đã giao cho anh một trọng trách ở xứ ấy! Anh không thể nào *lầm lẩn* được. Rồi ý tưởng muốn sang Trung Hoa đến với anh—lẽ nào anh bị *lầm lẩn* chăng? Anh nghĩ, nếu Chúa dự liệu cho mình đi Trung Hoa thì mình phải khỏi bệnh dù cho bác sĩ bảo là tình trạng mình hoàn toàn vô vọng.

Anh *tìm cách* giải thích hiện tượng này. Anh không sợ chết. Thật ra *viễn ảnh* được gặp Thầy mình là đáng anh yêu dấu thì đó là một điều đáng mừng. Tuy nhiên anh tin chắc anh có công tác phải làm cho Ngài ở Trung Hoa trước, nên anh phải cố gắng vượt qua cơn bệnh này.

Ông bác sĩ sốt ruột tiếp, “Như thế rất tốt.” Nhưng bây giờ không phải là lúc mà chàng sinh viên trẻ tuổi *biện luận* rằng tại sao anh ta phải sống trong khi rõ ràng là anh ta sắp chết! Ông bảo, “Anh phải kêu tắc xi đưa anh về nhà gấp vì anh không còn thì giờ nữa đâu. Chưa chắc anh còn đủ thì giờ để thu xếp việc nhà là khác...”

Chẳng có *động lực* gì để mà vội vàng, hơn nữa anh cũng chẳng có đủ tiền để trả tắc xi cho đoạn đường sáu cây số về nhà. Khi Hudson bước ra thì anh mỉm cười chua chát. Anh *chậm chạp lê bước* trên đường để đến chỗ anh có thể lên xe buýt và uể oải bước lên xe mà cánh tay vẫn còn cảm thấy đau buốt trong khi chiếc xe nặng nề lăn bánh cộc cạch trên đường. Sau khi về đến phòng trọ và chậm chạp trèo lên ba loạt thang để tới góc xếp của anh thì anh *mệt lả*. Nghĩ rằng anh có thể làm cho tình trạng của anh đỡ

hơn nên anh lấy dao rạch ngón tay để *chất độc* rỉ ra một ít. Vẫn còn đau buốt—và đó là điều cuối cùng mà anh nhớ. Sau đó anh té xuống sàn nhà *bất tỉnh*.

* * *

Suốt mấy tuần Hudson nằm liệt giường, quá yếu không cử động được. Khi người ta khám phá anh gần chết trên sàn nhà thì có người cho gọi ông chú của anh, làm nghề sĩ, ở gần đó đến. Ông ta là người tốt bụng, bằng lòng chăm sóc cho anh bằng cách cho gọi bác sĩ đến ngay mặc dù Hudson không chịu và bảo rằng anh ta *không có đủ tiền* trả.

Ông chú anh *trấn an*, “Ông ta là bác sĩ của chú cho nên tiền bạc chú sẽ thanh toán giúp cho cháu. Cháu đừng lo.” Nhưng khi bác sĩ đến và nghe kể lại bệnh trạng của Hudson thì ông ta tỏ ra e ngại thật sự.

Ông bảo thẳng Hudson, “Nếu anh xưa nay sống *điều độ* thì anh có thể lành được. Nhưng nếu anh hay dùng bia hay các loại tương tự, tôi e rằng không có mấy may hi vọng gì...”

Biết rõ rằng thực đơn của mình xưa nay chỉ gồm có táo, bánh mì nâu và nước lạnh cho nên Hudson có thể đoán chắc với ông bác sĩ về điểm *điều độ*! Nếu chuyện bình phục của anh tùy thuộc vào việc tránh nhậu nhẹt thì chắc chắn chẳng có ai có hi vọng sống sót bằng anh nữa!

Ông bác sĩ bảo, “Nhưng bây giờ là cả một cuộc chiến đấu nhọc nhằn. Anh phải làm đủ cách để *duy trì* sức khỏe.” Ông bảo chú của Hudson, “Mỗi ngày anh ta phải uống một chai rượu chát và ăn thịt sườn càng nhiều càng tốt!” Hudson vốn không khoái loại thực đơn ấy nhưng cũng cố gắng dùng, và sau nhiều ngày và đêm *khốn khổ*, cuối cùng anh có thể bước ra khỏi buồng ngủ và nằm vài giờ trên ghế bành của phòng trọ. Mãi đến lúc đó anh mới nghe tin rằng có hai sinh viên y khoa khác *bị nhiễm độc* cùng một lúc với anh đã qua đời. Tại sao mạng sống của anh vẫn toàn vẹn? Anh cảm thấy sờ đĩ anh còn sống là vì anh có công tác phải lo ở Trung Hoa.

Một hôm lúc ông bác sĩ đến thăm và sau khi tỏ ra hài lòng về mức độ bình phục của *bệnh nhân* trẻ tuổi của mình, ông bảo,

“Việc tốt nhất cho anh bây giờ là khi nào anh cảm thấy đủ sức để đi thì anh nên về vùng quê tĩnh dưỡng. Anh phải nghỉ ngơi cho đến khi *lấy lại* sức khỏe. Nếu anh bắt đầu làm việc quá sớm thì hậu quả sẽ vẫn còn *trầm trọng* đó.”

Sau khi ông bác sĩ đi rồi Hudson nằm trên ghế bành và duyệt lại tình cảnh của mình. “Đi về vùng quê.” Anh chợt nghĩ ngay đến căn nhà *ấm cúng*, hạnh phúc của gia đình anh ở tỉnh Yorkshire; có con đường Cudworth mà lúc nhỏ anh đã chạy đua, đánh vòng, và trêu chọc cô Amelia trong khi cô ta *hết hơi* đuổi theo anh, lọn tóc xoắn bồng bênh; anh nhớ các khoảng trống dâm mát giữa rừng Lunn, nơi bươm lượn và nhiều tổ chim, xa xa là rặng núi Pennines. “Đi về vùng quê.” Lời khuyên của ông bác sĩ thật *hấp dẫn*, nghe thật xuôi tai và ấm lòng! Hudson biết rằng anh hãy còn quá yếu chưa thể trở lại cuộc sống *vất vả* trong bệnh viện, và dĩ nhiên không có nơi nào giúp anh chóng bình phục bằng ở nhà mình. Chỉ còn có mỗi một *trở ngại* là anh không có tiền trả vé xe về nhà.

Thật ra anh ta biết rõ là nếu anh mở miệng xin thì tiền sẽ có ngay. Ông chú tốt bụng sẽ chắc chắn sẵn lòng gọi tiền cho anh. Hay nếu anh viết thư về nhà tỏ chút dấu hiệu cần tiền thì chắc chắn vé xe hơi và tiền sẽ được gửi đến anh ngay qua bưu điện. Đang nằm trên ghế bành, quá mệt mỏi vì lên xuống cầu thang, trong đầu anh tự nhiên lại có ý nghĩ *từ chối* chọn lối dễ đi và rõ ràng nhất. Anh vẫn muốn thí nghiệm phương pháp tập *nhờ cậy* Chúa đáp ứng lời cầu nguyện của anh thay vì nhờ cậy loài người. Lẽ dĩ nhiên là khi anh sang Trung Hoa thì họ đâu có ở *bên cạnh* anh để mà giúp. Anh nằm đó nhắm nghiền đôi mắt lại, thưa với Chúa về nhu cầu của anh và xin Ngài chỉ dẫn phải làm gì.

Sau đó anh *nằm yên* khá lâu. Anh nghĩ, nếu anh đã không ứng trước tiền cho bà Finch thì giờ đây anh đã có *dư*. Và nếu ông Finch không *bỏ nhiệm* sở trên tàu vào đúng lúc ấy thì anh đã có thể *rút tiền* ra được rồi. Rồi lại có ý tưởng nảy ra trong đầu anh là nếu anh đi xuống văn phòng hàng hải rất có thể anh sẽ rút tiền ra được. Mặc dù triển vọng ấy có vẻ mơ hồ vì anh đã nhận *trách nhiệm* ứng trước cho bà Finch rồi, tuy nhiên ý nghĩ đó vẫn cứ *vương vẩn* trong đầu anh.

Phải chăng Chúa đã đặt vào *trí óc* anh ý nghĩ đó? Hay chỉ là một ý nghĩ *ngông cuồng* của anh? Anh không biết rõ. Cho nên anh lại nhắm mắt cầu nguyện xin Chúa cho biết điều nào đúng. Vì nếu ý tưởng ấy không phải đến từ Chúa thì vấn đề còn lại vẫn là văn phòng hàng hải cách ba cây số và anh chẳng có tiền trả vé xe đến! Còn nói chuyện lợi bộ đến đó là việc *không thể làm được*. Bước xuống cầu thang còn phải nhờ người giúp đỡ hướng hồ đi bộ! Đúng, cuộc bộ là việc không thể thực hiện được—nhưng có thật đúng như thế không? Tự nhiên Hudson *ngạc nhiên* suy nghĩ, rất có thể làm được lắm. Chúa đã làm những điều kỳ diệu và *bất ngờ* sau khi anh cầu nguyện. Chính Chúa Giê-xu cũng đã nói, “Bất cứ điều gì các con cầu xin trong danh ta, ta sẽ làm cho để Cha được vinh hiển trong con.” (Giăng 14:13) Ngài đã nói những lời ấy hàng trăm năm trước và giờ đây đang khi Hudson nằm trong nhà trọ thì những lời ấy bỗng nhiên có vẻ thực tiễn và áp dụng được. Trong câu phán êm dịu ấy có một vẻ gì đáng tin. “Bất cứ điều gì các con cầu xin trong danh ta, ta sẽ làm cho.” Như thế thì anh nhận thấy rằng đi bộ xuống văn phòng hàng hải ở Cheapside không còn là việc không thể thực hiện nữa. *Hiển nhiên* là anh cần cầu nguyện Chúa thêm sức để đi. Nghĩ sao làm vậy. Anh bấm chuông gọi người giúp việc nhà trọ bảo mang lên cho anh ta chiếc mũ và cây gậy. Sau khi cô ta lễ phép trao các món ấy cho anh, cô ta hơi ngạc nhiên. Còn anh thì từ từ bước ra khỏi nhà trọ, quay sang khu phố yên tĩnh để vào khu phố bận rộn dẫn đến thành phố.

Tình trạng bình phục của anh khá chậm. Anh thích nhìn những món đồ trang trí qua các cửa hiệu, thỉnh thoảng phải *dựa* vào cửa kính để lấy sức. Các phụ nữ ăn mặc sang trọng đi vượt qua anh trong khi anh đang *chậm chạp* bước. Những người bán dạo kêu réo sau lưng anh để mời anh mua hàng. Anh cũng chẳng buồn quay đầu nhìn một chiếc xe ngựa sang trọng đang chạy lọc cọc trên đường. Thật vậy, dù cho nữ hoàng Victoria trẻ tuổi đi ngang qua thì chưa chắc làm cho anh quay đầu nhìn. Dần dần anh đi xong đoạn đường. Anh tự nhắc mình đã cầu xin Chúa thêm sức để đi đoạn đường ấy trong khi anh đang đứng trước ngọn *dốc cao* dẫn tới Cheapside, và anh tin Chúa sẽ vẫn ban cho anh đủ sức. Anh bước lên hết dốc ấy! Anh đến văn phòng hàng hải an

toàn và ngồi trên bực thềm trước khi bước lên cầu thang đến lầu một. Anh nhận thấy ngồi bệt nơi chân cầu thang cũng là điều bất thường. Những ông ăn mặc quý phái, đội mũ lòng cao, hình như cũng nghĩ như thế. Họ hơi kinh ngạc nhìn anh như thể đang nghĩ, “Chà, anh chàng này cũng có vẻ phong lưu đấy...!” Tuy nhiên không ai nói với anh tiếng nào. Sau cùng anh lên cầu thang và bước vào văn phòng.

Thời điểm *quan trọng* là bây giờ đây.

Sau khi đi bộ mệt mỏi, lẽ nào bây giờ anh lại gặp chuyện thất vọng? Hudson trong thâm tâm vẫn cảm thấy rằng mọi việc rồi sẽ êm xuôi. Và quả y như thế! Người thư ký *nhận ra* anh ngay lập tức.

Ông kêu lên, “Ồ tôi rất vui ông đến hôm nay. Thật ra không phải ông Finch bỏ nhiệm sở mà một *thủy thủ* tráng kiện khác trùng tên. Tôi rất vui trao cho ông phân nửa tiền lương cho bà Finch tính đến hôm nay. Số tiền ấy sẽ đến tay bà ta qua ông an toàn hơn là qua chồng bà ấy. Chiếc tàu của ông ấy vừa cập bến Gravesend. Và chúng ta biết sau khi hành trình trên biển lâu như thế mà cập bến thì sẽ gặp không biết bao nhiêu là *cám dỗ*.” Ông quan sát anh sinh viên y khoa trẻ tuổi trông *tái nhợt* và rõ ràng là ốm yếu. Ông tiếp, “Nhưng trước khi tôi trao tiền cho anh, anh phải *nghỉ ngơi* và ăn một chút gì đã. Tôi sắp ăn trưa cho nên anh hãy bước vào trong ăn chung với tôi.”

Hudson sung sướng *nhận lời* mời tử tế ấy. Anh mừng vì *có dịp* nghỉ ngơi và ăn uống. Trên đường về Soho anh lại được đi xe buýt nữa! Bây giờ thì anh đã có đủ tiền rồi! Những cố gắng anh thực hiện hóa ra giúp đỡ anh nhiều hơn là làm thiệt hại cho anh. Sáng hôm sau, anh cảm thấy đỡ hơn cho nên anh không *ngân ngại* đi đến gặp bác sĩ để thanh toán phí tổn. Ông chú anh đã giúp anh quá nhiều rồi cho nên anh *không muốn* ông trả tiền bác sĩ cho anh nữa. Anh muốn dùng tiền riêng của mình để trả vé xe lửa đi về nhà tĩnh dưỡng dù anh biết rằng nếu anh tự trả tiền bác sĩ thì hầu như chắc chắn anh *không còn đủ* tiền để mua vé xe, nhưng anh cho đó là điều phải làm. Cho nên anh đi đến gặp bác sĩ. Đến đó anh lại gặp một chuyện ngạc nhiên lý thú khác. Ông bác sĩ *từ chối* không nhận tiền thù lao.

Ông cương quyết bảo, “Anh là sinh viên y khoa còn trẻ cho nên tôi sẽ không tính tiền.”

Hudson không chịu, hỏi lại, “Nhưng còn tiền thuốc thang thì sao... Chẳng hạn như thuốc ký ninh thì tôi phải trả chứ!”

Ông bác sĩ đáp, “Thôi được. Nếu thế thì tôi tính tiền ký ninh cho anh, nhưng chỉ có thế thôi.”

Hudson *tính nhẩm* thật nhanh đang khi trao số tiền nhỏ nhoi cho ông bác sĩ. Như thế anh còn đủ tiền mua vé xe lửa về Yorkshire rồi trả tiền xe buýt về nhà anh, đồng thời có tiền ăn dọc đường! Anh vô cùng hơn hờ. Thật tuyệt diệu. Mỗi một bước đường anh thấy mọi việc được dự liệu thật hoàn hảo. Tự anh không thể tạo ra những việc ấy, điều đó chứng tỏ rõ ràng Chúa đảm trách việc sắp đặt cho cuộc đời anh. Và nếu Ngài đã làm cho anh như thế thì chắc chắn Ngài cũng làm cho những người khác nữa. Phải cho ông bác sĩ biết chuyện này.

Anh *cung kính* thưa, “Xin phép bác sĩ. Tôi có thể tự do trình bày một việc với bác sĩ mà không làm bác sĩ phật ý không? Tôi biết nhờ Chúa mà đời tôi được bác sĩ chăm sóc cho nên tôi rất *biết ơn*. Và còn một điều tôi muốn thưa với bác sĩ...” Rồi anh thuật lại lý do tại sao anh đến Luân đôn, dự định của anh là tìm xem quả thật Chúa có đáp lời cầu nguyện trước khi anh đi sang Trung Hoa hay không và những kinh nghiệm của anh khi làm điều ấy. Ông bác sĩ bình tĩnh nghe anh kể nhưng có vẻ *hoài nghi* cho đến khi Hudson cho ông biết anh đã lợi bộ đến Cheapside *ngày hôm trước*. Điều này ông ta không thể nào tin được.

Ông kêu lên, “Không thể được. Khi tôi rời thì anh đang nằm liệt trên ghế bành dài đó, thân tàn như ma dại hơn là con người kia mà!”

Hudson cam đoan, “Dạ tôi lợi bộ đó, thưa bác sĩ.” Anh *giải thích* cho ông biết anh đã cầu nguyện nhân danh Chúa Giê-xu để anh có đủ sức đi trước khi anh lên đường.

“Anh bảo rằng anh đi bộ—không phải anh đi tắc xi hay xe buýt à?”

“Dạ không. Tôi đi bộ.”

“Anh đi từ Soho đến đường Farrindon, rồi lên đồi Snow Hill đến Cheapside...”

“Dạ đúng vậy, thưa bác sĩ...”

Bây giờ ông bác sĩ lại chú ý thực sự. Chuyện một người bị bệnh quá yếu mà có thể một mình đi qua các phố xá đông đúc của Luân đôn mà không bị trầm trọng hơn là điều *không thể tin* được. Ông ta nghe kể lại về chuyện đi bộ để lấy số tiền ở văn phòng hàng hải, chuyện Hudson có đủ tiền để *thanh toán* các chi phí, và sau cùng, chuyện sau khi trả tiền thuốc ký ninh, anh ta chỉ còn có vừa đủ tiền để mua vé xe về nhà. Giọng điệu của Hudson có nét gì rõ ràng vui mừng và đáng thuyết phục khiến cho ông bác sĩ cảm động. Đối với ông, niềm tin *thực tiễn* vào một Thượng Đế mà không ai thấy, không ai nghe là điều mới lạ đối với ông. Những dòng nước mắt lạ thường từ từ chảy xuống trong khi ông nhìn *nét mặt* tươi vui kỳ diệu của chàng thanh niên đang đối diện với mình. Ông nói bằng một giọng hết sức cảm động:

“Tôi bằng lòng đánh đổi mọi thứ trên đời này để có một niềm tin như anh.”

Hudson khẽ đáp, “Dạ thưa bác sĩ, ông có thể có được niềm tin ấy. Đó là một đức tin miễn phí cho bất cứ ai—không tốn tiền, không phải trả giá nào cả.”

Chương 5 VỀ NHÀ

Chiếc xe ngựa chạy lóc cọc trên đường tráng đá dừng lại ở trung tâm khu phố chợ tỉnh Barnsley. Hành khách lần lượt xuống xe và sau cùng Hudson cũng xuống, trông hơi *mệt mỏi* vì đoạn đường khá dài từ Luân đôn. Mọi vật trông thật quen thuộc và triu mến! Anh cảm thấy vui được ông cha nghiêm khắc nhưng nhân từ chào đón, cùng bà mẹ hiền hậu với mái tóc chải gọn dưới chiếc mũ vải cột qua cằm! Anh cảm thấy dễ chịu khi anh chống gậy đi dạo bên ngoài, gặp hết bạn này đến bạn kia vồn vã hỏi han, họ mừng vì gặp lại anh, và nóng lòng muốn nghe anh kể chuyện về đời sống của anh nơi thủ đô xa xôi ấy! Ở Luân đôn mọi việc đều khác hẳn. Ở đó anh chỉ là một *người lạ* không tên tuổi, ra đường phố bận rộn chẳng có một người nào chào hỏi để giúp anh lên tinh thần. Anh vẫn hãy còn yếu cho nên về nhà là nơi tốt nhất để anh nghỉ ngơi hoàn

toàn và cảm thấy mãn nguyện. Anh ngồi cạnh lò sưởi trong phòng đằng sau cửa hiệu, nhìn cảnh vật quen thuộc làm anh hồi tưởng nhiều kỷ niệm êm đẹp thời niên thiếu. Chẳng hạn khi nhìn vào chiếc bàn to và chắc giữa phòng thì anh chợt nhớ lại khi còn bé, một hôm anh ăn mặc bộ đồ nhung đẹp nhất và ngồi nơi bàn ấy, xung quanh là khách khứa. Anh nhìn mẹ anh đang cắt những miếng bánh táo lớn, trao cho từng người khách nhưng lại không ngó ngang gì đến cậu con đang lễ phép yên lặng ngồi đó vì anh được dạy như thế, anh chờ mãi mà không thấy phần của mình đâu! Hóa ra là lần này hình như mẹ anh đã quên bằng cậu con. Anh đã được dạy là không được xin gì ở bàn ăn! Câu chuyện khôn khéo của cậu đã được ghi vào nhật ký gia đình và được nhắc đến nhiều lần vào lúc mà khách khứa vui câu chuyện hàn huyên thì có tiếng nhỏ nhẹ nhắc khéo:

“Mẹ ơi—có phải bánh táo rất bổ cho các bé trai không?”

Cũng nơi chiếc bàn ấy mà mỗi ngày cậu phải học những bài cha cậu đã giao. Đến mười một tuổi thì cậu vào trường học. Mặc dù cậu thích được cha dạy hơn là học ở trường tuy nhiên cậu đã trở thành một học trò xuất sắc nơi nhà trường. Cha cậu có một vẻ gì cương nghị và trí thức, ông mang những ý nghĩ bất di dịch về cái sai, cái đúng và kỷ luật sắt thép của ông. Hudson đã tập phải đứng giờ từ lâu trước khi đời anh bị chi phối bởi tiếng chuông của nhà trường! Thật khổ cho những cậu nào không quen ngồi ở bàn mà buộc phải rửa tay trước, tóc phải chải tươm tất trước khi ăn!

Cha cậu thường nghiêm nghị dặn bảo, “Nếu có năm người mà mỗi người bắt kẻ khác chờ một phút thôi là mất đi năm phút rồi. Đó là những phút đi mất không bao giờ lấy lại được!” Thật quả là lời dạy nghiêm khắc!

Một định luật khác của ông là, “Phải tập mặc áo quần cho nhanh. Vì suốt đời con, con phải làm chuyện ấy mỗi ngày một lần.” Vì thế mà con phải tập cho quen đi. Ông có lý do chính đáng để nêu ra luật ấy. Nếu Hudson nhớ lại các kỷ niệm đó và cười một mình đang khi ngồi trong căn nhà ấm cúng là vì cậu thích nhớ lại những chuyện ngộ nghĩnh về tính ngông của các bậc cha mẹ. Anh thích thú nhớ lại rằng lần đầu tiên anh nghe nói đến Trung Hoa là qua cha anh. Lúc ấy anh mới năm tuổi, anh còn nhớ nghe ông đồng dục thốt lên:

“Sao chúng ta không gọi giáo sĩ qua đó! Đó là một xứ mà mình phải hướng đến. Một xứ đông dân...khoẻ mạnh, thông minh và học thức!”

Bây giờ, sau mười lăm năm, chính Hudson là người chuẩn bị sang đó! Trong khi anh nghỉ ngơi nhiều tuần ở nhà, có nhiều thì giờ suy nghĩ, anh lấy làm *ngạc nhiên* về phần số đã chứng tỏ cho anh thấy. Rõ ràng đây là phần số của anh, phần việc anh đã được giao cho để thực hiện. “Hãy đi sang Trung Hoa cho Ta.” Anh không quên được cái đêm mà anh nhận sứ mạng *thiên liêng* ấy. Chắc chỉ có một kinh nghiệm khác hiện rõ hơn trong trí anh mà thôi. Trung Hoa lúc đó chưa nghe nói tới. Số là một buổi chiều trong một nhà kho cũ khi cái nhìn của anh về cuộc đời hoàn toàn thay đổi, nhưng nếu kinh nghiệm đó không xảy ra thì bây giờ chắc chắn anh cũng chẳng có ý định đi sang Trung Hoa nữa. Nhiều lần Hudson đã sống qua buổi chiều khó quên ấy. Nó xảy ra cách đây ba năm nhưng vẫn còn hiện rõ trong trí anh như thể mới xảy ra hôm qua thôi...

Lúc ấy anh mới mười sáu tuổi mà đã cảm thấy chán đời! Sống ở nhà, giúp cha anh trong cửa hàng, đời thật chán phèo! Không phải là anh không thương cha mẹ, anh rất thương cha mẹ anh nhưng anh thấy nếp sống của họ khó chịu làm sao ấy. Họ không

thích khiêu vũ hay đi săn. Họ chỉ thích hát thánh ca trong ngôi nhà thờ nhỏ ở cuối đường, Hudson ngoan ngoãn phải đi theo cha mẹ đến đó nhưng anh cảm thấy chán ngán. Anh cố gắng tìm niềm vui như họ nhưng không được. Ao ước riêng tư của anh là được ở trong một ngôi nhà thật rộng có nhiều đầy tớ để anh được *phóng khoáng*, được ăn mặc áo khoác đồ để đi săn. Anh ao ước được cỡi trên một cái gì đó để chạy hết tốc độ—như cỡi ngựa chẳng hạn vì lúc đó người ta chưa phát minh ra xe mô tô! Lẽ dĩ nhiên các ước vọng đó rất có thể không thực hiện được, cho nên vì đầu óc chán nản mà một buổi chiều tháng sáu, anh *lang thang* vào trong phòng tìm cái gì để làm.

Anh liếc qua tủ sách nhưng chẳng thấy có gì *hấp dẫn* nên anh nhìn xuống cái giỏ đựng các sách bìa giấy, nhặt lên một quyển.

Anh nghĩ, “Tôi biết sách này thuộc về loại gì rồi.” Anh biết loại sách nhỏ mà ông cha anh thích *sưu tầm*. “Lúc nào bắt đầu cũng bằng một câu truyện hay rồi kết thúc bằng một bài học luân lý hay một bài giảng.” Anh định bụng sẽ đọc phần cốt truyện rồi bỏ phần kết thúc! Vì thế anh mang nó ra ngoài nhà kho để khỏi bị các cô em gái quấy rầy đòi bày đủ thứ trò chơi. Anh ngồi giữa đồng thùng và chai lọ và bắt đầu đọc.

Nhưng anh không biết rằng đúng lúc ấy mẹ anh đang đi nghỉ hè cách đó hơn một trăm cây số đang quì gối cạnh giường và hết lòng cầu nguyện cho anh. Anh cũng không hay rằng sáu tuần trước đó, Amelia, em gái của anh, mười ba tuổi, đã quyết định sẽ cầu nguyện cho anh mỗi ngày ba lần cho đến khi ý niệm của anh về Thượng Đế được thay đổi. Đó là điều anh cần—thay đổi ý niệm về Thượng Đế. Anh đã từng bảo cô là anh không tin chắc lắm về Thượng Đế; cho nên tính tình anh trở nên *gắt gỏng*! Anh không biết chắc có Thượng Đế hay không nữa! Không chắc có Thượng Đế! Cô Amelia thì tin chắc nơi Thượng Đế cho nên cô cảm thấy không thể để cho tình trạng của ông anh kéo dài được. Cô cũng biết rằng những lý lẽ của cô ta dù có khả năng thuyết phục hay vững chắc đến đâu đi nữa cũng chẳng lay chuyển nổi ông anh cho nên cô kết luận rằng chỉ có một mình Chúa mới có thể thay đổi ý kiến anh mà thôi. Vì thế mà cô quyết định cầu nguyện cho anh ba lần một ngày cho đến khi có kết quả. Cô còn ghi cả quyết định ấy vào *nhật ký*. Đàng sau các lọn tóc cuốn bồng bênh và áo quần lượt là, Amelia là một thiếu nữ trẻ cương nghị, và cô cầu nguyện ba lần một ngày thật!

Anh không hề biết những chuyện ấy đang khi anh ngồi trong kho hàng và đọc quyển sách nhỏ. Nhờ quyển sách ấy mà anh ta hoàn toàn thay đổi quan điểm về cuộc đời. Bỗng nhiên và bất ngờ mà giờ đây anh hiểu ra rằng những gì anh đã học về Thượng Đế và về Chúa Giê-xu từ lúc còn thơ ấu là thật. Thượng Đế có thật. Chúa Cứu Thế Giê-xu là Con Thượng Đế và đã chịu chết vì tội nhân. Ngài đã sống lại và hiện đang sống trên thiên đàng. Ngài nhìn thấy mọi việc trên đất—Ngài thấy anh đang ngồi trong nhà kho! Ngài đã chết vì tội lỗi của cả thế gian—cho nên Ngài cũng chết vì tội lỗi của Hudson Taylor nữa. Ngài hứa ban sự sống *đời đời* cho những ai tin nhận Ngài, cho nên Ngài cũng hứa ban sự sống cho Hudson Taylor nữa. Ngài nghe lời cầu nguyện, vì thế Ngài cũng nghe lời cầu nguyện của Hudson Taylor! Thật là kỳ diệu vì đó là những điều anh đã nghe bao nhiêu lần trước đây mà bây giờ anh mới *hiểu rõ*! Sự hiểu biết đó khiến Hudson cảm thấy như tình cờ tìm được giải đáp cho một bài toán khó đã làm anh bối rối hàng giờ—đó là một cảm giác thoải mái, nhẹ nhàng, và *khoan khoái*. Giờ đây

mọi việc đã đổi khác. Cảm nghĩ nặng nề vì bất mãn, cảm giác khó chịu vì sợ rằng những gì mình làm bậy sẽ bị phơi bày, giờ đây biến mất. Anh cảm thấy được giải thoát. Anh sợ e những cảm giác ấy khó kéo dài được!

Nhưng chúng quả thật kéo dài. Ba năm rưỡi sau đó, đang khi ngồi cạnh ngọn lửa nổ lẹt đẹt trong lò sưởi, Hudson biết rằng những cảm giác ấy đã kéo dài. Những năm tháng trôi qua kể từ buổi chiều tháng sáu năm ấy không phải là thời gian êm đềm và dễ dàng. Thời gian ấy có những thử thách và khó khăn mà từ trước anh chưa hề trải qua. Nhưng cũng là thời gian anh cảm thấy thích thú vì *dấn thân* vào một lãnh vực anh chưa hề từng trải. Cái vui thích khi biết Chúa nghe lời cầu nguyện, và dẫn anh vào những lối đi mà tự anh không thể nào khám phá được khiến anh thích thú trăm lần hơn là chạy đua cùng đàn *chó săn*. Và anh biết bí quyết đơn giản để trút cái mặc cảm tội lỗi ấy. Anh chỉ cần làm điều anh cho là phải, và nếu anh *vô tình* làm điều gì quấy thì anh xưng tội với Chúa, đáng hứa tha tội cho anh nếu anh xưng tội! Thật vậy, cảm giác ấy quả có kéo dài!

Thời gian ở Barnsley qua nhanh, Hudson cảm thấy phải trở lại Luân đôn. Anh từ giã nơi ấm cúng thân mật và tình yêu của gia đình mà trong lòng không khỏi *đau buồn*. Anh bắt đầu cảm nhận được ý nghĩa của việc phải dấn thân trên đường đời một mình, và phải *chịu đựng* thiếu thốn mà không có sự *nâng đỡ* của những bạn đồng hành cùng chí hướng. Dù sao đó cũng là cách đào tạo anh trở nên mạnh mẽ và *tự tin*. Công tác truyền giáo tiên phong dành cho những người *đàn ông* nghị lực—chứ không phải cho những người yếu ớt, được nuông chiều đủ thứ! Từ nhỏ Hudson vốn yếu ớt nhưng anh *nhất quyết* làm một giáo sĩ tiên phong—cho nên anh phải trở nên một đàn ông nghị lực theo đúng nghĩa.

Lẽ dĩ nhiên cha mẹ anh rõ ràng là *không mấy thích* cái viễn ảnh anh trở thành một người có nghị lực bằng cách lại về với một thực đơn gồm táo, bánh mì nâu, và uống nước lạnh. Hai ông bà không tin rằng làm như thế mà anh trở nên có nghị lực được. Thậm chí Hudson cũng không mấy tin vào chuyện ấy! Cho nên thay vì ở nhà trọ tại Soho và tự mua lấy thức ăn, anh được thu xếp để làm *phụ tá* bác sĩ và ở chung trong gia đình họ. Anh bằng lòng việc xếp đặt ấy. Buổi sáng anh dự các giảng khoa ở bệnh viện, rồi giúp đỡ ông bác sĩ giải phẫu, tức chủ nhân của anh sau khi dùng cơm chiều đến chín giờ tối, sau đó thì anh hoàn toàn tự do—nghĩa là anh có thể ôn bài vở!

Cuộc sống anh dĩ nhiên khá *vất vả* nhưng anh vui thích. Được ăn ngon và có nơi ở thoải mái khiến anh lên *tin thần*. Trong vòng sáu tháng không những anh thu thập được những kiến thức hữu ích về y khoa và kinh nghiệm về bản chất con người, mà anh còn nhận thấy một điều ích lợi hơn nhiều—là sự giúp đỡ của Chúa cho anh về mọi vấn đề anh cầu xin.

Một ví dụ *điển hình* là trường hợp của một bệnh nhân bị lở loét nơi chân. Ông ta *ngại rượu* nặng, bây giờ đang nằm chờ chết mà không hay.

Hudson được cảnh cáo trước khi đến nhà thăm ông ấy rằng, “Nói về đạo với ông ta là vô ích. Ông ta là tay *vô thần*. Ông không bao giờ muốn nghe về đạo. Có lần chúng tôi

nhờ một người đọc Kinh Thánh đến thăm ông ta, nhưng ông ta nổi giận đuổi người đó ra khỏi phòng.” Linh mục giáo xứ cũng có đến thăm ông. Tuy nhiên ông ta phải ra về trong cảnh lúng túng vì người ông ấy *nổi giận* chỉ cho phép linh mục tới gần để *nhỏ* vào mặt ông ta mà thôi! Hudson cảm thấy mình chẳng khác nào người đấu với thú dữ sắp ra *đấu trường* khi lần đầu tiên đến thăm để băng bó chân cho ông ta. Anh cảm thấy phải nói cho ông ta biết rằng Chúa sẵn sàng tha thứ tội lỗi ông, và bằng lòng tiếp nhận ông như người con trai phóng đấng được cha tiếp đón. Đàng nào thì ông ta cũng gần chết rồi! Nếu không có Chúa thì ông ta còn hi vọng gì ở đời này hay đời sau đâu? Hudson quyết định tìm *dịp* thuận tiện để khơi mào vấn đề quan trọng ấy. Nếu thái độ hung hăng và *bạo ngược* của ông ta không có dấu hiệu thay đổi thì nêu lên chuyện ấy sẽ gây ra rắc rối nhiều hơn là có lợi. Trong nhiều ngày, Hudson *băng bó* chân cho ông ta hết sức cẩn thận và không đá động gì đến vấn đề tôn giáo cả. Nhưng lúc nào anh cũng nghĩ đến ông ấy. Anh cảm thấy có trách nhiệm với ông ta và nhiều lần trong ngày, Hudson cầu nguyện cho ông. “Hãy tập huy động người khác qua sự cầu nguyện.” Nếu lời cầu nguyện của anh để làm *mềm mại* những người cứng lòng không linh nghiệm bên Anh thì làm sao linh nghiệm bên Tàu?

Dần dần *thái độ* người ấy thay đổi. Sự thay đổi trước hết là thái độ ông ta đối với Hudson. Người sinh viên y khoa trẻ tuổi băng bó chân ông ta thận trọng và *khéo léo* đến nỗi ông bớt đau nhiều nên ông rất cảm ơn Hudson. Ông nói ra như thế. Hudson nghĩ, bây giờ là đúng dịp tiện anh đang chờ từ lâu nay. Anh *giải thích* cho người kia biết rằng anh đã nhờ cậy Chúa như thế nào để Ngài giúp anh trong ngành y khoa rồi anh nói tiếp đến vấn đề mọi người cần sự thương xót và *tha thứ* của Chúa.

Nếu Hudson là người đọc Thánh Kinh hay vị linh mục thì chắc chắn anh cũng chung số phận như hai người kia! Tuy nhiên vì anh là bác sĩ, có thể *làm cho bớt đau*, cho nên ông ta *nén giận*, chỉ bày tỏ sự bức tức của ông bằng cách quay lưng lại không nói tiếng nào và cứ nằm mãi như thế, hướng mặt vào tường cho đến khi Hudson ra về! Không có dấu hiệu *đáng khích lệ* nào nhưng ít ra nó cũng là triệu chứng tốt. Hôm sau Hudson lại *nêu lên* vấn đề tôn giáo, lại cũng gặp phản ứng như trước. Cho nên sau nhiều lần thăm ông ta, Hudson bắt đầu xuống tinh thần. Có ích gì mà tiếp tục như thế này không? Có lẽ là không. Một ngày nọ anh cảm thấy *chán nản* và sốt ruột về ông ta, là người mặc dù *nóng tính*, vẫn vương vấn trong lòng anh đến nỗi anh cảm thấy có cái gì dâng lên trong *cổ họng* anh và anh bật khóc.

Anh kêu lên, “Bạn ơi, xin nghe đây.” Vừa nói anh đi về phía giường người bệnh. “Ôi, ước gì anh cho phép tôi cầu nguyện với anh!” Hudson nói giọng run run, và nghĩ rằng ông ta sẽ quay lưng đi như trước. Nhưng không. Ông ta ngạc nhiên nhìn vị bác sĩ chịu vất vả quá sức, và thấy rõ ràng như có cái gì làm ông bác sĩ *bực dọc*. Ông bảo:

“Nếu cầu nguyện làm cho ông bớt bực dọc thì ông cứ cầu nguyện đi!”

Nói như thế cũng chẳng phải là *lời mời* mọc gì sốt sắng cho lắm nhưng Hudson đâu có cần gì hơn nữa. Anh quì gối, nhắm mắt và cầu nguyện lớn tiếng. Anh cầu xin Chúa mở mắt người ấy và tỏ cho ông ta biết Ngài thực hữu, và rằng Chúa Giê-xu đã chết để cứu ông ta khỏi sự trừng phạt ông ta đáng phải lãnh vì tội lỗi mình, và ông sẽ được *tha tội* nếu ông xin Ngài. Ông ta nằm lặng yên, và mặc dù không nói tiếng nào nhưng rõ *ràng* đó là khúc quanh trong đời ông. Ông ta không còn quay lưng đi khi Hudson làm chứng cho ông về Chúa. Ông nhận ra rằng những gì anh thanh niên trẻ tuổi này nói với ông *nhiều lần* là thật. Và nếu những điều ấy là thật thì tại sao ông lại không tin? Tại sao

không...? Cho nên một ngày nọ Hudson rời phòng của bệnh nhân mình mà cảm thấy sung sướng như đi trên mây. Một ông già *cay đắng*, cứng lòng, trong bốn mươi năm chưa hề đặt chân đến nhà thờ, chỉ bước vào nhà thờ có một lần để làm lễ cưới, bây giờ đang nằm trên giường, đôi mắt *cung kính* nhắm lại, tập cầu nguyện cùng Chúa mình.

Chương 6 BỊ BẢO GIỮA BIỂN

Con tàu bắt đầu *chuyển động*. Chiếc cầu nối với bến đã được kéo lên tàu sau khi anh thủy thủ vui tính, người cuối cùng rời bến, đã *nhảy* lên tàu. Giờ đây con tàu từ từ tách *bến*. Hudson đứng một mình trên bong tàu, vẫy tay từ biệt nhóm người đang đứng nhìn anh *lên đường*. Mắt anh nhìn đăm đăm bà mẹ anh. Một người mẹ nhỏ bé, yêu dấu, dịu dàng, và dũng cảm! Bà cố gắng hết sức để tỏ ra *can đảm*, nhưng khi bà xuống thăm phòng anh dưới tàu và vuốt thẳng khăn trải giường ngủ anh, thì anh chợt thấy những dòng nước mắt chảy xuống má bà. Giờ đây bà vội ngồi trên một khúc gỗ cũ, trông như bà sắp *ngất* đi. Hudson đã chạy xuống gặp bà qua chiếc cầu nối và ôm mẹ lần cuối để trấn an bà.

Anh bảo, ‘Mẹ ơi, mẹ đừng khóc. Chỉ một thời gian ngắn thôi con và mẹ sẽ gặp nhau lại.’ Nhưng rồi anh phải *vội vã* chia tay bà và chạy trở lên tàu. Bây giờ thì bà đứng dậy, chiếc váy của bà bông bênh trong gió, lấy khăn tay vẫy chào con mình. Hudson không muốn *khuất bóng* mẹ nên liền quay người và trèo lên cột buồm để nhìn rõ hơn. Đứng giữa các dây thừng lắc lư, một tay anh nắm chặt dây thừng, một tay anh vẫy nón thật mạnh. Có lẽ làm như thế sẽ giục lòng bà mẹ anh! Cao trên đỉnh đầu anh là các cánh buồm đang *phất phới* trong gió, các cột buồm kêu kẹ kẹ trong khi con tàu tiến về cửa bến. Hình ảnh của người mẹ yêu dấu trên bến nhỏ dần, nhỏ dần, rồi chiếc khăn tay vẫy vẫy cũng dần dần trở thành nhỏ xíu...

“Ô-i-i” Hudson thối vầy khi nghe tiếng rú lên. Đó là tiếng rú của mẹ anh. Giờ đây con tàu đã qua cửa bến, hướng về biển khơi, mang theo đứa con trai duy nhất của bà đến Trung Hoa, một vùng đất xa lạ, ít ai biết tới! Thật là cảnh vĩnh biệt! *Nỗi đau buồn* của tiếng rú ấy đâm vào lòng Hudson như dao nhọn. Bà đang thiệt mất một điều gì lớn lao! Bà còn đau lòng nhiều hơn anh nữa! *Cổ họng* anh như có vật gì dâng lên làm anh nghẹn ngào.

Con tàu dần dần tăng tốc độ. Anh không còn trông rõ những bóng người nhỏ xíu đang đứng ở cuối bến tàu. Anh *ráng hết sức* để nhìn qua lớp sương mù cho đến khi anh không còn thấy ai nữa. Anh từ từ ngồi xuống trên bong tàu, tiếng rú của mẹ vẫn còn văng vẳng bên tai anh. Một ý nghĩ tràn ngập óc anh. Nếu mẹ anh cảm thấy mất mát như thế khi nhìn anh đi Trung Hoa thì Thượng Đế cảm thấy mất mát như thế nào lúc Ngài phải *chia tay* với Con Ngài, khi Chúa Giê-xu đến thế gian để chết cho tội lỗi loài người? Phải chăng Thượng Đế cũng là Cha? Phải chăng Chúa Giê-xu là “Con Một của Ngài”? Hình như cái cảm giác về sự hi sinh trong việc chia tay giữa anh với mẹ anh mang anh lại gần Chúa hơn, hiểu được tình yêu của Ngài nhiều hơn. Thượng Đế yêu thương, cho nên chắc hẳn Ngài cũng hiểu *nỗi khổ* này của anh nữa. Hudson cảm thấy

được thêm sức một cách kỳ lạ giữa cảnh *đau lòng* trong khi anh đi xuống buồng anh trên tàu.

Anh là người *hành khách* duy nhất trên chiếc tàu *Dumfries*, một chiếc tàu buồm nhỏ, trọng tải chỉ có 470 tấn. Người ta cho anh biết là phải năm hay sáu tháng nữa tàu mới cập bến Thượng hải. Vào năm 1863 chưa có kênh đào Suez để đi đến vùng Viễn Đông cho gần, vì thế chiếc thuyền nhỏ ấy phải vất vả với sóng gió đi vòng mũi Hảo Vọng Giác ở Nam Phi, chống chọi lại các *trận cuồng phong* của Thái bình dương trước khi đến đích. Quả là một *cuộc hành trình* dài trên biển, một cuộc hành trình tạo cho anh nỗi nguy hiểm và thích thú trong vòng mười ngày nhưng đủ để kéo dài trong lòng anh suốt cuộc hải hành! Chiếc *Dumfries* vừa mới vào eo biển Ái-nhĩ-lan thì đã phải gặp *bão*. Suốt mấy ngày chiếc tàu bị biển *vùi dập* như nút chai bị xô đẩy theo sức gió. Hudson chưa bao giờ trải qua những kinh nghiệm như thế cho nên anh vội vàng điều chỉnh lại những ý nghĩ trước kia của anh về cuộc sống *thơ mộng* của thủy thủ. Các cột buồm kêu kẽo kẹt như rên rỉ, nước biển tràn vào trong buồng tàu, áo quần anh cảm thấy *ấm ướt* và rít rắm. Ngày đêm trôi qua, trận bão hình như dữ tợn thêm cho đến chiều Chúa nhật thì biển trở thành cao ngất như núi.

Hudson lão đảo bước lên sàn tàu, tay bám chặt vào hông tàu và nhìn quang cảnh hãi hùng. Mặt biển trắng xóa, các lượn sóng ào tới liên tiếp cho đến khi chúng như cao ngất như những vách đá đáng sợ so với chiếc tàu *Dumfries* nhỏ bé trong khi chiếc tàu đang lão đảo vào chỗ xoáy nước. Lúc có vẻ như tàu hụp xuống nước thì nó lại *ngiêng* qua một bên thật nguy hiểm. Hudson, chân đang trượt trên sàn tàu trơn, không đứng vững được cho đến khi chiếc tàu nhô lên khỏi vách nước rồi lại hụp xuống khi sóng tràn tới. Nhìn vào mặt biển đang giông tố, anh thấy bên hông tàu có một chiếc thuyền lớn, cũng đang bị sóng dập và một chiếc tàu nhỏ khác. Tất cả đều vô vọng. Anh tự nghĩ nếu sóng lớn xô các chiếc tàu ấy vào nhau thì chắc là chết hết!

Viên thuyền trưởng đứng cạnh anh, gương mặt cả quyết nhưng đăm chiêu. Ông bảo chưa bao giờ ông thấy biển hung hăng như thế.

Ông nghiêm giọng bảo, “Nếu Chúa không giúp thì chẳng có hi vọng gì.”

Hudson hỏi, “Chúng ta cách bờ biển Ái-nhĩ-lan bao xa?” Bờ biển Ái-nhĩ-lan rất nguy hiểm vì các mỏm đá nhô ra biển!

“Khoảng hai mươi hay hai mươi lăm cây số...” Nhưng con tàu đang trôi giạt về hướng đó vì bị gió Tây đẩy. “Chúng ta phải giương nhiều buồm lên. Càng nhiều buồm giương lên thì chúng ta càng ít bị thổi giạt. Cầu trời cho các *cột buồm* chịu nổi...” Nếu chúng bị gãy dưới sức gió thì sao? Nhưng cũng phải liều. Mạng sống của mọi người đang lâm nguy. Viên thuyền trưởng ra lệnh *giương* hai cánh buồm nữa.

Chiếc tàu *lao tới*, nhanh hơn bao giờ hết vì sức gió thổi vào buồm. Nó nghiêng qua một bên, lại bị sóng tràn vào bên kia. Chiều dần đến, mặt trời khuất sau rặng mây. Hudson quan sát quang cảnh mà lòng lo ngại.

Anh thầm nghĩ, “Ngày mai mặt trời lại mọc như thường,” vừa hình dung trong đầu. “Nhưng nếu không có *phép lạ* thì ngày mai chắc chiếc tàu này sẽ chỉ còn có mấy tấm ván bẻ trôi lênh bênh trên sóng nước...” Gia đình anh sẽ buồn biết bao nhiêu nếu anh bị chết đuối trên biển! Và số tiền mà Cơ quan Truyền giáo Trung Hoa chi cho anh để sắm quần áo và mua vé tàu xem như bỏ! Và anh sẽ cảm thấy thế nào sau khi *chiến đấu* với các luồng sóng hung hăng rồi để chúng chụp phủ trên đầu anh? Quả là một ý nghĩ *bi*

thảm. Hudson cảm thấy lạnh, cô đơn và sợ hãi khi bóng tối chụp xuống giữa các luồng sóng *gầm thét* và các tia nước đập vào mặt anh. Anh *lần mò* đến cầu thang để xuống phòng anh ở bên dưới sàn tàu. Anh tìm được quyển thánh ca và Kinh Thánh, anh ngồi trên giường và bắt đầu đọc.

“Lòng các con chớ lo âu; hãy tin Thượng Đế, và hãy tin ta nữa...” Trong câu ấy có một cái gì trấn an đến nỗi Hudson cũng cảm thấy vững tâm. Anh tiếp tục đọc, ít lâu sau, mắt anh mỏi vì đọc trong ánh sáng lung linh của ngọn *đèn dầu*, anh ngả lưng trên giường và ngủ thiếp đi.

Khi anh tỉnh dậy thì có lẽ đã gần nửa đêm. Chiếc tàu hãy còn *dao động* mạnh, gió bão hãy còn *gầm thét*. Anh không biết hiện thời chiếc tàu cách bờ và các mỏm đá *nguy hiểm* ấy bao xa? Hudson bước lên bong tàu trở lại. Nhìn qua làn nước lóng lánh dưới ánh trăng, anh thấy trước mặt có ánh đèn. Đó là đèn của ngọn hải đăng Holyhead, báo cho các tàu bè biết là chúng đang tới quá gần ngọn hải đăng. Hải đăng Holyhead—và các mỏm đá...

Anh hỏi to cùng viên thuyền trưởng, “Minh tránh được ngọn hải đăng ấy không?” Tiếng la của anh gần như bị luồng gió mang đi mất.

“Nếu chúng ta không bị dạt thì tránh được,” ông thuyền trưởng trả lời lớn tiếng lại. “Nhưng nếu chúng ta bị giạt thì chỉ có trời mới cứu chúng ta được thôi...”

Và chiếc tàu bị giạt thật. Họ nhìn một cách tuyệt vọng tia sáng mà chiếc tàu càng lúc càng tới gần. Với *độ dạt* này thì bao giờ chúng ta đụng ngọn hải đăng?

Hudson hỏi lớn, “Minh còn được hai tiếng đồng hồ không?” Có tiếng trả lời là chắc không lâu như thế. Không đến hai giờ đồng hồ...

Hudson xuống phòng của anh trở lại, nước mắt anh bắt đầu chảy xuống khỏi khoé mắt khi anh nghĩ đến cha, mẹ, và các cô em gái. Sẽ không bao giờ anh còn gặp họ trên đất này nữa. Họ sẽ buồn bã ra sao vì không biết số phận anh như thế nào khi tàu chìm. Anh rút ra một quyển sổ nhỏ và cẩn thận ghi tên và địa chỉ của anh. Anh nghĩ nếu người ta tìm được xác anh thì người ta sẽ nhận ra anh. Chuẩn bị xong chuyện ấy thì anh liền nhìn quanh quất để tìm một vật gì để bám vào khỏi *chết đuối*. Anh chưa tuyệt vọng. Nhìn thấy một cái giỏ đựng áo quần mà anh tin là có thể nổi trên nước, anh mang nó lên bong tàu, và dự định sẽ ôm chặt lấy nó khi tàu chìm. Anh bỏ một ít món đồ vào đó mà anh hi vọng sẽ hữu dụng nếu anh may mắn tấp vào đất liền. Xong anh mang chúng lên bong tàu.

Suốt thời gian ấy anh thảm nguyện trong lòng. Anh không thể cầu nguyện cho có *mạch lạc* vì quá rối trí. Bên trong lòng anh cam lặng *khấn cầu* Chúa, Cha của anh trên trời, để Ngài cứu họ. Anh nhìn vào mặt biển thấy bọt trắng xóa dưới ánh trăng sáng. Trước mặt con tàu vài trăm trước hình như là đất liền và các mỏm đá.

Anh hỏi viên thuyền trưởng, “Các thuyền cấp cứu có thể nào chịu nổi sóng gió như thế này không” vì anh lấy làm ngạc nhiên tại sao họ chưa cho hạ thuyền cứu cấp xuống.

“Không được...”

Hudson đề nghị, “Minh có thể cột một vài thanh gỗ rồi ráp lại thành bè được không?”

“Không đủ thì giờ...” Viên thuyền trưởng bỗng nhiên bước đi, dường như ông ta đã *quyết định* điều gì.

“Chúng ta sẽ thử cho mũi thuyền quay lại, nếu không nó sẽ lật úp” ông ta bảo thế. Hình như chiếc tàu đang đi thẳng vào đất liền ngay trước mặt. “Chúng ta phải cố gắng...nếu không sóng biển sẽ tràn qua bong tàu khi chúng ta quay mũi, đưa chúng ta xuống biển hết...Nhưng chúng ta phải thử xem sao!” Rồi ông ra lệnh. Nỗ lực quay mũi thuyền đi ra khơi không có kết quả. Sức gió và sóng biển quá mạnh. Tuyệt vọng, viên thuyền trưởng cho quay mũi thuyền sang phía bên kia. Làm như thế tức là mang chiếc tàu gần các mỏm đá hơn, rất nguy hiểm. Nhưng hi vọng với sức gió thổi vào các cánh buồm, chiếc tàu có thể tránh được các mỏm đá. Mọi người chăm chú nhìn vào các mỏm đá mà sóng biển đang đập vào trắng xóa, nước tung lên cao đến mấy thước. Chiếc tàu tránh được đá không? Chúng chỉ cách tàu bằng khoảng hai chiều dài của con tàu thôi. Nếu con *tàu* nhỏ ấy không giữ được phương hướng thì trong vòng mấy phút nữa sóng sẽ xô nó đập vào các mỏm đá, vỡ tan tành. Hudson *nín thở* theo dõi, tay bám chặt vào các dây cột buồm trong khi chiếc tàu *chòng chành* chống lại sóng cả. Chiếc tàu tránh được mỏm đá rồi! Thoát rồi! Bây giờ chỉ làm sao cố gắng ra khơi, tránh *bờ biển* nguy hiểm ấy là thoát nạn.

Rồi phép lạ xảy ra. Luồng gió từ trước vẫn đập không ngừng vào thuyền tự nhiên chuyển hướng thuận lợi cho chiếc tàu. Thật ra sự chuyển hướng chỉ nhỏ vài độ thôi nhưng cũng đủ mang tàu ra xa khỏi bờ biển. Sáng thứ hai khi mặt trời mọc lên thì ánh nắng không phải chiếu vào các *mảnh gỗ* bể vụn như Hudson lo ngại, mà chiếu xuống một chiếc tàu nhỏ, buồm giương lên hùng dũng, hướng ra biển khơi!

Chương 7 ĐẾN TRUNG HOA

Sau khi trải qua những *thích thú* và nguy hiểm của những ngày đầu tiên ấy, Hudson thấy vui sướng lúc chiếc tàu đi vào vùng thời tiết ấm áp và yên tĩnh hơn. Đồ đạc của anh *ướt sũng* nước biển, nay bắt đầu khô. Hết tuần này đến tuần khác, tháng này qua tháng nọ, chiếc tàu *Dumfries* nhỏ bé lướt qua các đại dương, trước hết là Đại tây dương khi tàu chạy dọc theo bờ biển phía tây châu Phi, băng qua Ấn độ dương tiến đến cách Úc châu khoảng 200 cây số, rồi qua các eo *biển* nằm giữa các *hải đảo* thuộc vùng Đông Nam Á dẫn tới Thái Bình Dương. Cũng trong thời gian băng qua các hải đảo ấy mà Hudson học biết rằng cái nguy hiểm trong khi mọi việc êm xuôi cũng trầm trọng không kém gì khi đang bị gió đưa đẩy!

Suốt nhiều ngày các cánh buồm của chiếc tàu nhỏ ấy *rũ xuống* trên những cột buồm vì không có chút gió nào thổi. Nhiều lần tàu chỉ đi được có mười cây số trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Và mặc dù ai cũng thích nhìn thấy các hải đảo có cây chà là nơi chân trời, hay nhìn các con cá vùng nhiệt đới *phóng lên* khỏi mặt nước, *cuộc hành trình* bắt đầu cảm thấy buồn chán. Năm tháng trôi qua kể từ lúc Hudson lên tàu từ bến Liverpool. Anh thuộc từng sợi dây thừng, từng *tám ván* trên sàn tàu của chiếc *Dumfries*. Bây giờ anh chỉ mong đặt chân lên đất liền trở lại mà thôi!

Một sáng Chúa nhật nọ, đang lúc anh *hướng dẫn* buổi thờ kính trên bong tàu thì anh nhận thấy người bạn quý của mình, viên thuyền trưởng *có vẻ lo âu*. Ông ta ít chú ý vào

buổi thờ kính hơn bình thường, và *thỉnh thoảng* ông bước tới lan can tàu nhìn qua mặt nước phẳng lặng. Không có chút *gió nhẹ* nào thổi. Sau đó khi các thủy thủ đã giải tán, Hudson đứng một mình với viên thuyền trưởng thì anh mới hiểu lý do tại sao ông ta lo âu. Chiếc tàu đang bị một *dòng nước* mạnh lôi về những *tảng đá ngầm*. Nếu không có gió thổi vào buồm thì không có cách nào *chống lại* được sức nước ấy cả.

Viên thuyền trưởng bảo, “Chúng ta đã đến quá gần các tảng đá ngầm rồi cho nên tôi không tin rằng hết chiều nay chúng ta có thể an toàn tính mạng được.” Vào lúc mặt trời lặn thường thường có cơn gió nhẹ nổi lên, nhưng nếu đến lúc ấy thì chiếc tàu có lẽ đã lao vào đá ngầm *lồm chồm* mất rồi. Một hi vọng duy nhất là hạ một chiếc thuyền cứu cấp xuống và cố gắng kéo chiếc tàu ra khỏi chỗ hiểm nguy. Tuy nhiên những nỗ lực của các thủy thủ, dù họ đã chèo hết sức, chẳng đi đến đâu. Dòng nước quá mạnh đến nỗi họ không thể nào làm chiếc tàu quay đầu được.

Viên thuyền trưởng đứng im lặng *bên cạnh* Hudson, rồi thốt lên một câu nói thẳng thắn:

“Thôi, chúng ta đã làm hết sức rồi. Bây giờ chỉ có thể chờ thôi...”

Bỗng nhiên Hudson nảy ra một ý. Nếu ngọn gió thường thổi vào lúc mặt trời lặn mà thổi *ngay bây giờ* thì họ sẽ thoát nguy. Và mặc dù họ không có quyền lực gì trên sóng gió—Thượng Đế có quyền ấy—Ngài có thể khiến cơn gió thổi sớm hơn.

Anh nhẹ nhàng bảo, “Còn một điều chúng ta chưa làm.”

Viên thuyền trưởng hỏi lại, “VẬY À? ĐIỀU GÌ?”

Họ chưa cầu nguyện. Đó là điều họ chưa làm. Viên thuyền trưởng im lặng. Hudson nói tiếp. Trong số các thủy thủ trên tàu, có bốn hay năm người tin Chúa và tin rằng Ngài nghe lời cầu nguyện. Anh đề nghị. “Mỗi người trong chúng ta đi về buồng của mình và đồng ý cầu nguyện xin Chúa cho cơn gió nhẹ thổi đến *ngay bây giờ*. Ngài có thể cho cơn gió thổi đến dễ dàng ngay bây giờ thay vì thổi vào buổi chiều...”

Viên thuyền trưởng hơi *ngạc nhiên* về *đề nghị* ấy nhưng sau giây phút *do dự*, ông ta đồng ý. Ông bảo, thôi thế thì chúng ta làm đi. Ông sẽ về phòng mình cầu nguyện, còn Hudson sẽ tìm một đồng bạn, người tiếp viên, anh thợ mộc người Thụy điển và *đề nghị* họ cầu nguyện. Trong số những thủy thủ trên tàu, mấy người ấy là những người kính sợ Chúa. Họ cần làm điều cuối cùng mà họ chưa làm để cứu chiếc tàu.

Hudson mới vừa cầu nguyện trong phòng có mấy phút thì bỗng nhiên anh cảm thấy chắc chắn Chúa sẽ sai cơn gió đến cho nên anh đứng dậy, đi lên bong tàu và đề nghị với viên phó thuyền trưởng nên mở các góc của cánh buồm chính.

Viên phó thuyền trưởng ngạo nghễ hỏi lại, “Làm như thế để làm gì?” Dĩ nhiên ông ta có lý vì ông cho rằng ông biết lúc nào phải mở cánh buồm hơn là anh chàng trên đất liền đang đứng trước mặt ông ta!

Hudson *giải thích*, “Chúng ta đã cầu nguyện Chúa sai cơn gió đến và cơn gió đang đến ngay bây giờ!”

Viên phó thuyền trưởng khịt mũi. Ông ta đáp sảng giọng, “Tôi muốn thấy gió hơn nghe về gió.” Nhưng theo bản năng ông ta liếc nhìn lên các cánh buồm, và Hudson nhìn theo thì thấy cánh buồm trên cùng đang phấp phới.

Anh kêu lên thích thú, “Hãy nhìn cánh buồm trên cùng kìa! Gió đang thổi đến!”

Viên phó thuyền trưởng không tin bảo, “Ồ mới chỉ là một hơi thở thôi!” Tuy nhiên ông ta kêu một hiệu lệnh lớn thì trong vòng chưa đầy một phút, những thủy thủ *đi chân không* chạy vội qua bong tàu, trèo lên các dây thừng buộc buồm. Những tiếng hoạt động ồn ào bất ngờ trên bong tàu khiến viên thuyền trưởng đi lên khỏi buồng để xem chuyện gì. Ông thấy các cánh buồm phập phồng trong gió, trong khi chiếc tàu từ từ quay khỏi đá ngầm và chạy với tốc độ sáu hay bảy hải lý một giờ! Và chàng Hudson Taylor trẻ tuổi đứng đó, mắt đăm lẹ vì vui mừng, lòng anh tràn ngập lời cảm ơn, anh thắm hớn hờ trong Chúa của anh, Đấng đã đáp lời cầu nguyện.

Chưa đầy một tháng sau thì tàu *Dumfries* đã bỏ neo ở đảo Gutzlaff để chờ viên *hoa tiêu* từ đất liền ra lái đưa nó lên *cửa sông* để cập bến Thượng hải. Anh đã bỏ đằng sau bầu trời trong sáng và những màu nước xanh của vùng khí hậu ẩm áp. Giờ đây trong khi anh đang đứng tựa vào lan can, Hudson không trông thấy gì cả ngoài sương mù dày đặc và dòng nước lờ đờ của sông Dương Tử chảy xiết, con sông đã khắc lòng sông lâu đời bắt nguồn từ cao nguyên *huyền bí* Tây tạng qua những bình nguyên *phi nhiêu*, đông dân của Trung hoa để sau cùng đổ vào Biển Trung Hoa sôi động.

Hudson nhìn chung quanh mình, cố gắng để thấy vùng đất mà anh đang đi đến. Sương mù dày quá chưa cho phép anh thấy được bờ sông dài và thấp, nhưng đang khi anh *nghiêng mình qua* lan can thì anh có thể thấy được bóng dáng mờ mờ của các *tàu bè* khác, những chiếc thuyền dị kỳ mang một cánh buồm khổng lồ duy nhất trên cột, với thân tàu uốn cong vẽ những hình thù kỳ dị bên hông. Không thể làm lẫn được vì rõ ràng đó là những chiếc thuyền nan Trung hoa mà anh thường học trong các sách giáo khoa có hình ảnh về Trung Hoa ở Barnsley, quê nhà anh! Giờ đây anh đã được thấy chúng tận mắt, và đang khi anh nhìn thì có một chiếc đi gần anh khiến cho anh có thể thấy được những người trên tàu. Họ ăn mặc những áo quần dẹt ở nhà rộng thùng thình, da họ màu vàng, mắt đen và sâu kín, tóc dài và mỏng kết bính—đúng là người Trung hoa! Lần đầu tiên anh được nhìn vào gương mặt của những người thuộc một dân tộc vĩ đại mà Chúa đã sai anh đến và là những người mà anh sẽ sống suốt đời với họ. Anh không biết một tiếng nào của ngôn ngữ họ, và những gương mặt thản nhiên lạnh lùng không phản ảnh được tí nào cảm nghĩ bên trong của họ. Anh tự hỏi, làm thế nào mà anh có thể bắt đầu học nói ngôn ngữ ấy. Khi *lên bờ* thì anh sẽ phải sống ở đâu nơi vùng đất chưa quen biết này? Làm sao anh có đồ ăn vì anh không biết phải nói làm sao! Anh đi đi lại lại trên bong tàu, lưng búng về những bản khoán ấy giữa những áo quần ẩm áp, cho đến khi những *tư tưởng miên man* của anh bị gián đoạn vì những hoạt động bất ngờ trên bong tàu.

“Người hoa tiêu! Người hoa tiêu đã lên tàu!” Thật thích thú! Lần đầu tiên sau năm tháng rưỡi bây giờ mới có một người cho họ biết tin tức về thế giới bên ngoài! Lần đầu tiên sau năm tháng rưỡi, bây giờ mới có một người Anh khác bước lên chiếc cầu nổi trên tàu! Hình như mọi người trên tàu đều chạy lên bong để nhìn ông hoa tiêu. Và ông ta cung cấp cho họ tin tức rất quý giá! Lần đầu tiên sau năm tháng rưỡi vượt đại dương, hoàn toàn bị cắt đứt với thế giới bên ngoài, thì Âu châu đang sôi động vì chiến tranh. Ngay tại Trung hoa cũng đã có chiến tranh—cuộc nội chiến giữa quân phản loại đồng đảo *càn quét* từ miền nam tiến lên chống lại quân đội hoàng gia *đổ xuống* từ miền bắc. Nhưng biến chuyển có ảnh hưởng quan trọng nhất đối với Hudson là thành phố Thượng hải lại nằm giữa cuộc xung đột! Quân phản loạn chiếm thành phố, còn thành phố thì bị khoảng năm mươi ngàn quân đế quốc vây hãm. Thực phẩm đã trở nên đắt

đỏ như thời kỳ tưng đỏi, và *hối xuất* cũng lên cao. Một đồng bảng Anh trước kia đỏi được năm mỹ kim Trung hoa, bây giờ chỉ đỏi được có ba mỹ kim!

Vì thế mà hôm sau khi anh bước *lên bờ* thì anh có cảm giác phức tạp, lúc anh đi theo người hướng dẫn để đi tới toà lãnh sự Anh quốc thì anh phải qua những toán lao công Trung hoa hung hăng hò hét. Giờ đây anh đã đặt chân lên đất Trung hoa! Thật thích thú. Nhưng khi anh rón chân bước qua *bùn* thì anh bắt đầu biết được những khó khăn phải *đối phó*. Chẳng có ai chờ anh mà anh cũng chẳng có một người bạn nào ở cả thành phố Thượng hải, và anh lại cũng không có bao nhiêu tiền. Tuy nhiên anh có 3 bức thư giới thiệu với những người ở Thượng hải mà anh dự định trình cho họ thật sớm. Ngoài chuyện ấy ra vì bây giờ anh đã đến nơi rồi mà anh không biết phải làm gì! Những hiểm nguy của cuộc hành trình trên biển giờ đây bỗng nhiên hình như trở thành *không nghĩa lý* gì đối với cảnh cô đơn cùng cực đang *hãm bắt* anh. Bước chân vào lãnh sự quán, khi anh hỏi thăm về những người anh muốn trao thư giới thiệu thì các câu trả lời chỉ làm cho anh *khốn đốn* thêm.

Anh được biết người đầu tiên đã qua đời một hai tháng trước vì bệnh sốt rét. Người thứ nhì đã trở về Mỹ. Chỉ còn người thứ ba là hình như còn đang ở Thượng hải. Bức thư giới thiệu cho người này do một người hầu như xa lạ trao cho Hudson! Lòng anh *nặng trĩu* khi anh bắt đầu lên đường đi đến khu vực của Hội Truyền Giáo Luân đôn.

Anh đi bộ hơn hai cây số qua các phố xá càng ngày càng hẹp khi anh rời khu vực người Âu châu. Những mái nhà uốn cong, các bao lơn nhô ra, những hàng nhỏ xíu, tối tăm trước cửa treo các bản hiệu xoay được vẽ hình tỉ mỉ, tất cả đều xa lạ đối với chàng thanh niên từ vùng Yorkshire đến. Đi đâu anh ta cũng bị các đám đông người Trung hoa mắt đen, sâu sắc, nghiêm nghị bu quanh. Các phu gánh giỏ qua vai kêu lên như ca hát cho dân chúng tránh né qua một bên khi họ len lỏi giữa *đám đông*. Đàn ông kết tóc bính đang ngồi trước các cửa hàng hay tiệm ăn dọc theo hai bên phố xá chật hẹp. Những *người bán dạo* các thức ăn nóng hổi, ngon lành đứng cạnh các xe đẩy, sẵn sàng dọn thức ăn ra liền nếu khách đặt mua. Thịnh thoảng dân chúng dạt qua một bên để tránh đường cho một cái *kiệu* do các phu vừa khiêng vừa chạy, xong rồi đám đông trở lại như cũ sau khi kiệu đã đi qua. Trong những năm tới Hudson phải tập *quen* dần với những cảnh tượng như thế để chúng trở thành quen mắt giống như khu phố chợ ở quê nhà. Tuy nhiên trong ngày đầu tiên này nơi đất Tàu, cái gì trông cũng không có vẻ thật, hầu như *hay lạ* đối với anh. Sau cùng khi anh bước vào khu Truyền giáo có hai cổng to thì anh cảm thấy nhẹ nhõm tuy rằng hơi *lo ngại*.

Nhân viên gác cổng người Trung hoa, hai tay giấu trong ống tay áo lễ phép *cúi chào* chàng thanh niên người Âu.

“Thầy cần gặp ai?”

Hudson đưa ra thư giới thiệu và xin gặp bác sĩ Medhurst.

“Bác sĩ không có nhà. Ông ta đi vắng rồi.” Anh gác cổng *cung kính* nhưng lạnh lùng, cúi chào lần nữa.

Hudson hỏi, “Ông ta đi đâu vậy?” Nhưng anh gác cổng, có lẽ đã dùng hết *vốn liếng* Anh ngữ của mình, tỏ ra không hiểu.

Thế này thì quả là *kẹt* thật! Đã chiều rồi, chỉ còn ít lâu nữa là trời tối. Một thân một mình giữa một thành phố xa lạ, anh không biết phải làm gì bây giờ? Một lần nữa anh tìm cách làm cho người gác cổng hiểu nhưng không được. Lúc gần *bỏ cuộc* thì anh mừng quá khi thấy một người rõ ràng là gốc Âu châu đang đi ngang qua sân. Hudson vội vàng tự giới thiệu.

Người thanh niên kia bảo, “Tôi là Edkins. Bác sĩ Medhurst không có đây nhưng *đồng nghiệp* của ông ta thì có. Tôi chắc hẳn ông ấy sẽ rất hân hạnh giúp đỡ ông. Xin mời ông vào và ngồi chờ để tôi đi tìm ông ta...”

Đêm ấy khi Hudson đi ngủ, thì anh ta không phải nằm trên cái giường gỗ trong căn phòng nhỏ trên chiếc tàu *Dumfries*, hay trong quán trọ Trung hoa ở giữa những người nói một ngôn ngữ mà anh không hiểu, nhưng anh được nằm trên một cái giường êm ái, sạch sẽ, trong một căn phòng rộng, thoáng mát của Khu vực Hiệp hội Truyền giáo.

Chương 8 THÀNH PHỐ BỊ VÂY HÃM

Ba *giáo sĩ* trẻ tuổi vui vẻ nhưng dè dặt ngồi xuống trên một chiếc thuyền nan bản xứ đang cập *bờ sông* bùn lầy. Họ lau mặt đang khi anh lái thuyền đẩy thuyền ra khỏi bờ. Quả là một ngày bận rộn. Khởi hành từ Thượng hải sau khi ăn sáng, khoảng trưa thì họ đến đảo Hoa trung, và từ lúc đó đến nay họ không ngừng *phân phát* các truyền đạo đơn và mặc dù vốn liếng ngôn ngữ của họ chẳng có bao nhiêu, họ vẫn cố gắng nói chuyện bằng tiếng Trung hoa với những người chèo thuyền dọc theo bờ. Các chiếc thuyền nan *chèo ngược xuôi* theo các con sông quanh Thượng hải thật *nhieu vô số*. Các gia đình lớn nhỏ, mới và cũ sống trên các căn nhà nổi trên mặt nước ấy. Các gia đình ấy thu hút Hudson và hai đồng bạn, Edkins và Quarterman.

Họ bảo nhau, “Chúng ta nên làm chứng cho những người này về Chúa Cứu Thế.” Làm sao mà những *người thờ hình tượng* nghèo khó này, với những bàn thờ nhỏ và các bó *nhang* trong nhà quay khỏi sự thờ hình tượng và *dị đoan* nếu họ chưa bao giờ nghe đến Một Thượng Đế Chân thật? Vì thế họ dành trọn một ngày để hoạt động truyền giáo giữa những người ấy, ngoài ra còn mừng vì được rảnh một vài tiếng đồng hồ, khỏi phải vất vả học tiếng Trung hoa. Họ rất hài lòng vì đang được nghỉ xả hơi, nghe tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền như ru ngủ. Những người sống trên các thuyền nan mà họ đã gặp đều vui vẻ nhận các sách nhỏ xinh xinh, viết bằng tiếng mẹ đẻ của họ. Thậm chí có một vài người cam đoan với các vị giáo sĩ trẻ tuổi rằng sau khi họ đọc xong, họ sẽ chuyển tay cho người khác đọc nữa là những người họ gặp ở các *bến* mà họ đến. Thật là một ngày ích lợi và giờ đây khi chiều đang xuống, nếu họ an toàn qua khỏi được Đội Tuần Duyên của Hoàng gia thì họ có thể về đến Thượng hải trước khi trời tối.

Vấn đề là làm sao họ qua khỏi Đội Tuần Duyên Hoàng gia an toàn. Các người chèo thuyền dĩ nhiên *lo ngại* về điều đó và bực mình vì các ông khách quý chờ đến quá trễ mới chịu về. Ban ngày thì các thuyền nan bản xứ đi lại trên sông khá dễ dàng nhưng bỗng bênh trên sông vào buổi tối ngay dưới các họng súng của Hoàng gia là một việc khác. Súng của hoàng gia có thể bắn bất cứ lúc nào, nhiều khi chẳng cần bị *khiêu khích* nữa. Vì thế những vật gì di động trên nước vào lúc tối đều bị *ngờ* là thuộc phe

phản loạn. Khi bắt đầu trở về đã quá trễ cho nên các người chèo thuyền không vui mấy. Chính các vị giáo sĩ cũng hơi e ngại.

Hudson bảo, “Nếu họ biết mình là người Anh và người Mỹ thì không sao.” Vì các cường quốc Tây Phương trung lập có những *chiến hạm* đang thả neo trên hải cảng và các binh sĩ võ trang của các chiến hạm ấy sẵn sàng *bảo vệ* mạng sống và tài sản họ nếu họ bị *tấn công* cho nên họ có thể đi lại khá an toàn. “Nhưng làm sao các lực lượng Hoàng gia phân biệt được khi tối trời?” Làm sao? Trong bóng tối thì làm thế nào thấy được da trắng, tóc nâu? Chỉ khi lên tiếng thì người ta mới biết họ không phải là người Trung Hoa thôi. Chỉ khi nào nói lên...Bỗng nhiên Edkins nảy ra một ý kiến.

Edkins bảo, “Tôi có ý kiến này. Chúng ta sẽ hát. Tất cả mọi người cùng hát chung, hát thật to bằng tiếng Anh thì họ sẽ biết chúng ta là người Tây phương!” Ý kiến ấy thật hay. *Cổ họng* họ khô và rát vì suốt ngày hôm ấy họ đã hát và nói rất nhiều trong khi đi làm chướng. Nhưng họ vẫn cố gắng. Và mỗi khi họ *đến gần* các chiếc tàu trông có vẻ của Đội Tuần Duyệt Hoàng gia thì họ lại hát lên những bài ca ấy. Họ hát chung những bài họ thuộc và mừng khi thấy rằng họ đã vượt qua hết tàu này đến tàu khác mà không bị xét hỏi gì.

Họ vừa *im lặng* khi qua khỏi chiếc tàu cuối cùng, bỗng nhiên các anh lái thuyền vội vàng bảo, “Các ông hãy hát nữa đi! Hát nữa đi!” Nhưng tại sao lại hát? Họ được báo cho biết là những chiếc tàu họ vừa qua khỏi chỉ là những chiếc *tàu hàng*, không có gì đáng ngại. Các người chèo thuyền thì thầm, “Nhanh lên, hát đi! Hát đi!”

Edkins trỗi giọng, “Bầu trời *bao la* trên cao kia,” rồi bật lên bài ca, hai đồng bạn *phụ họa* với anh. Trên sông ba giọng trẻ trung ngân lên, ca rằng, “bầu trời xanh lung linh, bóng mặt trời không ngại, mặt trăng và các ngôi sao quanh nó chói sáng, chúng hoan ca và trỗi tiếng reo vui vinh hiển. Chúng mãi ca hát và chiếu rạng. Bàn tay đã tạo nên chúng ta là Bàn tay thiên thượng!”

Cần phải có ba câu, tám dòng mỗi câu mới diễn tả đủ bài hát, và dòng cuối thì hát hai lần mới hết ý. Nhưng rủi thay, họ hăng hái hát đến câu cuối cùng thì cũng vừa lúc họ đi ngang qua chiếc tàu lớn nhất trong đội Tuần Duyệt! Sau khi hát câu, “Bàn tay đã tạo nên chúng ta là Bàn tay thiên thượng!” rồi thì im bật vì ba ông ca sĩ đang ngồi thờ hốt hển sau khi ráng sức. Rồi bỗng họ nghe trên chiếc tàu Hoàng gia có tiếng *gồng* báo động đánh loạn lên một cách đe dọa!

“Rồi sao nữa?” Edkins kêu lên. “Chúng ta phải tiếp tục hát. Không được bỏ lỡ giây phút nào!” và không cần gợi ý, anh ta bắt đầu hát trở lại. Đồng thời Hudson bắt đầu một bài ca khác, trong khi Quarter, có lẽ đã được cảm hứng, kêu lên, “Hãy thổi kèn, thổi lên!” với giọng vui tươi! Tuy nhiên, lỗ tai của những người nghe bài hòa âm ấy lại không được như ý! Các binh sĩ trên tàu chiến la lớn, và hình như trong vài giây phút, mọi người đều *la lớn* theo đủ kiểu. Đoàn Tuần Duyệt Hoàng gia, nghi rằng đây là âm mưu *ám muội* gì của bọn phản loạn đây nên chuẩn bị chiến đấu. Còn về phần các giáo sĩ, khi biết rằng các họng súng *có thể* đang chĩa về phía mình, bỗng nhiên họ nghe một giọng nghiêm nghị hỏi vọng từ trên tàu xuống:

“Ai ở dưới đó?”

Hudson và Edkins đồng thanh đáp, “Dân tộc của Anh quốc vĩ đại!”

Quarterman, người Mỹ tiếp, “Quốc gia Hoa kỳ!”

“Mấy thằng *quỉ* trắng! Quỉ trắng!” các anh chèo thuyền hét lớn. “Mấy thằng quỉ trắng đang ở trên thuyền!”

Tiếng trên tàu Hoàng gia hỏi, “Mấy anh đang đi đâu?”

“Đi Thượng hải.”

“Làm gì?”

Mấy anh chèo thuyền giải thích, “Để giảng đạo của họ. Mấy thằng quỉ trắng giảng đạo của họ.” Nghe nói như thế đáng lẽ phải tạo ra sự *kinh hoảng* nhưng lại không. Đội Tuần Duyên Hoàng gia biết rõ *ình hình*. Chiếc thuyền của họ được phép tiếp tục đi.

Khi họ đi khỏi Đội Tuần Duyên thì các giáo sĩ hạch hỏi mấy anh chèo thuyền, “Tại sao mấy anh gọi chúng tôi là quỉ trắng? Chúng tôi da trắng nhưng đâu phải là quỉ.” Họ nghiêm trang bảo. “Chúng tôi là người có *thịt và máu* do Thượng Đế Chân thật dựng nên như các anh. Quỉ không có thân xác, và vô hình. Hơn nữa, chúng nó là ác thần, *kẻ thù* của Thượng Đế Chân thật, lòng đầy mưu ác để làm hại nhân loại. Chúng đúng là quỉ! Nhưng rõ ràng mấy anh thấy chúng tôi không phải là quỉ mà là người như mấy anh vậy!”

Các anh chèo thuyền tỏ ra *hối hận*, nhất là vì họ chưa được trả tiền. Họ bảo họ rất tiếc vì đã *làm méch lòng* các vị khách quý. Tuy nhiên, họ chỉ là những người dân ít học, không biết chữ và chưa bao giờ được đặt chân tới trường. Còn những nước mà các vị khách quý xuất thân là các quốc gia văn minh, học thức, không giống như vùng đất nghèo khổ mà họ đang đặt chân đến. Những anh lái thuyền thấp kém ấy cảm thấy vui sướng vì được các vị khách quý đoái hoài và bằng lòng ngồi trên các chiếc thuyền nghèo hèn của mình và được nghe những lời lẽ khôn ngoan quý báu. Họ cam đoan là từ nay về sau dù cho bị *áp lực* đến đâu đi nữa, họ cũng sẽ chẳng bao giờ gọi các vị khách quý của nước Đại Anh Quốc hay Hoa Kỳ bằng các danh từ ấy nữa.

Các vị giáo sĩ cố gắng giải thích cho các anh chèo thuyền biết rằng họ không cảm thấy *bị xúc phạm* mà chỉ muốn các anh ấy xem họ là những con người mang *sứ điệp* của Thượng Đế Chân thật và Duy nhất đến cho họ. Các vị giáo sĩ sau khi lên *bờ* chia tay với họ trong tình thân thiện tốt đẹp. Và chiều hôm ấy khi các anh chèo thuyền dùng bữa qua các chén cơm và đĩa thì họ đồng ý rằng những ông quỉ trắng thật ra không làm tổn hại họ điều gì, và dù cho họ có vẻ hơi vô lý đi nữa thì họ cũng đã tỏ ra khá *rộng rãi* khi chi tiền.

Sau khi *cập bờ* thì Hudson vội vã đi ngay vì anh sợ không kịp giờ băng qua con lạch để vào thành phố anh đang cư ngụ. Thật là may vì anh đến vừa đúng lúc *tám ván* cuối cùng của chiếc cầu treo đang được rút lên. Anh về đến nhà tuy mệt, đói nhưng trong lòng cảm thấy vui. Ngồi một mình trong gian phòng sơn trắng, anh ăn cơm chiều mà lòng thấy sáng khoái. Bữa ăn chỉ gồm có một chén cơm, bốn đĩa rau Trung hoa nhỏ, và thịt băm. Anh dùng đũa để ăn thay vì dùng dao và nĩa. Hudson cảm thấy nếu ăn thức ăn ấy thì phải dùng đũa là tất nhiên. Anh cảm thấy có lý trước khi lên giường ngủ.

Từ ngày anh rời Liverpool lên tàu *Dumfries* ra đi đã gần một năm trời. Trong mấy tháng đầu tiên sau khi lên bờ ở Thượng hải anh đã tạm trú trong khuôn viên thoải mái của Hiệp hội Truyền Giáo Luân đôn. Ở đó anh thuê một người Trung hoa dạy anh tiếng Tàu. Tuy nhiên, giờ đây anh đã rời khỏi khu vực an ninh của Khu vực Định Cư Quốc Tế, nơi có các lãnh sự quán được các binh sĩ Âu-châu và Hoa-kỳ có vũ trang bảo vệ. Anh hiện đang ở một mình trong một căn nhà *lụp sụp* của thường dân gần Cửa Bắc của thành phố Trung hoa. Lúc nào tiếng súng và cảnh đánh nhau cũng nằm trong tầm tai và mắt anh, và cảnh khốn khổ mà quanh anh thật là ghê rợn. Bao nhiêu căn nhà bị thiêu rụi vì súng đạn, vô số người nghèo khổ trở thành vô gia cư, những người ăn xin tràn ngập đường phố kêu lên thảm thiết, “Xin ông bà cho tôi miếng bánh ăn!” Cảnh các người lính bị bắt và bị nắm búi tóc đuôi ngựa kéo lê đi để rồi bị chém đầu hay tiếng rú của họ khi bị tra tấn là cảnh thường thấy. Con đường mà Hudson đang sống là đường mà phe Đế quốc hăm dọa thiêu hủy. Mỗi đêm Hudson đi ngủ mà cứ phập phồng lo sợ là không chừng anh phải nhảy ra khỏi giường chạy để cứu mạng trước khi trời sáng. Lúc nào anh cũng phải thổi phồng nịt phao nơi hông trước khi đi ngủ vì nếu bị tấn công *bất ngờ* anh sẽ nhảy xuống lạch bơi qua khu vực Định Cư Quốc Tế.

Ở một mình trong căn gác của một căn nhà cũ kỹ, có nhiều lối đi và nhiều căn nhà phụ, Hudson mang một *cảm giác rờn rợn*. Và trong những hoàn cảnh như thế, nhiều lần Hudson quay sang đọc những khúc Kinh Thánh để an ủi trước khi quì xuống cầu nguyện. Và mỗi lần cầu nguyện như thế anh cảm thấy *an tâm*, bớt lo sợ. Hình như có một sự Hiện diện vô hình bảo vệ anh nói chuyện với anh. Và rồi anh ngủ ngon lành như khi còn thơ ấu lúc mẹ anh kể chuyện đời xưa cho anh nghe.

Mặc dù lúc nào cũng sống kề bên những hiểm nguy cùng những cảnh nghèo khó và khốn khổ *quanh* mình, bây giờ anh lại cảm thấy vui khi sống ở giữa những người Trung hoa hơn là ở giữa những người Âu châu trong khu định cư. Trong lòng anh mang một cảm giác thoải mái sâu xa vì có thể giúp đỡ ít nhiều những người đang gặp khốn khổ trong *cánh bị đất* của họ. *Kiến thức* y khoa của anh giờ đây đã tỏ ra hữu dụng. Không những thế, bây giờ anh có thể nói chút ít tiếng Tàu, anh có thể làm chứng về Thượng Đế, về Chúa Giê-xu, con Ngài. Anh nhớ một tín hữu Trung hoa điều hành một lớp học nhỏ ban ngày cho các trẻ em. Hudson và tín hữu Trung hoa ấy đi ra các phố xá *hẹp* có các lan can *nhô ra* và những bảng hiệu quay được vẽ *tỉ mỉ* để phân phát các truyền đạo đơn hay làm chứng cho những người bằng lòng nói chuyện với họ. Nghĩa là anh bắt đầu làm đúng những công tác mà anh đến Trung hoa để làm. Cho nên cái viễn tượng phải rời nơi ấy khiến anh rất *đau lòng*. Tuy nhiên anh biết rằng chắc trước sau anh cũng phải rời nơi ấy. Mỗi ngày chiến cuộc càng đến gần. Các khẩu súng đại bác của phe Phản loạn giờ đây được đặt ngay trên khu phố mà anh đang cư ngụ để chuẩn bị *bảo vệ* chống lại phe Hoàng gia. Nếu anh chỉ có một mình thì anh có thể ở lại, ra sao thì ra nhưng anh vừa được Hiệp hội Truyền Giáo Trung hoa thông báo là họ đang gọi thêm một nhân viên khác đến mà Hudson có nhiệm vụ chuẩn bị tiếp đón. Đó là bác sĩ Parker đang cùng vợ và ba con nhỏ đang trên đường đến Thượng hải. Mang một người đàn ông đến ở chung với mình tại một nơi nguy hiểm như thế này là một việc khó, mà mang một người mẹ cùng các con nhỏ đến nữa lại là một vấn đề nan giải

khác. Nếu tình hình không *khả quan* hơn thì Hudson biết chắc anh phải dọn trở về khu Định cư.

Một đêm nọ, sau khi ngủ được mấy tiếng đồng hồ thì anh vùng *thức giấc* vì tiếng lách tách và tiếng gầm thét, đồng thời do một ánh sáng kỳ lạ *phản chiếu* trong phòng anh. Lửa cháy! Vì các căn nhà bằng gỗ cất san sát nhau trong căn phố hẹp, anh biết rằng nếu có hoả hoạn thì lửa sẽ *lan ra* rất nhanh cho nên chưa kịp suy tính thì Hudson đã nhảy vội ra khỏi giường, người *ôm chặt* lấy quần áo. Gió thổi mạnh cho nên tình trạng càng thêm nguy hiểm. Cái màu đỏ lờ mờ phản chiếu trong phòng anh hình như càng ngày càng sáng rực hơn. Anh quyết định trèo lên mái nhà để xem lửa đến từ đâu. Anh vô cùng *hoảng hốt* khi thấy ngọn lửa chỉ cách có mấy căn nhà. Hơn nữa, anh nghe tiếng súng nổ quen thuộc. Và khi anh nhìn quanh từ điểm cao mà anh đang đứng trên mái ngói thì anh thấy đạn ria tứ phía trên các tòa nhà xung quanh anh. Anh mọp người xuống mà mắt vẫn dán chặt vào ngọn lửa. Anh có thể nhìn thấy các cuộn khói và ngọn lửa *phụt ra* từ các mái cong, và nghe tiếng người nói lảng vảng và tiếng hò hét trong phố. Anh không thấy chuyện gì đang xảy ra cả nhưng anh vội vàng thầm nguyện xin Cha Thiên Thượng gìn giữ mình.

Trong khi anh đang cầu nguyện thì mưa bắt đầu rơi lộp độp và gió ngưng bớt. Bỗng nhiên có một viên đạn đại bác rơi ngay trên mái nhà bên cạnh, nổ tung và những mảnh đạn bay vút qua người anh. Anh nhận thấy rằng nơi anh đang đứng thật chẳng thoái mái hay an toàn tí nào! Một lần nữa anh lại trèo vào phòng và mừng vì mưa đã bắt đầu rơi đều hơn, gió cũng nhẹ bớt. Ngọn lửa cũng *bớt dần* và đến năm giờ sáng, khi Hudson cảm thấy cơn nguy hiểm đã qua thì anh lại trèo vào giường ngủ, đánh một giấc khoảng một hay hai giờ trước khi bắt đầu một ngày mới! Hiện thời thì tiếng súng và cảnh bắn nhau ở khu vực anh là chuyện xảy ra như cơm bữa cho nên anh không thể làm gì khác hơn là đi tìm một căn nhà cho ông bà Parkers và ba con nhỏ của họ trong khu Định Cư Quốc Tế. Sau khi tìm kiếm vô vọng trong khu vực đông dân, *cuối cùng* anh thuê được ba phòng trên lầu một của một trong các căn nhà nằm trong khu Chung Cư thuộc Hiệp Hội Truyền Giáo Luân đôn. Thật may mắn cho anh. Hai ngày sau gia đình bác sĩ Parker đến. Hudson, lúc ấy mới hai mươi hai tuổi và mới chỉ đặt chân ở Trung hoa chưa đầy tám tháng, đột nhiên phải lo chăm sóc cho cả một gia đình!

Chương 9 CUỘC HÀNH TRÌNH TRÊN SÔNG

Gia đình bác sĩ Parker là người Tô cách lan, rất can đảm, hiểu biết, sẵn sàng chấp nhận những *bất tiện* và khổ sở. Thật là điều đáng mừng là họ có các đức tính ấy vì chỉ ít lâu sau họ *khám phá* ra rằng họ phải đối đầu với những tình trạng đó. Ba căn phòng trên lầu của căn nhà nhỏ lẽ ra cũng có thể tạm dùng được nếu có giường, *tủ chén*, và *hộc đựng quần áo*. Tuy nhiên ba gian phòng ấy gần như chẳng có gì. Nói về *bàn ghế* thì hình như Hudson chỉ có một cái chông tre, hai cái bàn và khoảng 6 cái ghế. Tất cả những thứ ấy đều để cho gia đình mới sử dụng nhưng bà Parker nhìn quanh để tìm chỗ để áo quần, giày dép, chai lọ, và sách vở thì không thấy gì cả. Thậm chí cũng

chẳng có *ngăn kệ* gì cả! Hơn nữa sàn nhà cũng không có thảm, cửa sổ thì không có màn che, và dù là đang mùa đông, cũng không có lửa sưởi ấm gì cả!

Nói cho cùng thì chỗ ấy thật là thê lương cho một gia đình với ba con nhỏ sau một cuộc hành trình lâu dài và vất vả trên biển. Tội nghiệp cho Hudson, sau khi anh nhìn qua các căn phòng chật đầy những thùng, giỏ, bao bị, anh cảm thấy vô cùng xấu hổ và bối rối. Anh không tưởng rằng chỗ ấy tệ hại như thế! Nhưng dù cho anh biết trước đi nữa anh cũng chẳng làm gì khác hơn được vì sau khi trả tiền thuê tháng đầu tiên, anh chỉ còn lại có ba mỹ kim. Anh thành thật hi vọng bác sĩ Parker đã được cung cấp *đầy đủ* tiền bạc vì nếu không thì anh chẳng biết tuần tới làm sao mà mua thức ăn nữa. Cho nên khi biết ông bạn đồng nghiệp của mình chỉ còn có mấy mỹ kim, Hudson thực sự lo sợ. Ông Parker mong tiền đang chờ ông ta ở Thượng hải. Hiệp hội Truyền Giáo Trung hoa đã *đoan chắc* với ông Parker là họ sẽ gửi một ít tiền cho ông tại đó.

Tuy nhiên, chẳng thấy tiền nào chờ ông cả. Các thư ông nhận được chỉ gồm toàn những lời chào thăm và khuyên nhủ, tuyệt nhiên không thấy *đá động* gì đến tiền bạc. Hudson sau này mới khám phá ra rằng những việc thu xếp về tiền bạc của Hiệp hội Truyền Giáo Trung hoa đều rất *bấp bênh*. Hình như các vị lãnh đạo của tổ chức ấy ngầm *tin tưởng* rằng nếu các giáo sĩ hết tiền thì họ vẫn có thể tiếp tục sống vui vẻ và khoẻ mạnh cho đến khi tiền được gửi đến cho họ!

Công ty đại diện chuyển tiền cho hiệp hội truyền giáo không đồng ý với lối làm việc này. Khi công ty biết *được tình cảnh khó khăn* của Hudson và gia đình ông bạn đồng nghiệp đang gặp phải thì công ty liền cho họ mượn tiền trước cho tới khi nào họ *nhận được* tiền gửi đến. Hudson rất mừng vì sự trợ giúp đúng lúc này. Anh không hoàn toàn *đồng ý* với một vài lời phê bình của các nhân viên công ty về cách thu xếp của hiệp hội truyền giáo! Thật ra Hudson viết một bức thư lẽ độ nhưng rất *thẳng thắn* trong đó có một ít câu rất cứng rắn về trách nhiệm của hiệp hội truyền giáo đối với các giáo sĩ của mình. Rồi Hudson ngồi xuống và tìm cách *thích ứng* với hoàn cảnh mới. Mấy tháng sau đó anh ở chung với gia đình bác sĩ Parker. Anh rất vui vì có những bạn đồng lao hết lòng và rất hi sinh. Tuy nhiên, sống chung với một gia đình năm người trong ba phòng khiến cho Hudson khó yên tĩnh *tập trung* tư tưởng để học một ngôn ngữ khó nhất thế giới. Nhiều lần anh mơ ước trở về sống trong gian nhà lụp sụp gần Cổng Bắc của thành phố Trung hoa, nơi anh có thể tiếp xúc thường xuyên với người Tàu. Chỉ có cách ấy mới tìm hiểu họ được, để học nói theo cách họ nói, nghĩa là *sống chung* với họ. Vì thế một ngày nọ anh rất *mừng* khi Edkins, bạn anh gợi ý với anh.

Edkins bảo, “Tôi sẽ làm chuyến du hành xuống Kha-sinh. Tôi sẽ thuê một chiếc nhà thuyền (thuyền làm nhà ở) trong một tuần rồi thả thuyền đi từ từ và dừng lại ở những thành phố hay thị trấn mình đi qua để phân phát truyền đạo đơn và giảng dạy. Anh có muốn đi với tôi không?”

Muốn à! Hudson khởi cần ai *thuyết phục*. Du hành vào nội địa trong một tuần, sống trên nhà thuyền của người Trung hoa, tận mắt thấy đời sống người Trung hoa—đó chính là điều mà anh hằng mong ước! Anh *lập tức* chuẩn bị—giường, giờ thức ăn, lò nấu, nồi niêu và thuốc men đồng thời mang theo một mớ sách vở và truyền đạo đơn. Khi anh đi xuống bờ sông chật chội theo sau những *phu khuân vác* mà anh thuê để

mang *hành lý* của anh lên thuyền, anh rất ngạc nhiên vì chỉ đi có một thời gian ngắn mà phải mang theo quá nhiều đồ đạc như thế! Và rồi phải mặc cả, hò hét, và vội vã trước khi mọi thứ được đưa lên thuyền an toàn. Sau cùng chiếc thuyền rời bến ra giữa dòng, lách qua vô số các chiếc thuyền nan khác đang thả neo gần bờ. Đến lúc này Hudson đã quen dần với những thói quen của các phu khuân vác và không còn cảm thấy khó chịu khi họ quát tháo lẫn nhau, chửi rủa nhau bằng những từ ngữ thô lỗ mà rất may Hudson không hiểu! Tuy nhiên họ thường *chia tay* nhau trong thân thiện như thể họ vừa mới hỏi thăm sức khỏe của nhau. Rõ ràng đó là khuôn mẫu của họ.

Bây giờ thì chiếc thuyền đang thả buồm dọc theo con sông rộng. Hudson nhìn những bờ sông thấp và bùn lầy, những gian nhà lụp sụp, cho đến khi phong cảnh thay đổi khi thuyền rời xa thành phố và tiến về phía vùng nông thôn bao la. Chiếc thuyền đi qua hết làng này đến làng khác, qua những dải đất mênh mông trên đó có vô số gò đất ghi dấu những mồ mã của các thế hệ đã qua. Xứ này đông dân thật! Cứ mỗi vài dặm thì thấy nhiều xóm nhà xúm xít nhau, đâu đâu cũng có dấu hiệu người ở. Sau cùng khi họ đến thành phố đầu tiên mà họ phải lên bờ thì lập tức có vô số con cháu nhà Hán, mặc áo quần xanh vây quanh vì họ tỏ ra hiếu kỳ đối với hai người ngoại quốc mới đến. Edkins và Hudson liền mang theo thật nhiều sách nhỏ và truyền đạo đơn, được bao nhiêu hay bấy nhiêu rồi bước lên bờ đi vào thành phố.

Trong khi đó trong thành phố đầu tiên mà hai giáo sĩ chứng kiến một việc mà sau này ghi sâu vào ký ức của Hudson. Hai người đã bước vào sân trước của một ngôi đền, mái xây hình con rồng và dọc theo hành lang âm u có những hình tượng khổng lồ và dễ sợ thản nhiên nhìn xuống các thiện nam tín nữ đang quỳ lạy trước các hình tượng ấy. Quần chúng đang xúm quanh hai vị giáo sĩ đang lắng nghe Edkins và Hudson thay phiên nhau giảng. Khi giảng xong thì hai vị giáo sĩ dễ dàng phân phát hết số sách nhỏ mà họ mang theo. Hai người sắp sửa đi sang nơi khác thì hai ba nhà sư mặc áo cà sa vàng, đầu cạo trọc bước tới.

Họ lễ phép mời “Thưa quý vị, xin kính mời quý vị vào bên trong ngôi nghỉ ngơi giây lát.” Họ vừa nói vừa hướng dẫn hai người vào khu vực họ ở. Hai vị giáo sĩ liền đi theo họ vì hai người cũng muốn thấy bên trong của một tu viện Phật. Sau vài phút nói chuyện thì các vị sư ngỏ ý muốn dẫn các vị khách thăm ngôi chùa. Họ bảo,

“Các ông có muốn vào thăm ông thánh của chúng tôi không?”

“Ông thánh của các ông à?” Các vị giáo sĩ thắc mắc, ông ta là ai, như thế nào? Dĩ nhiên họ muốn gặp “ông thánh” ấy.

Hai người được dẫn đến một khu nằm khá xa trong tu viện, rồi lên đến một bức tường. Trong bức tường có một lỗ nhỏ, chỉ đủ cho một bàn tay thò vào thôi.

Các vị sư bảo, “Ông ta ở trong đó.”

Hudson nhìn quanh để tìm cánh cửa nhưng không thấy. Họ bảo, “Không có cửa nào cả.” Hudson đột nhiên cảm thấy *khó tin* vì người nào ở trong đó hẳn là phải bị tường gạch xây bít lại! Nhìn qua lỗ hổng, anh chỉ nhìn thấy hình ảnh mờ mờ của một người đàn ông ngồi sát tường. Không có cửa sổ gì cả cho nên ánh sáng lọt vào đó chỉ là ánh sáng mờ mờ của hành lang âm u mà thôi. Đứng đó mà nhìn vào thì thấy một con người giống như anh, sống một mình trong một gian phòng nhỏ xíu như cái hòm. Ông ta vẫn

còn thờ. Ông ăn và uống những đồ ăn người ta chuyền qua cái lỗ trong vách. Ngoài chuyện ấy ra thì ông ta xem như chết rồi. Ông ta sống những ngày và đêm trong ánh sáng lù mù và cảnh im lặng. Làm như thế, nghĩa là cắt đứt mọi liên lạc với đồng loại, ông ta có thể nào tiêu trừ tội lỗi, đạt được mức thánh thiện và gạt hái nhiều thành quả vì mọi dục vọng đã bị diệt hay không? Hẳn nhiên là tôn giáo của ông ta dạy như thế vì anh được cả thành phố *ngưỡng mộ*. Ông tự nguyện đi vào thế giới nửa sống nửa chết, tin rằng nhờ đó ông sẽ vào niết bàn, tức “thiên đàng” của những người theo Phật giáo.

Edkins và Hudson liếc mắt nhìn nhau. Họ đã nghe nói đến các ông thánh này, tức là những người nghèo khổ tôn sùng một đạo lạ nhưng chưa bao giờ được tận mắt thấy một ông thánh nào cả. Bị thúc đẩy vì lòng thương xót sâu xa, Edkins bước gần đến cái lỗ để anh có thể nói rõ ràng với người đàn ông bên trong bức tường. Anh giải thích rằng anh đến thăm và mang sứ điệp từ một Thượng Đế duy nhất đến cho ông ta. Anh cũng hăng hái bảo “ông thánh” ấy rằng tội lỗi của ông ta có thể được tha thứ hết qua Chúa Cứu Thế. Anh dùng lời lẽ rõ ràng nói về Chúa Giê-xu chịu chết trên thập tự giá, và rằng Ngài đã sống lại từ kẻ chết để làm Cứu Chúa cho những ai tin cậy nơi Ngài. Nhưng tất cả những điều ấy đều có vẻ xa lạ và mới mẻ đối với người đang bị nhốt kín sau bức tường và với những vị sư sãi mặc áo cà sa vàng đang đứng quanh. Họ chưa bao giờ nghe đến “đạo ngoại quốc” này cả cho nên họ nhìn hai vị giáo sĩ bằng những cặp mắt đen láy, thờ ơ, phản chiếu qua vẻ mặt lịch sự nhưng không tin của họ. Họ cũng có thượng đế của riêng họ—Đức Phật Thích Ca. Còn những người Tây Phương này cũng có Thượng Đế của họ—Chúa Giê-xu. Ai cũng tốt cả. Họ bảo đạo nào cũng được vì đạo nào cũng đưa tới cùng một đường. Họ tiễn hai vị khách ra đến cổng của sân chùa, lễ phép cúi chào và trở vào toà nhà u tối có những ánh đèn dầu leo lét, các que hương, các hình tượng ghê sợ, và “ông thánh” sống trong bóng tối tĩnh mịch.

Hudson và Edkins vừa bước ra đường thì bỗng nhiên hai người trở thành mục tiêu chú ý cho mọi người. Họ phải trở lại thuyền hai ba lần để lấy thêm truyền đạo đơn. Một lần họ suýt bị té xuống sông vì đám đông vây quanh lấn ép. Mãi đến gần tối họ mới có cơ hội yên tĩnh để duyệt lại biến chuyển trong ngày. Bước lên cầu thang quanh co trong chùa, họ yên lặng đứng quan sát quang cảnh bên dưới. Từ chỗ họ đứng thì cả thành phố trông giống như một cái hồ toàn nóc nhà, họ có thể nhìn từ đó cho đến các bức tường dày, kiên cố vây quanh thành phố và có thể thấy luôn vùng đồng quê bằng phẳng quá tầm mắt. Các cánh đồng lúa rải rác có những chòm cây báo hiệu các xóm làng chạy dài đến tận chân trời. Đây đó có những ngôi chùa và đền có mái cong sừng sững trên nền trời cho thấy các thành phố và thị trấn gần đó. Hai người nhận ra rằng có hàng trăm ngàn người đang sống trong tầm mắt của họ trong khi họ đang đứng nhìn bóng chiều ngả dài trên vô số căn nhà nhỏ và tối tăm, nhà nào cũng có hình tượng, các vị thần bằng giấy, các bó nhang và các trang thờ tổ tiên. Đây chỉ mới là ven biên của một đế quốc vĩ đại kéo dài hàng trăm dặm vào tận vùng nội *địa chưa được khám phá*.

Vùng nội địa đó là Trung hoa nội địa. Chiều hôm ấy trong khi Hudson đang đứng trong chùa thì anh nhận thấy con số dân chúng khổng lồ của Trung hoa bắt đầu mang một ý nghĩa mới đối với anh. Thành phố Thượng hải có nhiều phố xá chật hẹp và vô số chợ búa cho nên hầu như nó giới hạn tầm nhìn của anh từ trước tới nay mặc dù anh và bác sĩ Parker đã đi sâu vào vùng quê để giảng dạy và phân phát truyền đạo đơn trong các làng quanh đó. Tuy nhiên bây giờ khi nhìn vùng đồng bằng vĩ đại và yên tĩnh, anh chỉ biết lơ mơ những vùng xa tít về phía tây, những dải đất bao la nơi có vô số thành thị, làng mạc trải dài quá trí tưởng tượng. Và trong các thành phố và làng mạc ấy, người ta chỉ biết có một con đường duy nhất là con đường tối tăm đưa đến cái chết mà thôi. Anh nhớ lại ông thánh ngồi yên lặng và bị bít tứ phía trong tu viện... Những cái chiêm trong đền thờ, sự thờ cúng linh hồn tổ tiên, sự sợ hãi ma quỷ—tất cả hình như là một tấm khăn đen trùm lên cái nền văn minh đông phương vĩ đại này. Hình như nền văn minh ấy đang nằm trong cánh tay của một con quái vật khổng lồ hung ác nào đó. Cậu bé đã từng nghe tiếng bảo, “Hãy đi sang Trung hoa cho Ta” bỗng nhiên bắt đầu hiểu được tầm mức vĩ đại của trách nhiệm trước mặt mình. Và có lẽ cả linh hồn của anh đã trở thành sắt đá để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu cam go trước mặt. Đó là một cuộc xung đột đòi hỏi từng mảnh sức lực của anh, lòng can đảm và cương quyết hơn cả trí tưởng tượng của anh. Cho nên khi anh trở lại thuyền chiều hôm ấy thì anh đã mang trong trí một ý nghĩ nghiêm trọng. Dù tốn kém bao nhiêu, dù đường đi có gay go đến đâu đi nữa thì dân chúng xứ này phải được nghe về Đấng duy nhất có thể cứu họ khỏi sự chết.

Chương 10 **BỊ BỎ RƠI Ở TRUNG HOA**

Hudson mệt mỏi ngồi xuống trên bực thềm của ngôi đền. Anh quyết định sẽ ngủ đêm tại đó. Lúc ấy đã hơn một giờ sáng. Anh đã hết sức cố gắng tìm một chỗ ngủ ở một thành phố lạ và không mấy thân thiện. Cửa nhà nào hình như cũng đóng chặt trước mặt anh, còn anh thì quá mệt mỏi không thể lết thêm bước nào được nữa. Anh ngả lưng trên các phiến đá gỗ ghè, lạnh buốt, rồi đặt bị tiền dưới đầu, tự hỏi không biết có ngủ được không.

Anh mặc áo dài xanh, mang dép vải, đầu cạo trọc chỉ trừ trên đỉnh đầu tóc kết bính, trông anh giống hệt như một người Trung hoa, nghĩa là một người Anh, da trắng, mắt xanh gốc Yorkshire đang hóa thành người Trung hoa càng nhiều càng tốt. Mấy tháng trước đây anh đã bắt đầu ăn mặc giống y người Trung hoa. Vì thế mà anh đã bị các đồng nghiệp Âu châu chỉ trích nhưng anh có thể hội nhập dễ dàng hơn với người Trung hoa, và có thể đi đến nhiều nơi mà đa số người Âu châu có thể bị rắc rối. Đây là lần đầu tiên mà anh phải ngủ ngoài trời. Gần đây thì hình như không có việc gì suông sẻ cả. Đầu tiên là cơn hỏa hoạn thiêu hủy hết số thuốc của anh—quả là một mất mát lớn vì phí tổn thay thế số thuốc ấy rất cao. Rồi đến việc trước đó hai hôm, người đầy tớ của anh biến mất cùng tất cả hành lý của anh khiến anh bị kẹt, không còn gì ngoại trừ áo quần anh mặc trong người. Rồi bây giờ lại thiếu may mắn trong việc tìm chỗ trú ngụ. Anh hi vọng là đến sáng hôm sau anh sẽ có bữa điểm tâm, sau đó anh sẽ đi tìm người đầy tớ và hành lý lần cuối cùng rồi trở về Thượng hải. Vì anh chẳng còn bao nhiêu tiền

trong túi cho nên việc tìm cách đi đến Ninh-bảo, nơi gia đình ông bà Parkers đang ở là việc vô ích. Anh úp mặt xuống gối đá, thở dài, rồi nhắm nghiền mắt lại.

Bỗng nhiên anh thức giấc, toàn thân anh căng thẳng nhưng bất động. Cái gì đang di động trong bóng tối kia? Có bóng người mờ mờ đang lén lút bước ngang các bậc thềm tiến về phía anh. Hudson vẫn nằm yên, giả bộ ngủ, anh trông rõ ràng bóng rách rưới của một tên ăn mày. Người ấy lặng lẽ bò đến vị giáo sĩ rồi đứng nhìn chăm chăm vào anh ta. Hudson nằm yên không cử động và sau vài phút khi chắc chắn rằng Hudson đã ngủ say, anh ăn mày cúi xuống và nhẹ nhàng sờ soạng vào Hudson.

“Anh làm cái gì đó?”

Hudson nhẹ nhàng hỏi nhưng giọng anh có vẻ đe dọa. Anh ăn mày giật mình. Cái ông đang nằm đó thật ra đâu có ngủ—ông ta đang thức và hình như sẵn sàng ra tay! Anh ăn mày vội vàng rút lui.

Hudson nhận thấy rằng anh nên cất tiền ở một nơi khác an toàn hơn là để ở dưới đầu khi ngủ, cho nên sau khi cất một ít tiền trong túi áo trong, số còn lại giấu trong ống tay áo, anh lại nằm xuống ngủ. Anh vừa thiu thiu thì bỗng nhiên linh tính đánh thức anh dậy. Anh cảm thấy có những chuyển động trong bóng tối, rồi hình dạng của những bóng người mờ mờ tiến tới gần. Lần này anh ăn mày trở lại với một hoặc hai đồng bạn nữa. Hudson nằm yên không cử động cho đến khi anh cảm thấy có bàn tay sờ soạng dưới đầu anh, tìm bị đựng tiền.

“Mấy anh làm gì đó?” Anh hỏi với giọng khe khẽ nhưng cương quyết như lần trước. Họ không trả lời nhưng mấy người ăn mày lùi lại vài bước rồi ngồi xuống.

Hudson hỏi lại, “Mấy anh làm gì đây?”

Họ trả lời, “Ngủ đêm ở ngoài ngôi đền thờ—như ông vậy.”

Hudson bảo, “Vậy thì mấy anh làm ơn qua phía bên kia và để tôi yên. Phía bên kia còn dư chỗ cho mấy anh.”

Các anh ăn mày không phản ứng gì trước lời đề nghị của Hudson nhưng họ không nhúc nhích. Vì thế Hudson ngồi dậy. Anh cảm thấy không nên nằm chỗ ấy vì anh có thể ngủ quên. Anh có thể bị lột hết những gì anh mang theo người nếu anh không tỉnh ngủ.

Để gỡ rối, một trong mấy anh ăn mày bảo Hudson, “Anh nên nằm xuống ngủ nếu không sáng mai anh sẽ không có sức làm việc. Đừng sợ.” Anh ta tiếp như trấn an, “Chúng tôi sẽ không rời anh. Chúng tôi sẽ canh không cho ai làm hại anh!”

Hudson đồng ý bảo, “Mấy anh nghe đây. Tôi không cần các anh bảo vệ tôi. Tôi không cần chuyện ấy. Tôi không phải người Trung hoa, tôi không thờ lạy các hình tượng của các anh. Tôi tôn thờ Thượng Đế. Ngài là Cha tôi. Tôi tin cậy nơi Ngài. Ngài sẽ bảo vệ tôi. Tôi biết mấy anh là ai và định làm gì. Tôi bảo cho các anh biết, tôi sẽ không ngủ. Tôi quyết định canh chừng mấy anh.”

Mấy anh ăn mày không nhúc nhích, còn Hudson cũng vậy. Anh ngồi dựa lưng vào vách, cố gắng giữ cho khỏi buồn ngủ, thì giờ trôi qua chậm chạp. Thình thoảng anh lên tiếng, một phần để cho các người ăn mày biết anh vẫn còn thức, một phần để anh khỏi ngủ! Sau cùng anh nảy ra ý kiến để khiến anh thức là hát, rồi sau khi đã hát chán rồi anh đọc lớn các khúc Thánh Kinh, xong thì cầu nguyện. Trong khi những việc thiêng liêng ấy khiến anh thêm hăng hái thì chúng lại có tác dụng trái ngược đối với các anh

ăn mày. Họ thì thầm với nhau, bảo anh phải nói khe khẽ, rồi cuối cùng bỏ đi. Trước khi trời sáng và sau khi thấy họ biến dạng sau ngõ hẻm, Hudson nghi xả hơi, rồi ngủ được trong giây lát.

“Cáo có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ gối đầu.” Những lời đó mang một ý nghĩa mới cho anh ngày hôm ấy trong khi anh mệt mỏi lê bước dọc theo bờ ruộng tít mù trên con đường đến nơi mà anh hi vọng sẽ tìm được một chiếc thuyền chở anh đi Thượng hải. Thầy của anh biết bị khinh khi và từ bỏ như thế nào, anh cũng có kinh nghiệm ấy hôm trước khi anh đi tìm chỗ trú thân mà không được. Thầy của anh biết chịu lạnh và khó chịu khi ngủ ngoài trời và bị những người bắt lương theo đuổi. Cho nên những nỗi khổ cực và sỉ nhục mà anh đã trải qua không đáng kể gì so với những cảnh khổ mà Đấng Cứu Thế Giê-xu, Chúa Vinh hiển đã cam chịu vì anh! Nếu anh có mất tất cả các cửa cải, và hình như anh đang mất thật đấy nhưng có đáng kể gì đâu! Linh hồn của những người Trung hoa này đáng giá gấp ngàn lần so với những cửa cải vật chất mà anh quý trọng. Tại sao anh quá bận tâm đến các cửa cải ấy mà không lo gì đến linh hồn của những tội nhân nghèo khó và dốt nát này? Cho nên vừa đi anh vừa cầu nguyện, “Chúa ơi, xin tha thứ những khuyết điểm của con. Xin giúp con chỉ làm theo ý muốn Ngài, xin cho con đi theo dấu chân Ngài...” Theo các dấu chân ấy và trở nên giống như Thầy mình, ngoài ra không còn có gì đáng kể nữa.

Đêm đó anh được các thuyền nhân thân thiện mời ngủ chung trên thuyền với họ, và anh vui vẻ nhận lời. Thật là lạnh vì không có giường nhưng anh cảm thấy thoải mái nằm xuống mà không sợ bị cướp bóc. Sáng hôm sau khi thức dậy thì anh cảm thấy đau cổ nhưng lòng thì thoải mái vì nỗi lo âu về những mất mát của anh đều tan biến cả. Dù sao, Thượng Đế có thể phục hồi lại các mất mát ấy nếu điều đó là tốt cho anh, bằng không thì anh cũng chẳng cần!

Giờ đây việc cần phải làm là tìm một chiếc thuyền đi Thượng hải, và phải trở về đó ngay. Anh không cần phải tìm người đầy tớ hay hành lý nữa. Anh đi bộ trên đường dài về phía đô thị, nơi anh hi vọng sẽ tìm được một chiếc thuyền. Sau khi trả tiền ăn sáng nơi quán bên đường và kiểm điểm lại thì anh thấy chỉ còn đủ trả lộ phí và tiền ăn trong ba hoặc bốn ngày để đi đến Thượng hải mà thôi. Bây giờ là phải tìm một chiếc thuyền chở anh đi đến đó càng sớm càng tốt!

Nhưng chẳng có chiếc thuyền nào đi Thượng hải cả. Người ta cho anh biết là dù cho đi đến Kha-sinh Phú cũng chẳng có thuyền nào đi. Hudson chạy từ văn phòng của thuyền cho đến bờ sông, hỏi thăm người ta xem có ai biết có thuyền nào đi Thượng hải không—nhưng không có kết quả. Tất cả các tàu bè đều bị mắc cạn nơi đáy sông khô. Chúng phải nằm ụ ở đó chờ mưa xuống, nước dâng lên mới đi được. Có thể phải mất mấy tuần lễ trước khi chúng có thể di chuyển—nhưng anh thì chỉ còn đủ tiền tiêu khoảng năm ngày nữa thôi! Hi vọng gần như tiêu tan khi anh đột nhiên tìm được một chiếc thuyền chở thư từ, nhỏ hơn các chiếc thuyền nặng chở hàng đang đậu dọc theo bờ sông, các thuyền ấy đang đi dọc theo dòng nước hẹp vẫn còn chảy giữa đáy sông. Thuyền ấy đang đi về phía Kha-sinh Phú!

“Anh ơi!” Hudson bắt đầu chạy, quên cả mệt và chân đau. Chiếc thuyền đi trước anh cho nên anh phải chạy bộ theo gần hai cây số mới có người nghe tiếng anh gọi.

Anh kêu lớn, “Có phải anh đi về Kha-sinh Phú không?”

Họ đáp, “Không!”

“Anh có đi về hướng đó không?”

“Không!”

“Vậy anh có thể cho tôi quá giang về hướng đó bao nhiêu hay bấy nhiêu được không?”

“Không.”

Hudson đứng khựng lại, nhìn theo chiếc thuyền tiếp tục đi. Hi vọng cuối cùng tiêu tan! Anh cảm thấy phát bệnh, cơn ớn lạnh hình như đang chạy khắp người anh.

Anh nghĩ, “Có lẽ mình phải ngồi xuống nghỉ,” và anh ngồi phịch xuống trên bãi cỏ nơi bờ sông, rồi ngất đi. Mọi vật bỗng nhiên trở nên tối sầm lại.

Nằm như thế bao lâu anh không biết. Dần dần khi tỉnh lại thì anh nghe có tiếng người nói. Tiếng nói đến từ phía bên kia sông, và khi tỉnh hẳn thì anh biết họ đang nói về anh.

Có tiếng bảo, “Anh ta nói đặc giọng Thượng hải,”—đúng là giọng hoàn toàn Thượng hải! Rõ ràng là họ tưởng anh là người cùng thành phố với họ. Sau đó anh thấy có chiếc thuyền từ bên kia sông đi qua để chở anh. Họ mời anh lên thuyền.

Những người chèo thuyền tốt bụng rất thông cảm khi nghe chuyện của Hudson. Người đầy tớ của anh đã biệt tích mang theo luôn tất cả hành lý của anh. Anh đã hết sức tìm kiếm người ấy trong hai ngày nay và bây giờ anh chỉ còn đủ tiền để đi về Thượng hải—mà lại không tìm được thuyền! Họ thương hại nhìn ông giáo sĩ người Âu châu đang mệt mỏi, ăn mặc giống y như họ và nói ngôn ngữ họ lưu loát như người bản xứ. Và sau khi anh uống ít trà, họ lấy nước ấm cho anh ta rửa chân thì họ rất sửng sốt vì thấy chân anh bị phỏng cả. Nhưng tất cả những khó khăn của anh ta đang kết thúc. Người chủ thuyền cho anh ta thức ăn, tìm cho anh một chiếc thuyền đi về Thượng hải và ngỏ ý trả tiền vé cho anh nếu cần. Hình như những nỗi bất hạnh của anh sau cùng đã xoay chiều.

Khi trở về Thượng hải, Hudson đi tìm hỏi về người đầy tớ đã biến dạng với hành lý của anh. Hay là người ấy đang gặp rắc rối vì bị bắt giữ bởi những viên chức không mấy thiện cảm với người Trung hoa nào làm việc cho người Tây phương cũng không biết chừng? Hay là anh ta chỉ muốn đánh cắp các hành lý ấy rồi bỏ trốn? Mỗi một thời gian lâu Hudson mới nhận thấy rằng giả thuyết thứ hai có vẻ đúng cho nên có người gợi ý là Hudson nên nhờ pháp luật giải quyết! Người ta bảo anh là một người như thế phải bị trừng trị, và Hudson đồng ý trên nguyên tắc. Tuy nhiên còn có một điểm khác cần lưu ý. Nhiều lần chính Hudson đã giảng cho các người đầy tớ của mình về tình yêu của Thượng Đế, về sự tha thứ của Chúa Giê-xu đã tỏ ra ngay cả cho những người đã đóng đinh Ngài vào thập tự giá. Đây là cơ hội để chứng tỏ tinh thần tha thứ ấy bằng cách lấy thiện trả ác. Cho nên thay vì giao nộp vụ cho một vị quan Trung hoa xét xử, Hudson viết một bức thư cho người đầy tớ ấy, nêu cho anh ta thấy anh ta đã sai lầm như thế nào và khuyên anh ta thay đổi. Hudson nghĩ rằng làm cho lương tâm anh ta bị cáo trách để anh quay trở về cùng Thượng Đế và cho linh hồn anh ta khỏi đi vào hỏa ngục còn tốt hơn là *chính anh* tìm lại được hành lý! Nếu hành động tha thứ này của anh có tác dụng tốt trên người ấy thì dù cho Hudson có mất gấp đôi số tiền ấy đi nữa—giả sử như anh có số tiền ấy mặc dù anh không có, anh cũng sẵn lòng! Sau khi gửi bức thư đi rồi, Hudson liền chuẩn bị bán số bàn ghế còn lại để bù vào số tài sản anh bị mất mát trước khi anh lên đường đi Ninh phố một lần nữa.

Nhưng ngay trước khi anh lên đường thì được tin một chiếc tàu chở thư từ Anh quốc mới vừa đến. Thường thường khi tàu chở thư đến là tin vui cho cộng đồng Âu châu đang trông ngóng và Hudson cũng như mọi người khác nóng lòng nhận các bức thư đang chờ anh ở văn phòng đại lý tàu. Anh phải nín chịu những cái nhìn khinh khi của mấy ông đội mũ lông cao cũng đến nhận thư. Họ nhìn cái anh chàng người Anh kết tóc bính, ăn mặc kiểu Tàu với thái độ khinh khi rõ rệt. Nhưng anh đã quen chuyện ấy rồi! Anh nhận các lá thư rồi trở về nhà hăng hái xem qua. Có thể có thư từ mẹ anh, từ cô em gái Amelia, cho biết tin tức gia đình và tỉnh Barnsley chẳng? Hay là may mắn hơn có thể anh nhận được thư từ Hiệp hội Truyền giáo Trung hoa trong đó có lương của anh chẳng? Hay là có một bức thư từ Ben, bạn anh, nói rằng anh ta muốn đến cộng tác với anh chẳng?

À! Đây là một lá thư với nét chữ quen thuộc. Đó là thư của ông Berger, người đang rất chú trọng đến công tác của vị giáo sĩ trẻ tuổi. Thư của ông ta lúc nào cũng mang về triu mến, giục giã lòng Hudson rất nhiều. Anh mở thư ra và đọc cho đến chỗ viết như sau:

“Xin anh nhận món quà kèm theo đây tượng trưng cho tình yêu của tôi và nhà tôi.” Món quà gì kèm theo đây? Hudson mở một mảnh giấy hồng kẹp bên trong lá thư và kinh ngạc khi thấy tám chi phiếu ghi tên anh—với số tiền bốn mươi Anh kim (khoảng 200 mỹ kim) Hudson sững sờ nhìn tám chi phiếu.

Một lần nữa phép lạ xảy ra! Một bằng cứ rõ ràng cho thấy Chúa biết rõ nhu cầu của anh. Anh đã mất số hành lý tương đương với số tiền ấy, và giờ đây anh có đúng món tiền nói trên để thay thế—một món tiền gọi từ Anh quốc sáu tuần lễ trước khi anh ta bị cướp đoạt! (Thật ra lúc đó anh cũng không biết rằng có một số tiền tương tự đang do một người khác gọi đến!) Anh rất vui vì anh đã không tìm cách trừng phạt người đầy tớ về tội đánh cắp tài sản của anh! Và một lần nữa anh lại khởi hành qua tỉnh Chư-cương xinh đẹp với nhiều vườn cây ăn trái, các đồi dốc, các cây liễu rủ, các ruộng lúa. Anh cảm thấy như một chú bé đang qua một kỳ thi nữa, và nghe tiếng khen của thầy mình, “Giỏi lắm!!”

Chương 11

CƠN ĐỘNG ĐẤT CỦA CÔ ALDERSEY

Cô Aldersey là một phụ nữ lạ lùng. Cả người Trung hoa lẫn người Tây phương ở Ninh phố đều đồng ý về điều ấy. Thật ra người Trung hoa xem cô ta quan trọng hơn ông lãnh sự người Anh là người mà họ quả quyết rằng phải vâng lệnh cô ta. Mà thật vậy! Phải chăng cô ta có ma lực không? Có phải rằng trận động đất xảy ra mới đây là do cô đã mở một cái chai bí mật trong đó có chứa một chất cực mạnh vào năm giờ sáng trên vách thành không? Và có phải những hiện tượng lạ lùng khác đều do ma lực của giáo viên khảm kính Aldersey hay không? Chắc chắn Nữ hoàng Anh quốc, một phụ

nữ đặc sắc, đã bổ nhiệm cô cai trị các thần dân của mình, những người đã đổ về hải cảng Ninh phố. Lễ dĩ nhiên vị Lãnh sự Anh quốc cũng phải nghe lời cô ta! Người Trung hoa nói với nhau, cô Aldersey quả là một phụ nữ kỳ diệu.

Cả cộng đồng Âu châu cũng nghĩ như thế nữa. Tuy rằng họ không qui trách nhiệm cho cô về vụ động đất vì họ biết rõ cái chai không có đựng chất gì có sức tàn phá lớn lao mà chỉ là muối có mùi hôi mà thôi nhưng họ cũng cảm biết mỗi ngày trong đời cô ta làm một cái gì đáng kể hơn thế nữa. Cứ mỗi sáng sớm vào lúc năm giờ là cô tản bộ trên vách thành, dù đông hay hạ, trời mưa hay trời têt, dù trời có tối mịt cô cũng không thay đổi thói quen đó. Cô chỉ dặn người đầy tớ xách một cái đèn lồng đi theo cô, rồi cô đi ra như thường ngày. Năm giờ sáng! Nếu muốn cộng đồng Âu châu làm như thế chắc hẳn phải cần một chuyện gì mạnh hơn động đất nữa! Thật vậy, nếu chỉ có thế thì mọi người đều đồng ý rằng cô là một phụ nữ phi thường. Nhưng chưa hết. Là giáo sĩ tiên phong ở Ninh phố, người sáng lập trường Tin Lành đầu tiên cho nữ sinh ở Trung hoa, cô ta có khả năng làm việc khiến cho những người yếu kém choáng váng. Cô có thể vừa ăn vừa nghe các học sinh trả bài cho cô. Còn nói đến ngày nghỉ thì hầu như cô chẳng có ngày nào. Các giáo sĩ khác có thể đi xuống bờ biển để lấy lại sức sau khi làm việc mệt nhọc nhưng cô Aldersey hưởng gió biển bằng cách trèo lên tầng thứ chín của một ngôi chùa rồi thở hít gió biển.... Một số học sinh đi theo cô cho nên cô có thể san sẻ sự hiểu biết cho các em ấy mà không bị gián đoạn. Thật là một phụ nữ xuất chúng. Và nếu vị Lãnh sự Anh quốc không hoàn toàn làm theo điều cô muốn thì ông ta chắc không dám cho cô biết!

Thật không may cho Hudson vì một người có ảnh hưởng, đáng nể và đáng sợ như cô Aldersey lại không thích anh một cách sâu xa ghê gớm. Đúng như thế. Chỉ cần nói đến tên anh ta cũng đủ làm cho thân hình mảnh mai của cô ta cứng lại vì một mối giận dữ rất chính đáng, theo ý nghĩ của cô. Hudson Taylor dám táo bạo, gan dạ mà ngỗ lời cầu hôn với cô Maria!

Maria là con mồ côi của một giáo sĩ. Cô ta là một trong những giáo viên dạy ở trường của cô Aldersey. Cô ta dạy giỏi, rất thích trẻ con và nói tiếng Trung hoa y như người bản xứ. Cô ta khá xinh cho nên Hudson không phải là thanh niên đầu tiên nghĩ rằng tên Maria sẽ đẹp hơn nếu tên cô đứng trước họ của anh ta hơn là họ của cô. Dù sao cô Aldersey chẳng trách cô Maria về chuyện ấy vì đâu phải tại cô đâu. Nói cho đúng ra cô Aldersey sẵn sàng chia tay với người giáo viên giỏi và đẹp của mình nếu có thanh niên nào xứng đáng xuất hiện chứ còn anh chàng Hudson Taylor thì không được! Cái anh chàng lúc nào cũng mặc y phục Tàu, tóc kết bính! Tóc của anh chàng kết bính lòng thông từ chỏm đầu! Anh ta là ai? Chẳng qua là một anh chàng nghèo khó, trẻ trung, không liên hệ với ai cả! Một anh chàng cuồng tín, chẳng đáng tin, người mà không một tổ chức truyền giáo có uy tín nào dám dùng! Anh chàng ấy mà lấy cô Maria à! Không thể nào có chuyện đó được! Anh ta chỉ tính chuyện đào mỏ cô Maria thôi!

Tội nghiệp cô gái mười chín tuổi Maria thật hoang mang. Nói về tình cảm cá nhân của Maria thì chuyện lấy Hudson, tóc bính hay không, có sức hấp dẫn cô ta rất mạnh. Thành thật mà nói thì ý nghĩ ấy đã nảy ra trong đầu cô ta nhiều tuần trước khi Hudson ngỗ lời mặc dù cô ta vẫn giữ kín trong lòng. Tuy nhiên bây giờ đứng trước cơn thịnh nộ

và những lý do vững chắc của cô Aldersey, Maria cảm thấy bất lực. Cô Aldersey bảo bắt cô ta ngồi xuống viết một bức thư cọc lốc trả lời rằng lời cầu hôn ấy không thể chấp nhận được và nếu Hudson còn có chút tác phong nào thì chớ bao giờ nêu lại chuyện ấy nữa. Miss Aldersey đắc thắng cầm lá thư đó còn Maria thì trở về phòng khóc nức nở. Hudson lại cứ tưởng sẽ nhận được một thư đáp thuận lợi, giờ đây cảm thấy như cánh cửa vừa đóng sầm lại trước mặt anh.

Sau khi bị khước từ như thế anh cảm thấy rất khó mà sống và làm việc ở Ninh phố nhưng Hudson biết anh vẫn phải xúc tiến. Anh đã chuẩn bị tiếp nhận một cửa hiệu có thể làm một giảng đường rất tốt, và đang sống chung với ông bà Jones, một gia đình trẻ mới đến Trung hoa. Anh không còn ở chung với gia đình ông bà Parker nữa vì hai ông bà đang lo điều hành một bệnh viện. Chương trình hoạt động hàng ngày của Hudson rất bận rộn. Anh phải giảng dạy, thăm viếng những người Trung hoa đang tìm hiểu về “đạo Giê-xu” và chăm nom y tế. Thật ra bận rộn thì tốt cho Hudson vì anh cảm thấy rất cô đơn. Những hi vọng của anh để tìm một bạn đồng công hình như lần lượt tan biến cả. Khi mới đến Trung hoa anh hi vọng ít lâu sau cô Amelia, em gái anh sẽ đến hợp tác với anh vì anh hay trêu chọc cô ta. Anh cảm thấy cô ta là người có thể điều hành công việc nhà cho anh và làm việc với các phụ nữ Trung hoa. Rồi anh được lên tinh thần về các bức thư của Ben, bạn anh gửi đến. Ben rất quan tâm sâu xa đến những việc làm của anh. Rất có thể *anh ta* cũng sẽ đến! Cho nên khi anh nhận được tin Amelia và Ben đã hứa hôn với nhau và sẽ định cư ở nhà thì anh vô cùng sửng sốt. Rồi bây giờ cô Maria là người mà anh nhận thấy có thể là bạn đồng hành tốt hơn cả hai người kia bỗng nhiên từ chối anh, cho nên anh cảm thấy hết sức cô đơn

Những ngày đầu mùa hè là những ngày buồn cho anh. Anh đâm ra bối rối. Anh đã cầu nguyện rất nhiều về vấn đề ấy trước khi cầu hôn với cô Maria. Cho nên anh thấy thật kỳ lạ mà sự việc xảy ra không như ý anh mong muốn mặc dù anh cảm thấy anh đã làm đúng. Cho nên mặc dù anh đã cố gắng, cái cảm tưởng cho rằng anh đã hành động đúng vẫn vương vấn trong đầu anh. Đáng lý anh phải cảm thấy an lòng nếu anh có thể nghe lời cầu nguyện hàng ngày của cô Maria khi cô quì gối bên cạnh giường mỗi sáng và mỗi tối! Cô ta rất muốn trở thành bà Hudson Taylor!

Tuy nhiên Hudson hoàn toàn không biết gì về chuyện ấy. Anh chỉ căn cứ vào bức thư của cô Maria gửi cho anh và cho rằng hình như đó là quyết định cuối cùng. Lẽ dĩ nhiên anh xem đó là quyết định của cô ta nhưng càng suy nghĩ về điều đó anh càng cảm thấy không phải như thế. Chữ viết đúng là của cô nhưng không phải lối diễn đạt của cô ấy. Anh bắt đầu tự hỏi không chừng đó là lối diễn đạt của cô Aldersey chẳng...Hudson nghĩ nếu anh có thể gặp riêng cô Maria lúc không có cô Aldersey thì tốt. Nhưng phong tục xưa của Trung hoa cấm một người đàn ông chưa vợ tìm cách gặp riêng một người đàn bà chưa lấy chồng. Lối đi của hai người ít khi gặp nhau. Nỗ lực đầu tiên của anh để nói chuyện với cô ta bất thành và rồi anh phải ở chung với người khác trong khi Maria được đưa lên kiệu mang đi nơi khác! Sau cùng anh nhận thấy rằng anh không thể làm gì khác hơn được. Tóc bính của anh treo lủng lẳng suốt những ngày hè oi bức của tháng sáu trong khi anh đi qua các phố phường chật hẹp, giảng mỗi ngày khoảng một tiếng đồng hồ trong “Sảnh Đường Giê-xu.” Anh nhận ra rằng nếu anh cắt tóc bính ấy đi thì anh có thể được xem như một thanh niên xứng hợp hơn với cô Maria nhưng anh không thể làm như thế được. Vì nếu anh cắt tóc bính ấy đi thì anh không thể đi lại tự do

giữa người Trung hoa vốn xem anh gần như là một người trong vòng họ. Và anh biết tại sao anh nghe tiếng gọi, “Hãy đi sang Trung hoa cho Ta.” Anh có công tác phải thực hiện trong xứ này. Công tác ấy là truyền bá sự hiểu biết về Đấng duy nhất có thể cứu người khỏi sự chết đời đời. Còn bao nhiêu thị trấn, thành phố, làng mạc, thôn ấp bên trong lục địa đang trông chờ nghe tin tức ấy. Anh phải đi. Còn tóc bính phải để yên. Nhưng khi Hudson quì gối cạnh giường mỗi sáng mỗi tối để cầu nguyện cho người Trung hoa thì anh lại nhắc đến tên Maria một cách khẩn thiết trước khi anh đứng lên.

Và rồi, vào giữa tháng bảy, tình hình bỗng nhiên thay đổi vì một cơn mưa lũ gây ra như rồng hút nước.

Trận rồng hút nước. đến thật đúng lúc. Nó trút xuống trên sông vào buổi xế trưa trong khi bà Jones đang thù tiếp bà vợ của các giáo sĩ đang ở Ninh phố trong nhà bà. Nó đổ lên Ninh phố ào ào, tiếp theo sau là cơn mưa như thác. Bỗng chốc các đường phố đều ngập, không còn bóng người qua lại. Nước đổ xuống trên mái nhà và đóng thành vũng, thành ao trên những chỗ bất ngờ. Các bà nhìn ra ngoài cửa sổ phòng khách của nhà bà Jones và lo ngại không biết bao giờ mới về nhà được. Sau cùng thì các phu khiêng kiệu mới đến được trước cửa nhà của bà Jones, quần xắn lên quá đầu gối, nước rơi xối xả xuống các vành nón của những phu khiêng. Đến lúc ấy vẫn không đủ kiệu để chuyên chở các bà. Vì thế một số bà phải ở lại trong khi một số khác được đưa về trước. Trong số các phụ nữ được mang về trước có cô Aldersey. Còn trong số những người chờ kiệu có cô Maria. Cô ta đang ngồi đó khi Hudson và ông Jones từ giảng đường trở về!

Một phòng khách nhỏ có ba hay bốn người đang ngồi không phải là nơi lý tưởng để cầu hôn, nhất là từ một người đã bị từ chối. Hudson biết rõ điều đó cho nên việc đầu tiên anh định làm khi anh nhận ra rằng cơ hội hiếm có là bây giờ khi Maria ở đây mà không có cô Aldersey là chỉ lễ phép xin được viết thư cho người bảo hộ cô ở Luân đôn để củng cố thêm tình quen biết! Tuy nhiên sau khi bắt đầu thì anh lại thấy mình trình bày nhiều hơn điều ấy trước mặt những người hiện diện. Còn cô Maria, thường thường im lặng và ít nói, đáp ứng với tình cảm nhiệt thành đáng ngạc nhiên! Trong chốc lát tình hình diễn ra thật rõ rệt. Khi kiệu đã đến để mang các bà còn lại về nhà họ qua những phố xá bùn lầy thì không ai có mặt trong phòng khách còn hoài nghi về chuyện ấy nữa. Chàng thanh niên Hudson Taylor được cô Maria cho phép viết thư cho người bảo hộ của cô. Và dù chẳng nói ra, ai cũng thấy ngay rằng cho dù có cơn động đất của cô Aldersey đi nữa cũng không cản được lời cầu hôn của Hudson.

* * *

Hudson vội vàng viết thư cho người bảo hộ của cô Maria nhưng mãi hơn bốn tháng sau anh mới nhận được thư phúc đáp vì thư của anh không phải là bức thư duy nhất mà tàu chở thư mang từ Ninh phố đến Luân đôn đề gởi cho ông Tarn. Cô Aldersey cũng biên một bức thư cho ông ta nữa! Ông Tarn cảm thấy cần phải âm thầm hỏi thăm những người ở Luân đôn đã biết về Hudson trước khi phúc đáp. Sau khi ông đã thăm hỏi rồi thì ông quyết định rằng nếu cô cháu gái của ông quyết định lấy vị giáo sĩ trẻ tuổi có tóc bính này thì ông thấy không có lý do gì mà cô ta không nên tiến hành. Ông chỉ

dận dò là hiện cô đã hơn hai mươi tuổi cô nên chờ đến tuổi thành niên trước khi kết hôn. Chưa đầy một năm sau vụ rỗng hút nước, Hudson và Maria thành hôn với nhau và cư ngụ trong một gác xép phía trên giảng đường ở Phố Cầu.

Gọi Phố Cầu ở Ninh phố rất đúng vì nó là thông lộ một đầu là một cái cầu và đầu kia cũng là một cái cầu. Một cái cầu bắc qua một con kênh chạy dọc theo phía sau nhà anh cho nên khiến Hudson nhớ lại những ngày xưa. Lần đầu tiên anh đã ở trong gác xép này khi anh hãy còn là thanh niên độc thân cô đơn. Một sáng nọ khi thức dậy anh thấy có một lớp tuyết bao phủ, lớp tuyết đã được thổi từ mái ngói xuống trong đêm qua. Anh chờ ít lâu để vẽ chữ tắt của tên anh trên mái ngói đóng tuyết trước khi anh rón rén bước ra khỏi giường và mặc quần áo vào! Tuy nhiên anh nghĩ rằng cần phải chỉnh trang nơi ấy chút ít trước khi đưa cô Maria về để khi cô đến nơi thì thấy gác xép đã được phân chia làm bốn hay năm phòng nhỏ, phòng nào cũng có trần. Và sống ở đó giữa những người Trung hoa, ăn mặc giống họ, nói ngôn ngữ của họ, bắt tay vào việc.

Chương 12 NHỮNG TÍN HỮU TRUNG HOA

Ông Ni, một người cao lớn, chừng chạc trang trong bộ áo dài và áo khoác dệt tơ, bước đi thông thả trên phố hẹp. Khi thấy ông ta đến, các phu khuân vác tránh ra một bên vì rõ ràng ông là một người trí thức, không những ông ta có thể đọc mà còn hiểu được những tác phẩm cổ điển. Vì thế ông đáng được những người ít học kính trọng. Những người nhận ra ông đều biết ông là một thương gia giàu có vì thế mà những người nhà nghèo tránh qua một bên. Ông Ni bước thông thả dọc theo phố có treo cờ quạt và cửa rộng, trong khi ông suy tư về những chuyện bấp bênh trên đời và còn lo ngại về bấp bênh của cái chết. Ông tự hỏi, chết rồi thì sao nữa? Cái màn bí mật bao trùm bóng tối ấy khiến ông ta băn khoăn lo nghĩ và cảm thấy bất an. Chân lý, Chính Đạo ở đâu để có thể mang lại sự thoải mái và hiểu biết cho tâm trí đang hoang mang của mình?

Tiếng chuông leng keng khiến ông chú ý. Ông quay nhìn xem nó đến từ đâu. Một cánh cửa cánh cửa đôi mở toang và khi ông Ni nhìn vào trong sân thì thấy có nhiều người đi qua rồi bước vào cửa một gian phòng rộng. Hình như có một buổi họp sắp bắt đầu.

Ông hỏi người bán hàng rong đang đứng trước quầy nhỏ mang đi đờcc, “Họ đang làm gì trong đó vậy?”

Người kia trả lời, “Đó là Giảng Đường Giê-xu. Mấy người ngoại quốc đang ở đó. Khi họ rung chuông là họ bắt đầu buổi thờ kính.”

Ông Ni hỏi tiếp, “Họ thờ kính như thế nào?”

“Ho hát rồi đọc các sách thánh cổ điển xong họ giải nghĩa những điều họ đọc.”

Ông Ni nhìn lại lối đi mở ngõ một lần nữa rồi quyết định bước vào. Ông muốn tìm hiểu cái đạo ngoại quốc này. Có thể đạo này sẽ giải thích được những bí ẩn của cái sống và cái chết. Ông bước vào phòng rồi ngồi xuống trên một băng xong nhìn về phía

bục cao nơi có một thanh niên đang đứng và đang lớn tiếng đọc từ một quyển sách anh đang cầm trong tay.

Mới thoạt nhìn thì người thanh niên có vẻ như là người Trung hoa vì anh ta ăn mặc như thế, chỉ có cặp mắt sáng và màu da trắng cho thấy anh ta không phải người Trung hoa. Nhưng ông Ni không chú trọng lắm về chàng thanh niên mà ông quan tâm đến những gì anh ta đang đọc. Ông lắng nghe thật kỹ về cuộc nói chuyện của một ông Thầy gọi là Giê-xu với một ông khách đang ghé thăm vào buổi tối.

“Xưa kia Mô-se treo con rắn lên trong sa-mạc thế nào thì Con Người cũng phải bị treo lên như thế, để ai tin Ngài đều được sự sống đời đời. Vì Thượng Đế quá yêu nhân loại đến nỗi hi sinh Con Một của Ngài, để ai đặt niềm tin vào Con ấy sẽ không bị chết mất nhưng được sự sống đời đời. Thượng Đế sai Con Ngài đến thế gian không phải để kết tội thế gian, nhưng để thế gian nhờ Ngài mà được cứu.”

Sự sống đời đời. Đó chính là điều mà ông Ni đang cần. Không bị kết tội nhưng được cứu. Ông ngồi trong giảng đường chiều hôm ấy, lòng ông bị chôn chặt bởi những điều mình nghe. Ông Giê-xu này mà mấy người ngoại quốc thờ kính là Con của Thượng Đế. Ngài đã từ Thiên Đàng đến thế gian, chịu chết trên thập tự giá khi Ngài gánh chịu tội lỗi của cả thế gian, và sau khi chết ba ngày, Ngài sống lại, ra khỏi mồ mả. Ngài đi lại và nói chuyện với các bạn hữu mình và một ngày nọ Ngài rời thế gian trở về Thiên đàng. Ngài sẽ ban sự sống đời đời cho mọi người tin Ngài.

Đây đúng là Chân lý! Ngồi trong giảng đường có cửa sổ giống bánh tráng và hàng dãy băng gỗ, ông Ni tin chắc rằng đây chính là Đường Đi, là Đạo thật. Trong lòng ông như có một phản ứng tuyệt đối về điều ông vừa nghe. Những lo âu và băn khoăn của ông đều biến mất. Khi Hudson xếp Thánh Kinh và chấm dứt bài giảng thì ông Ni đứng lên. Mọi cặp mắt hướng về ông khi ông nói với một giọng nhẹ nhàng và nghiêm trọng theo lối Đông phương:

Từ lâu nay tôi đã đi tìm chân lý như cha tôi trước đây nhưng chưa tìm được. Tôi du hành khắp nơi để tìm Đạo nhưng chưa tìm ra. Từ những sự dạy dỗ của Khổng Tử, đến giáo lý của nhà Phật và của Lão giáo tôi cũng không tìm được sự bình an. Nhưng bây giờ tôi đã tìm được sự bình an cho tâm hồn trong điều chúng ta vừa nghe tối nay. Cho nên từ bây giờ tôi xin tin nhận Chúa Giê-xu, làm tín hữu của Ngài.

Và ông giữ đúng lời mình nói. Ông giải thích cho các bạn hữu một cách đơn sơ rằng ông sẽ không còn thờ cúng và đốt hương cho các thần linh nữa. Ông nhận được một quyển Thánh Kinh và bắt đầu học lời Chúa, tham dự các buổi họp trong giảng đường và đi theo các vị giáo sĩ hầu như mỗi ngày khi họ đi ra thăm viếng và giảng dạy. Ông không phải là người Trung hoa đầu tiên đã từ bỏ thần tượng quay về cùng Thượng Đế hằng sống sau khi nghe Hudson giảng nhưng có lẽ chưa có ai đã cương quyết quay về cùng Chúa sau khi nghe giảng lần đầu tiên.

Một hôm ông hỏi Hudson, “Quý vị có Tin Mừng này trong xứ Anh Quốc bao lâu rồi?”

Hudson ngần ngừ. Ông Trung hoa này là người đã vui vẻ sẵn sàng đáp ứng lời mời ân cần của Thượng Đế hằng sống. Ông ta muốn cho những người khác cũng nghe về Tin Mừng ấy nữa!

“Mấy trăm năm rồi,” Hudson miễn cưỡng đáp và nhìn nhận một thời gian dài như thế.

Ông Ni sừng sốt kêu lên, “Mấy trăm năm rồi à! Tại sao các ông biết về Chúa Giê-xu lâu như thế mà bây giờ mới đến nước chúng tôi để nói về Ngài?” Trong óc Hudson hình dung ra một người mà anh yêu, thích đọc các tác phẩm cổ điển, sốt sắng đi đến chùa chiền và sụp lạy trước các hình tượng cam, không cử động, ngồi yên tham thiền và tìm hiểu về những bí mật của đời sống và của cái chết với vẻ mặt khao khát.

Ông Wang từ tốn bảo, “Cha tôi đã cố sức đi tìm chân lý hơn hai mươi năm. Ông ta chết đi mà vẫn không tìm được. Tại sao các ông không đến sớm hơn?”

Qua lời làm chứng sốt sắng của ông Ni về Chúa Giê-xu cho những người ông gặp, ông Quang, người thợ đan giỏ cũng trở thành tín hữu. Ông Quang là một người vui tính, hoạt bát nhưng trên con đường theo Chúa ông không khỏi gặp ít nhiều trở ngại! Lòng chân thật của ông thật rõ ràng. Trước kia ông quen làm việc bảy ngày một tuần như mọi người khác quanh ông cho đến khi ông gia nhập nhóm tín hữu. Khi ông nghe rằng Thượng Đế hằng sống đã chỉ định một ngày dành riêng làm ngày thánh để nghỉ ngơi thì ông vâng theo mệnh lệnh ấy ngay, không thắc mắc. Như thế có nghĩa là chủ của ông sẽ không cung cấp thức ăn hay trả rộng rãi hai xu cho mỗi ngày làm việc mặc dù ông ta phải sản xuất trong sáu ngày một số lượng bằng với bảy ngày làm việc trước kia! Nhưng ông thợ đan giỏ Quang cảm thấy mình đã được trả thù lao quá đủ khi ông ngồi trong giảng đường Giê-xu vào Chúa nhật và nghe những truyện tích kỳ diệu từ Sách Thánh. Và khi ông chủ của anh nổi giận trong mùa bận rộn cho anh hay rằng nếu anh không chịu làm cho ông ta vào Chúa nhật thì anh ta sẽ xem như mất việc luôn thì anh Quang quyết định đi tìm việc nơi khác.

Sáng thứ hai anh đi thăm một thợ đan giỏ khác để kiếm việc nhưng không có. Anh đi đến chỗ khác cũng không kết quả gì. Anh đi khắp thành phố để tìm việc nhưng vẫn không ra. Mặc dù họ rất bận rộn nhưng không một thợ đan giỏ nào chịu mướn anh. Sau cùng anh Quang kết luận rằng ma quỷ đang gây khó khăn cho anh vì anh nhất định dùng ngày Chúa nhật để thờ kính hơn là đi làm việc.

Anh Quang trầm nghĩ, “Tôi phải chống cự nó.” Anh không thể nào chịu khuất phục trước sự chống đối của ma quỷ vì anh Quang là người có tinh thần! “Tôi phải chống cự nó! Nếu nó không cho tôi tìm ra việc làm thì tôi sẽ dành thì giờ để giết linh hồn người ta ra khỏi nước nó!” Anh thôi không đi tìm việc nữa nhưng mang theo một mớ chứng đạo đơn rồi đi vào trong các đường phố để làm chứng cho người nào chịu nghe anh giảng về Chúa Giê-xu! Và cũng nhân dịp ấy mà anh gặp được anh Quang nông gia.

Cách đây không lâu anh Quang nông gia trải qua một kinh nghiệm rất kỳ lạ. Đang khi anh nằm trên giường đau nặng ở một làng nhỏ tên Ô-xi thì anh nghe có người gọi tên mình. Biết rõ rằng trong nhà lúc ấy không có thân nhân nào, anh nặng nề bước xuống khỏi cái giường lớn có bốn cột để ra cửa. Chẳng thấy ai ở đó. Anh nằm xuống lại. Một lần nữa anh nghe tiếng người gọi tên anh. Rồi anh lại lê thân ra cửa cũng chẳng thấy ai. Anh đâm ra sợ hãi cho nên anh nằm trùm mền kín mít. Anh tự nhủ chắc là tiếng gọi của Diêm Vương đến báo cho anh biết anh sắp lìa đời!

Rồi anh nghe tiếng gọi lần thứ ba bảo rằng anh đừng sợ vì anh không chết đâu nhưng sẽ bình phục! Và sau khi anh bình phục anh phải đi đến Ninh phố cách đó

khoảng 50 cây số để nghe về một đạo mới. Tiếng ấy cho biết thêm là đạo mới đó sẽ mang đến cho anh sự yên tĩnh trong lòng.

Quả thực, anh được bình phục, khiến cho mọi người đều kinh ngạc! Nhớ lời dặn, anh đi đến Ninh phố. Tuy nhiên anh tìm mãi mà vẫn không thấy đạo mới ấy đâu cả. Hình như chẳng ai nghe biết gì về đạo đó. Suốt mấy tuần anh ở lại thành phố, sinh sống bằng cách cắt cỏ rồi bán cho những ai có trâu bò, lúc nào anh cũng luôn luôn nghe được đạo mới là đạo sẽ mang đến cho anh sự yên tĩnh trong tâm hồn. Mãi đến thứ hai khi anh gặp được anh Quang thợ đan giỏ thì anh mới tìm được đạo ấy.

Anh Quang thợ đan giỏ đang ngồi trong một quán nước và làm chứng hăng say cho nhóm đàn ông đang uống trà. Ông nói về một Thượng Đế mà ông ta gọi là Giê-xu, Đáng có thể tha tội. Ngay lúc ấy thì anh Quang nông gia bước vào và ngồi xuống. Mặc dù mấy người kia nghe có vẻ thờ ơ đối với lời làm chứng của anh Quang thợ đan giỏ nhưng trong số đó lại có một người rất kinh ngạc về lời chứng ấy! Anh không để ý đến những tiếng nói chuyện ồn ào của những người đang ngả lưng trên ghế tre quanh các chiếc bàn nhỏ trong quán nước, và anh cũng không nghe đến những tiếng rao hàng của các người bán hàng rong ngoài phố hay tiếng của các phu khuân vác đang đi lại trong phố hẹp bên ngoài, anh Quang nông gia chỉ lắng nghe lời người đàn ông ở bàn kế đang làm chứng cho những người đang ngồi cùng bàn với anh. Được tha tội, và được vào thiên đàng miễn phí cho những ai đến cùng Thượng Đế tức Giê-xu này— phải chăng đây là đạo mới có thể ban bình an cho tâm hồn anh không?

Anh Quang thợ đan giỏ và anh Quang nông gia cùng nhau bước ra khỏi quán nước. Chiều hôm ấy hai người nghiên cứu Tân Ước. Anh Quang nông gia được khuyên phải đi đến giảng đường Giê-xu, nơi đó thầy truyền đạo ngoại quốc sẽ giải thích thêm cho anh về đạo ông Giê-xu này. Đêm đó anh Quang thợ đan giỏ lên giường ngủ và yên trí rằng mình thật đã cướp được một linh hồn ra khỏi nước của Ma quỷ!

Sáng sớm thứ ba thì anh có việc làm. Người thợ đan giỏ đầu tiên mà anh xin việc nhận anh ngay không chút e ngại. Ít lâu sau anh Quang mới khám phá ra lý do của sự chuyển hướng bất ngờ này. Ông chủ cũ của anh, nổi giận vì anh không chịu làm ngày Chúa nhật đã thông báo cho các thợ làm giỏ khác trong hiệp hội là chớ có mượn anh Quang nếu anh ta đến xin việc vào ngày thứ hai. Vì thế khi anh xin việc vào ngày thứ hai thì không ai nhận cả. Nhưng hôm nay là ngày thứ ba, không phải thứ hai cho nên vấn đề trở nên khác đi. Lúc ấy là mùa bận rộn cho nên dù cho ông chủ cũ muốn nói điều gì thì rõ ràng là ông chỉ nói đến ngày thứ hai mà thôi. Cho nên ai từ chối không cho anh việc làm ngày hôm trước đều vui lòng nhận anh vào ngày thứ ba.

Ít lâu sau khi Hudson được giới thiệu với anh Quang nông gia thì một hôm anh Quang thợ đan giỏ mang một người khác nữa đến giảng đường Giê-xu. Lần này là một người thợ sơn mà anh gặp trong sân của một nhà giàu, nơi anh đến bán giỏ. Mấy người đàn bà trong nhà đứng quanh anh, chân bó lại nhỏ xíu, muốn mua các giỏ nhỏ để đựng nhang. Họ hơi bực dọc hỏi anh sao không đan các giỏ nhỏ ấy nữa. Anh Quang thành thật trả lời rằng vì anh là tín hữu của Chúa Giê-xu, Thượng Đế chân thật cho nên anh không thể nào có liên quan đến thần tượng, với nhang đốt cho các thần

ấy, hay với các giỏ đựng nhang. Các bà nghe đạo lạ về Giê-xu này một chốc rồi chán bỏ đi vào nhà. Khi trong anh Quang đang gom góp giỏ để rời nơi ấy thì một thanh niên trẻ, ăn mặc như phu khuân vác bỗng nhiên xuất hiện trước mặt anh.

Anh thanh niên lạ mặt hỏi, “Hồi nãy anh nói cái gì vậy? Anh không thấy tôi—vì tôi đang đứng sơn trên kia.” Anh chỉ vào cái thang đang dựng dựa vào vách, ngay bên dưới mái sơn màu sáng rỡ. “Hồi nãy anh nói cái gì vậy? Tôi có nghe—nhưng anh nói lại đi!”

Anh Quang không chờ bảo lần thứ hai. Một lần nữa anh thợ sơn nghe tin lạ lùng về một Thượng Đế muốn cứu vớt người lầm lạc chứ không muốn trừng phạt họ. Và khi được khuyên đi đến giảng đường Giê-xu để biết thêm thì anh bằng lòng ngay.

Hudson mỉm cười cúi chào người mới đến. Anh Quang thợ đan giỏ quả là một tay đánh lưới người giỏi thật! Ít lâu trước đây anh đã mang anh Quang nông gia đến, bây giờ mang anh này đến nữa! Hudson nhìn vào cặp mắt đen và sốt sáng của anh công nhân trẻ trước mặt mình và lễ phép hỏi,

“Quý danh của anh là gì?”

Người kia đáp, “Tiện danh tôi là Quang.”

Chương 13 MỞ CHIẾN DỊCH TRUYỀN GIÁO

Anh Quang thợ sơn lê bước dọc theo lối đi hẹp của nhà số 1, đường Beaumont, vùng Whitechapel và mở cửa trước. Trong bộ áo Tàu lưng thụng, tóc bím lòng thông sau lưng, trông anh có vẻ không thích hợp với một căn nhà nhỏ bần thiêu nằm trong một phố phụ ở Luân đôn. Chàng thanh niên đứng ngoài cửa nên sự ngạc nhiên khi nhìn thấy anh. Vì chàng không nghĩ một giáo sĩ từ Trung hoa về, người mà anh muốn gặp, lại mang theo một người đầy tớ Trung hoa về nhà.

Chàng thanh niên tên Meadows hỏi, “Ông Taylor có nhà không?”

Anh Quang trả lời theo giọng Anh lơ lớ, “Xin mời ông vào. Để tôi đi tìm chủ tôi.” Sau một phút anh trở lại mời ông khách vào trong một gian phòng nhỏ, bàn ghế sơ sài. Hudson đang ngồi đó mãi miết làm một việc khiến anh bận rộn từ lúc anh trở về từ Trung hoa, một công việc rất có thể kéo dài—hiệu đính lại quyển Tân Ước bằng tiếng Trung hoa. Tóc bím của anh đã cắt đi rồi vì bây giờ anh đã trở lại Anh quốc. Và trong bộ quần áo cũ, mòn, trông anh giống như một lão thư ký nghèo. Trời lạnh mà lửa củi cũng sắp hết! Chàng thanh niên liếc nhanh qua cái nghèo của người mà anh đến gặp. Hudson đứng dậy, tươi cười chào người khách. Sau này khi anh ngồi dùng bữa chung với Hudson và Maria, quan sát thấy khăn trải bàn không được sạch, rồi thức ăn do anh Quang nấu không mấy ngon, lẽ ra anh đã cảm thấy nản lòng về những gì anh chứng kiến trong đời sống của giáo sĩ. Nhưng anh lại không chán nản. Hai giáo sĩ trẻ này, cả hai đều chưa đầy 30 tuổi, có thể kể cho anh nghe về những câu chuyện gay cấn và hồi hộp của những thành phố bị vây hãm, những trận trốn thoát khỏi bọn cướp biển, những lời cầu nguyện được đáp lời. Hai người này tạo ra một ấn tượng sâu xa trong tâm trí anh. Rõ ràng là họ có một mục đích trong đời sống. Việc áo quần họ mặc đã lỗi thời

hay thăm trải nền nhà bị lũng lổ không quan hệ. Họ chẳng quan tâm gì đến áo quần hay thăm trải. Điều họ chú tâm duy nhất là hàng triệu người Trung hoa chưa biết gì về Thượng Đế chân thật, cho nên *phải* rao giảng về Ngài cho họ. Chàng thanh niên Meadows cũng có ý nghĩ tương tự và muốn đi sang Trung hoa để rao truyền lời Chúa càng sớm càng tốt. Anh ta cho rằng Hudson là cơ quan truyền giáo mà anh muốn gia nhập!

Hudson giải thích rằng mặc dù anh rất mong muốn có người đi sang Trung hoa để rao tin mừng về Thượng Đế yêu nhân loại. Chính anh cũng ao ước sớm trở lại đó nhưng anh không phải là hiệp hội truyền giáo vì anh chẳng có tiền bạc gì! Thậm chí anh cũng chẳng có đủ tiền để gọi một giáo sĩ sang Trung hoa là khác. Thật ra sau khi vì lâm bệnh mà anh phải trở về Anh quốc anh cũng chưa biết tháng tới làm sao để trả tiền thuê nhà nữa. Anh đã ra khỏi Hiệp hội Truyền giáo Trung hoa từ lâu và đang bận rộn hoàn tất chương trình huấn luyện y khoa đồng thời lo hiệu đính bản Tân Ước tiếng Trung hoa cho nên anh không có thì giờ mà “đi làm để kiếm sống nữa.” Thật là lạ lùng khi có tiền bạn hữu và thân nhân gọi cho, lắm lúc hầu như đến phút chót. Đó là những bạn hữu rất quan tâm đến anh và nước Trung hoa. Anh biết rằng Thượng Đế cảm động lòng họ làm điều đó cho nên niềm tin của anh vào Cha Thiên thượng càng tăng thêm mạnh. Dù sao anh vẫn cảm thấy không thể thu dụng giáo sĩ trong những hoàn cảnh như thế và anh buộc phải nói thẳng ra như vậy.

Tuy nhiên, chàng thanh niên Meadows lại nghĩ khác. Nếu Thượng Đế đã cảm động lòng nhiều người để ủng hộ tới Ngài là Hudson Taylor thì chẳng lẽ Ngài không thể cảm động lòng người khác để ủng hộ chàng Meadows là tới Ngài hay sao? Được phấn khởi bởi những gì anh đã nghe và thấy, anh bảo đảm với Hudson rằng anh sẵn lòng đi Trung hoa với niềm tin rằng Thượng Đế sẽ lo cho anh.

Thế là Hudson có được giáo sĩ đầu tiên. Giáo sĩ này đáp tàu sang Trung hoa vài tháng sau đó. Nhớ lại những kinh nghiệm đầu tiên của anh ở Thượng hải, Hudson nhất định rằng giáo sĩ của anh sẽ nhận được tiền bạc và thư từ đều đặn chứ không phải lâu lâu mới nhận. Anh mua một quyển sổ kế toán to, rất trịnh trọng để ghi ngay vào đó những món tiền nhận được và gửi đi cho chàng Meadows. Anh cũng mua một cặp hồ sơ để lưu trữ thư từ. Anh cũng viết thư cho Meadows đều đặn. Sau một năm thì chàng Meadows chỉ có một lời than phiền là anh ta được chăm sóc quá kỹ, nhận được tiền đều đặn đến nỗi đôi khi anh ta cảm thấy như mình không sống bằng đức tin vào Chúa gì cả! Anh hơi thất vọng vì anh đã không phải chịu khốn khó vì thiếu tiền! Hudson trả lời rằng anh không biết lương của anh ta vào tháng tới sẽ đến từ đâu, được bao nhiêu, và cả hai cần phải cầu xin Chúa cung ứng. Chàng Meadows cảm thấy yên tâm!

Nhưng thêm một giáo sĩ vào một vùng đất mà có hàng triệu triệu người đang sống và chết mà chưa hề được nghe về một Thượng Đế chân thật thì có thấm vào đâu? Trong văn phòng ở số 1 đường Beaumont, vùng Whitechapel có treo một bản đồ Trung hoa thật lớn trên vách. Mắt của Hudson lúc nào cũng dạo qua toàn thể bản đồ khi anh ngược nhìn sau khi đọc Thánh Kinh bằng tiếng Trung hoa và tiếng Anh trên bàn viết trước mắt anh. Anh đọc đi đọc lại tên của những tỉnh nằm xa bờ biển. Tên các tỉnh ấy mang một âm điệu hay và hình ảnh thật đẹp. Chúng gợi trí tưởng tượng—Nam Vân, Tứ Suối, Tây Sơn, Bắc Hồ, Thanh Hải, Nam Giang. Các giáo sĩ Tin Lành chưa hề đặt chân đến những miền xa xôi ấy. Hudson nghĩ đến hàng trăm thành phố, hàng ngàn thị trấn

và hàng vạn làng mạc nằm trong những nơi đó. Hàng trăm, hàng ngàn, hàng triệu. Con số hàng triệu lúc nào cũng ám ảnh trong đầu anh. Hàng triệu người Trung hoa—những người thật dễ thương, đang làm lạc như ông Ni, anh Quang thợ đan giỏ, và anh Quang nông gia ở làng Ô-xi. Khi anh nhìn gương mặt của anh Quang thợ sơn trung thành, người đã rời quê hương để phục vụ mình thì anh luôn nhớ lại những người Trung hoa ấy. Và rồi anh nhớ lại ông sư tự giam mình trong một phòng nhỏ xíu qua bốn bức tường nơi một ngôi chùa, mong tìm “Đạo.” Anh nghĩ đến cha của ông Ni, người đã cố gắng tìm “Đạo” suốt hai mươi năm mà đến chết vẫn không tìm được. Anh càng cầu xin Chúa sai nhiều giáo sĩ đến những tỉnh thành xa xăm ấy anh càng cảm thấy mình phải làm một cái gì về mối bận tâm này.

Anh đã tiếp xúc với tất cả các hiệp hội truyền giáo mà anh nghĩ đến để yêu cầu họ gọi người đến nội địa Trung hoa—đến những tỉnh thành rộng lớn nơi có hàng triệu người đang chờ nghe biết về Chúa Giê-xu. Người ta nghe anh trình bày với nhiều thiện cảm nhưng tất cả đều nói là hiện tại chưa thể làm được gì. Thế là ý nghĩ lại trở về với anh là có lẽ chính anh bắt đầu thành lập một tổ chức truyền giáo để đi đến các vùng nội địa xa xôi như Tây sơn, Nam Vân, Bắc hồ...

Anh hăng hái và thường xuyên nghiên cứu bản đồ treo trên vách. Anh dành rất nhiều thì giờ làm việc đó. Có mười hai tỉnh lớn và vùng Tây tạng huyền bí chưa có giáo sĩ. Hudson nghĩ, nếu mỗi tỉnh có được hai giáo sĩ thì quá tốt! Dù sao đó cũng là khởi điểm.

“Vậy tại sao anh không xin Chúa gọi giáo sĩ đến cho anh?”

Ý nghĩ ấy đến không phải lúc. Hudson không thích nghĩ tới nó. Anh không *muốn* sáng lập một hội truyền giáo để đi Trung hoa lục địa. Anh sẵn sàng đích thân đi đến đó nhưng anh không muốn gọi người khác đi. Giả sử những thanh niên nam nữ được anh gọi đến những nơi ấy rồi không đủ tiền trợ cấp cho họ thì sao? Giả sử họ bị chết đói thì thế nào? Hay giả sử người Trung hoa nổi giận với những người đến giảng một tôn giáo khác rồi giết họ thì sao? Đủ thứ giả sử ghê gớm nảy ra trong đầu anh. Hudson suy nghĩ, gọi một người đến chỗ chết là một việc ghê sợ! Anh cảm thấy trách nhiệm ấy quá lớn nên anh tìm cách dẹp qua cái ý tưởng thành lập hiệp hội truyền giáo. Nhưng anh không dẹp được. Ý tưởng đó vẫn vương vấn trong đầu anh.

Vào một buổi chiều tháng sáu khi anh đang đi dạo trên bờ biển ở Brighton thì Hudson quyết định thành lập hiệp hội truyền giáo. Anh bước trên các viên sỏi xuống mé nước, anh nhìn qua mặt biển yên tĩnh long lanh dưới ánh mặt trời mà tâm trí anh rối như tơ vò. Anh suy nghĩ đến trách nhiệm gọi nam nữ giáo sĩ đến sâu trong nội địa Trung hoa, nơi họ có thể bị chết đói! Mặt khác, anh suy nghĩ đến việc để cho hàng triệu người Trung hoa chết đi mà không biết Chúa! Ý nghĩ đó còn đáng sợ hơn. Và rồi bỗng nhiên anh nảy ra ý tưởng rằng dù cho các giáo sĩ phải chết đói đi nữa thì họ sẽ được lên thẳng thiên đàng—có điều gì tốt hơn nữa đâu? Và giả sử trước khi qua đời họ đã đưa một người Trung hoa thôi quay khỏi việc thờ cúng ma quỷ mà trở lại kính thờ Thượng Đế thì cũng đáng. Ý tưởng hơi bi quan ấy tuy có vẻ kỳ lạ nhưng cũng khiến tâm trí anh sáng suốt hơn đôi chút.

Rồi một ý tưởng khác nảy ra trong đầu anh. Nếu anh thành lập một hiệp hội truyền giáo để hoạt động trong nội địa Trung hoa thì chỉ vì anh biết Chúa thúc giục anh làm việc ấy cho Ngài cho nên tất cả trách nhiệm về những gì sẽ xảy ra thuộc về Chúa chứ không phải thuộc về anh nữa!

Nghĩ như thế, Hudson tự nhủ tại sao ý tưởng ấy không nảy ra trong trí anh trước đây? Chúa sẽ chịu trách nhiệm, không phải anh! Và khi ý nghĩ này ngấm sâu vào tâm trí thì anh cảm thấy như một gánh nặng to lớn đang nhẹ nhàng lăn đi.

Anh cầu nguyện với tấm lòng nhẹ nhõm. “Chúa ơi! Ngài sẽ mang mọi gánh nặng ấy!” Gánh nặng đã được cất khỏi anh rồi—anh không còn bị ám ảnh bởi ý nghĩ lo sợ rằng các giáo sĩ sẽ bị chết đói nữa! “Con sẽ tiến bước như đầy tớ Ngài, vâng theo lời giục giã của Ngài...” Thật thế, anh sẽ thành lập một hiệp hội truyền giáo vì bây giờ anh biết anh có thể làm việc đó. Tất cả những lo âu về những gì sẽ xảy ra trong tương lai đều tan biến như sương mù trước tia nắng sớm mai. Những gì có thể xảy ra vì vâng theo tiếng Chúa không phải là trách nhiệm của anh. Giờ đây anh chỉ việc xúc tiến và cầu xin Chúa cung cấp những gì cần thiết để bắt đầu thành lập một hiệp hội truyền giáo để đi vào vùng Tây Sơn, Nam Vân, Bắc Hải...

Hudson ngẫm nghĩ, mười hai tỉnh và vùng Tây tạng. Cần hai nhân viên mỗi chỗ để bắt đầu mang tin mừng về tình yêu của Chúa cho nhân loại vào vùng nội địa Trung hoa. Mười hai nhân hai là hai mươi bốn. Hudson, đầu trần, đứng trên bãi biển sáng Chúa nhật hôm ấy, nhắm mắt lại. Anh đứng như thế trong năm bảy phút liền trong khi sóng biển tấp vào chân anh. Rồi anh mở Thánh Kinh của anh ra và ghi: “Tại tỉnh Brighton, ngày 25 tháng 6, năm 1865, cầu xin cho hai mươi bốn nhân công có khả năng, và sẵn lòng,” rồi anh sáng khoái bước đi trên các viên sỏi rồi lên đến khu tráng nhựa dọc theo bãi biển nơi các phụ nữ mặc váy dài đi sóng đôi với các thanh niên đội mũ lòng cao cùng các con ngựa đang hăng hái phi giữa hai càng xe và dây cương. Nhưng Hudson đâu có buồn để ý đến những người ăn mặc đúng thời trang đang đi lại náo nhiệt nơi bãi biển. Đầu óc anh ta đang vẫn ở nơi xa xăm. Hai mươi bốn nhân công kể cả Maria và anh, sẽ mang tin mừng đến cho hàng triệu người ở Tứ Suối, Nam Giang, Thanh Hải, Hồ Bắc...

Anh tin chắc Chúa sẽ trả lời cầu xin của anh. Anh cũng không lo lắng lắm về hoàn cảnh hiện tại của chính anh còn không đủ tiền nuôi vợ và gia đình mà bây giờ phải cần đến hàng ngàn Anh kim mỗi năm để tài trợ cho hai mươi bốn nhân viên có khả năng và sẵn sàng ra đi. Nếu anh làm công việc Chúa theo đường lối Ngài, chắc chắn Chúa sẽ gởi số tiền mà anh cần đến!

Hudson rất thực tế. Nếu số người và số tiền đã có hay đang đến thì anh phải sẵn sàng. Anh trở lại Luân đôn ngày thứ hai và đến thứ ba anh ghé ngân hàng.

Anh nói với viên quản lý nhà băng, “Tôi muốn mở một trương mục mới.”

Viên quản lý hỏi, “Ông muốn bắt đầu với bao nhiêu tiền?”

“Mười Anh kim.” (Khoảng 50 mỹ-kim)

“Trương mục sẽ mang tên ai?”

Hudson đáp, “Hiệp hội Truyền Giáo Nội địa Trung hoa.”

Thế là hiệp hội truyền giáo ra đời!

Chương 14 ĐIỂM ĐẾN—NỘI ĐỊA TRUNG HOA

Hudson đi dọc theo phố rộng thuộc khu Tây, gần công viên Regent rồi bước lên các bậc thang của một trong những căn nhà lớn và bấm chuông. Một người giúp việc đàn ông mở cửa ngay. Hudson hơi ngại ngùng bước vào hành lang trang trí đúng kiểu, rất khác xa với hành lang hẹp dẫn tới cửa nhà số 1, đường Beaumont, thuộc khu Whitechapel!

Người giúp việc bảo anh, “Bà chủ đang chờ ông đó.” Anh trao cho người giúp việc cây gậy và nón của anh. Rồi anh được đưa vào phòng mà anh sẽ ăn sáng với phu nhân Radstock.

Không đầy một tuần sau khi anh thành lập Hiệp Hội Truyền Giáo Nội Địa Trung hoa, Hudson cũng chưa kịp chuẩn bị cho chiều hướng của các biến chuyển. Anh không quen tiếp xúc với giới thượng lưu quý phái! Nhưng bà chủ mời anh mà anh mới gặp lần đầu tiên ở nhà thờ ngày hôm qua làm cho anh cảm thấy thoải mái. Bà muốn nghe về nước Tàu cho nên khi anh kể về hàng triệu người trong các tỉnh vùng nội địa, và cách Chúa thúc giục anh đến với họ ra sao thì không những bà mà những người khác ngồi ăn sáng cùng bàn cũng chú ý. Chỉ trong một thời gian ngắn anh nhận được vô số lời mời tham dự các bữa ăn với các người có chức phận, nói chuyện trong các buổi họp mặt nơi phòng khách mà những khách tham dự mặc đồ ngủ! Tuần lễ trôi qua anh cảm thấy bị lôi cuốn theo thủy triều. Không những anh trải qua Anh quốc mà anh cũng qua vùng Tô-cách-lan và Ai-nhĩ-lan để gặp những người đã nghe về tổ chức của anh và để nói chuyện nơi các buổi họp mặt cả lớn lẫn nhỏ.

Một trong các buổi họp ấy anh gặp được một thanh niên trẻ trung hoạt bát sau này là người sáng lập của tổ chức Nhà Tạm Trú của bác sĩ Barnardo. Lúc ấy anh Tom Barnardo mới hai mươi tuổi, và là sinh viên của lớp thần học mà Hudson được mời đến thuyết trình. Anh ta người thấp bé nhưng khi anh đứng cạnh người sinh viên trường lớp cao lớn, anh ghé tai nói nhỏ vào người bạn ngồi bên cạnh, “Rất tốt! Tôi có hi vọng!” Vì chính anh cũng muốn đi Trung hoa cho nên anh tiếp xúc với Hudson để xin gia nhập tổ chức Truyền giáo Trung hoa Nội địa. Hudson khuyên anh trước hết nên học y khoa ở bệnh viện Luân-đôn, nơi mà anh khám phá ra rằng anh rất thích hợp với việc giúp đỡ những người vô gia cư. Tuy nhiên anh không phải là thanh niên duy nhất được thúc giục hành động khi nghe về nhu cầu của những người Trung hoa ở Tây Sơn, Bắc hồ, Nam Vân...Hudson đã cầu nguyện xin Chúa cho hai mươi bốn cộng tác viên có khả năng, có nhiệt tâm vào buổi sáng Chúa nhật đáng ghi nhớ trên bãi biển Brighton, và Thượng Đế đang trả lời cho sự cầu xin ấy.

Bây giờ thì ngày giờ quá ngắn đối với Hudson. Đi thăm viếng, nói chuyện ở các buổi họp, phỏng vấn những người muốn gia nhập Hiệp hội Truyền giáo, viết các sách nhỏ về Trung hoa, anh đi từ nơi này đến nơi khác liên tiếp không nghỉ chân. Hiện tại đã có bảy hay tám giáo sĩ đang làm việc ở Trung hoa kể cả anh Meadows. Tất cả đều sẵn sàng gia nhập Tổ Chức Truyền giáo để đi vào các tỉnh nằm sâu trong nội địa. Khi bắt đầu năm 1866 thì rõ ràng là tất cả hai mươi bốn nhân viên có khả năng, tình nguyện

sẵn sàng đã được cung ứng cho anh—mười sáu thanh niên nam nữ đã sẵn sàng lên tàu cùng đi với anh và Maria sang Trung hoa nếu mọi việc được thu xếp xong xuôi.

Những việc cần được thu xếp dĩ nhiên là những loại công việc cần đến tiền. Hudson ước tính rằng cần phải có gần 10 ngàn mỹ kim để anh và đoàn truyền giáo sang Trung hoa. Thế nhưng đến đầu tuần lễ của tháng hai mà anh chỉ mới có 800 mỹkim trong trương mục. Họ dự định khởi hành vào tháng năm! Cứ theo tình trạng hiện tại mà nhìn thì họ rất khó có thể khởi hành vào lúc đó. Nhưng dù sao Hudson cảm thấy vững tâm rằng Chúa sẽ gửi đến cho họ số tiền cần có. Anh và Maria quyết định sẽ tổ chức buổi nhóm cầu nguyện ở nhà họ mỗi ngày vào mười hai giờ trưa để xin Ngài điều đó đồng thời xin Chúa hướng dẫn và giúp đỡ những gì liên quan đến chuyến đi Trung hoa. Một lần nữa anh cho thấy chuyện cầu nguyện là việc thực tế! Chỉ trong vòng năm tuần lễ sau khi họ bắt đầu những buổi cầu nguyện hằng ngày như thế thì toàn thể số tiền họ cần đã được gửi đến. Có một người gửi biếu một số tiền lớn. Bây giờ việc còn lại là tìm một chiếc tàu đủ lớn để đủ chở mười tám người lớn và bốn trẻ nhỏ.

Chuyện ấy có vẻ không dễ. Hết tháng tư rồi đến tháng năm mà vẫn chưa tìm được chiếc tàu nào thích hợp đi Trung hoa. Tuy nhiên Hudson và đoàn truyền giáo của anh vẫn hi vọng lên đường vào tháng năm.

Vào ngày 2 tháng 5, Hudson đang ở Herfordshire, ngụ tại nhà của Đại tá Puget là người đã mời anh đến nói chuyện ở một buổi họp. Buổi họp ấy được xem như là một “buổi họp tốt.” Toàn thể thánh giả đều chăm chú nghe Hudson nói về hàng triệu người Trung hoa chưa bao giờ nghe về Chúa Giê-xu, mọi người đều yên lặng lắng nghe. Đại tá Puget, chủ tọa buổi họp, cảm thấy đây là cơ hội quá tốt không nên bỏ qua. Còn Hudson thì luôn luôn giao hẹn trước là trong bất cứ buổi họp nào của anh đều không có chuyện quỵên tiền, nhưng Đại tá Puget thì cho rằng buổi họp mặt hôm nay phải được xem như ngoại lệ. Tại sao? Vì rõ ràng mọi người đều cảm động—cho nên chắc chắn họ sẽ dâng hiến rộng rãi cho công tác của Hiệp hội Truyền giáo Trung hoa Nội Địa nếu mâm dâng tiền được đưa qua! Cho nên ông cảm thấy hơi bực mình khi Hudson cản ông ta khi ông sắp thông báo là sẽ có cuộc lạc quỵên.

Buổi chiều trong giờ ăn ông bảo, “Anh sai lầm lớn hôm nay. Mọi người hết sức chú tâm điều anh nói. Đáng lẽ nếu lạc quỵên thì quá tốt.” Anh giáo sĩ trẻ trung này không thực tế! Nếu chỉ cầu xin Chúa cung cấp tiền bạc thì tốt nhưng không chịu quỵên tiền khi mọi người đang sẵn sàng dâng hiến thì không phải chút nào. Đại tá Puget nghĩ như thế khi ông lên giường ngủ.

Tuy nhiên có điều lạ là ông không ngủ được. Ông lăn trở trên giường suy nghĩ đến buổi họp ngày hôm đó. Hudson đã trình bày một cách hết sức cảm động về những người Trung hoa đang chết mất mà chưa bao giờ được nghe về Đấng có thể cứu họ. Mỗi một giờ có hàng ngàn người Trung hoa chết, linh hồn họ đi vào nơi tăm tối đời đời mà không có Chúa Cứu Thế...” Mỗi một giờ có hàng ngàn... Mỗi một giờ có hàng ngàn... Ý nghĩ đó nung nóng tấm lòng của ông đại tá. Cái ý tưởng cho rằng đánh mất cơ hội quỵên góp được nhiều tiền giờ đây không còn nữa mà ông chỉ nhìn thấy làn sóng người từ từ đi vào nơi tăm tối tuyệt vọng. Phải làm một cái gì để khiến cho họ biết rằng có một Cứu Chúa! Thật ra *đã* có người làm điều ấy rồi. Các thanh niên nam nữ, hầu hết

sẵn sàng hi sinh mạng sống của họ nếu cần để theo Hudson Taylor đi vào trung tâm của Đế quốc Đông phương vĩ đại đó.

“Nhưng *tôi* làm được gì?” Vị đại tá già nua suy nghĩ. Cái suy tư ấy biến thành lời cầu nguyện. Ông hét lòng khẩn nguyện, “Lạy Chúa, Ngài muốn *con* làm gì?”

Ông nhớ lại số tiền mà ông dự định bỏ vào mâm dâng hiến. Hình như số tiền ấy quá nhỏ bé. Trong đêm tối vị đại tá lại cầu nguyện, “Chúa ơi, Ngài muốn con làm gì?” Sau một thời gian lâu ông ngủ thiếp đi—nhưng cuối cùng ông biết phải làm gì rồi.

Sáng hôm sau trước khi ông mặc đồ để ngồi vào bàn ăn sáng, người phát thư trao cho Hudson một bức thư do hãng tàu thủy gửi đến. Có một chiếc tàu tên *Lammermuir* sắp nhổ neo đi Trung hoa và người ta sẵn sàng dành Hudson và phái đoàn của anh nguyên cả phòng trên tàu. Đúng là điều anh đang cần—nhưng liệu giá cả có quá cao so với khả năng của anh không?

Sau khi vị đại tá xin lỗi đã đến trễ và giải thích rằng đêm qua ông khó ngủ thì mọi người ngồi vào bàn ăn sáng. Ăn xong ông mời Hudson vào văn phòng của ông.

Ông bảo, “Tôi có một số tiền đây cho anh,” vừa nói ông vừa trao cho anh các số tiền người ta nhờ ông chuyển cho Hudson. Xong ông tiếp:

“Tối hôm qua tôi cảm thấy anh sai lầm khi không chịu cho quyền tiền nhưng bây giờ thì tôi thấy khác. Nằm trần trọc đêm qua, tôi suy nghĩ đến làng sóng người ở Trung hoa, mỗi giờ có hàng ngàn người đi vào nơi tắm tối. Tôi chỉ biết kêu lên, ‘Chúa ơi, Ngài muốn con làm gì?’ Và tôi nghĩ tôi đã biết câu trả lời của Ngài,” rồi ông trao cho Hudson một tấm chi phiếu. Ông tiếp, “Nếu đêm qua mà có cuộc lạc quyền thì tôi chỉ cho một tờ 5 Anh kim thôi. Chi phiếu này là một phần khá lớn trong đêm qua mà tôi dành để cầu nguyện.”

Hudson sững sờ nhìn tấm chi phiếu trong tay anh. Tấm chi phiếu không phải ghi 5 Anh kim mà là 500 Anh kim.

Bây giờ việc anh ta có đủ tiền để trả cho toàn thể buồng trên chiếc tàu *Lammermuir* không thành vấn đề nữa! Tấm chi phiếu bắt ngờ đến ngay sau khi anh được thông báo về chiếc tàu sắp khởi hành cho thấy hình như đó là chiếc tàu mà anh và toàn thể phái đoàn của anh nên đi. Và không đầy một tháng sau đó, họ lên đường đi Trung hoa—toán đầu tiên của một suối giáo sĩ nam nữ liên tục trong hơn 80 năm đổ vào các thành phố lớn và các làng mạc không tên tuổi ở Tây Sơn, Vân Nam, Hồ Bắc, để làm chứng về Chúa Giê-xu cho những người như ông Ni, and Quang thợ đan giỏ, và anh Quang nông gia ở Ô-xi...

Hudson đứng tựa trên lan can của tàu và nhìn ra biển. Chưa đầy một năm sau khi anh ghi vào quyển Thánh Kinh của anh: “Tại Brighton, ngày 25 tháng sáu, năm 1865, cầu nguyện xin được hai mươi bốn nhân sự có khả năng và sẵn lòng.” Mọi việc xảy ra quá nhanh từ ngày ấy! Hình như Chúa chỉ chờ anh khởi bước ấy và khi anh khởi bước ấy thì mọi việc diễn ra như đã được sắp xếp từ trước.

Lần đầu tiên khi anh đáp tàu sang Trung hoa, anh chỉ mới là một thanh niên cô đơn hai mươi tuổi, anh chỉ biết mơ hồ về mục đích mà anh được gửi đi. “Hãy đi sang Trung

hoa cho Ta,” tiếng Nói bảo anh như thế, và anh đã vâng theo. Bây giờ anh đã ba mươi ba tuổi, anh hiểu rõ trách nhiệm trước mặt anh. Anh phải hướng dẫn toán công nhân nhỏ bé này vào trung tâm nước Trung hoa để rao giảng về tình yêu của Thượng Đế cho nhân loại suốt cả bề ngang lẫn bề dọc của đế quốc to lớn ấy.

Anh biết rõ những khó khăn, nguy hiểm, vất vả và chán nản đang chờ anh trước mặt. Trách nhiệm mà anh được kêu gọi để đảm trách đó không phải dễ dàng và thoải mái, nhưng mà là một chiến dịch đòi hỏi hết sức lực và long kiên trì của anh. Tuy nhiên anh không lo sợ. Điều cần ở anh là vâng lời và trung kiên đối với Chủ của anh, hoàn toàn tin cậy nơi Ngài. Chúa Cứu Thế là vị lãnh đạo chứ không phải anh. Và với một vị Lãnh đạo như thế anh sẵn sàng đi theo cho đến cùng. Lòng Hudson phơi phơi vui mừng khi anh đứng tựa vào lan can của chiếc *Lammermuir* đang lướt sóng. Với tấm lòng ấy Hudson đương đầu với công tác của đời mình.

Tôi nghe tiếng kêu, Hãy đến theo Ta,
Chỉ nghe có thể thôi.
Thú vui trần thế tan biến dần,
Linh hồn tôi đi theo Ngài.
Tôi vội vàng đứng dậy đi theo ngay.
Bạn có sẵn sàng đi theo khi Ngài gọi không?

Chương 15 BỐN MƯƠI NĂM SAU

Bốn mươi năm sau ngày Hudson bước đi trên bãi biển Brighton khi anh quyết định thành lập Hiệp hội Truyền giáo Trung hoa Nội địa, Hudson đang ngồi trong một cơ sở truyền giáo ở Hồ Nam. Đó là tỉnh cuối cùng trong mười một tỉnh đã mở cửa chào đón các giáo sĩ của anh. Từ Suối, Hồ Bắc, Nam Giang, Tây Sơn, Vân Nam—mỗi tỉnh nội địa ấy đều lần lượt có các cơ sở truyền giáo nhưng các nhà cầm quyền bất thân thiện của tỉnh Vân Nam đông dân khăng khăng từ chối không cho phép các ông Tây phương mang đạo Giê-xu đến hoạt động tại đó. Suốt hơn ba mươi năm Hudson cầu nguyện để cánh cửa mở ra, giờ đây tỉnh cuối cùng ở Hồ Nam đã có giáo sĩ của Hiệp hội Truyền Giáo Trung Hoa Nội địa đến hoạt động.

Hudson nhìn ra ngoài cửa sổ bằng qua các mái nhà của thành phố, phóng tầm mắt tới chân trời xa xăm. Đó là ngày cuối cùng của anh trên đất, tuy chưa ai biết. Chính anh cũng không biết. Anh đang suy nghĩ đến quá khứ hơn là tương lai khi anh quay sang nói chuyện với người bạn đồng công.

“Thật là một đặc ân quý báu khi chúng ta có thể trình mọi sự cho Chúa bằng sự cầu nguyện phải không?” Anh mỉm cười nói như thế. Đó là một trong những điều khiến anh ghi nhớ nhất. Chúa đã làm vô số điều mà anh khẩn xin Ngài. Đáp lời cầu xin của anh cho hai mươi bốn nhân sự chỉ là một trong những điều đó. Hudson đã cầu nguyện xin thêm nhiều giáo sĩ và Chúa tiếp tục sai họ đến. Hai mươi năm trước anh cầu xin thêm bảy mươi người nữa, Chúa đã cung ứng. Rồi ít năm sau, anh lại xin thêm một trăm người nữa, Chúa cũng đáp ứng. Bây giờ có hơn tám trăm người trong Hiệp Hội Truyền giáo, rải rác khắp nội địa bao la của Trung hoa, không có chỗ nào mà danh Chúa Giê-xu chưa hề được rao giảng. Có vô số trở lực ngăn trở nhưng dần dà tất cả đều bị cắt

đi. Ngay cả bây giờ cũng có nhiều khó khăn—lúc nào mà chẳng có khó khăn—nhưng Hudson biết rằng khi anh cầu xin thì Chúa sẽ giải quyết hết mọi khó khăn ấy.

“Thật là một đặc ân lớn khi chúng ta có thể trình mọi sự cho Chúa qua lời cầu nguyện...”

“Dạ đúng như thế...” chàng thanh niên nhìn vị giáo sĩ già và chậm rãi nói:

“Ông biết không, đôi khi tôi cảm thấy không thể trình hết *mọi sự* cho Chúa. Trình những việc lớn thì được. Chứ có nhiều việc quá nhỏ thì cầu nguyện với Chúa làm gì! Những việc quá nhỏ khiến tôi khó cầu nguyện...”

Hudson, tóc bạc phơ và cao lớn, tỏ vẻ ngạc nhiên. Anh bảo “Tôi không biết gì về điều đó.” Chuyện quá nhỏ không đáng cầu nguyện à? Một vài chuyện rất nhỏ trong đời anh đã đưa đến những chuyện thật lớn. Năm mươi năm trước khi anh cho đi món tiền nhỏ nhất mà anh có đã dẫn anh trên con đường đức tin và vâng lời; cái mũi kim đâm quá nhỏ đến nỗi anh không để ý đã suýt làm anh mất mạng; lọn tóc bìn thật ra có vẻ nhỏ nhưng lại lù lù to lớn khi anh là giáo sĩ đầu tiên và duy nhất mang nó trên đầu! Một trong những lời cầu nguyện ngắn nhất trong đời anh là khi ở bãi biển Brighton anh khẩn xin Chúa cho hai mươi bốn người có khả năng, sẵn lòng để ra truyền giáo. Nhưng phải chăng lời cầu nguyện ấy đã khai sinh ra Hiệp Hội Truyền Giáo cho Nội địa Trung hoa? Ai có thể bảo chuyện gì là chuyện lớn, chuyện gì là chuyện nhỏ?

Anh dừng lại trong giây lát và tiếp, “Không có chuyện gì nhỏ, cũng không có chuyện gì lớn. “Chỉ có Chúa là lớn thôi.” Và như thể muốn tổng kết kinh nghiệm của anh trong nhiều năm qua, anh bảo, “Chúng ta nên hoàn toàn nhờ cậy nơi Ngài.”

Sau đó cảm thấy mệt nên anh đi ngủ. Ngày hôm ấy thật vui mừng. Buổi sáng anh đi đến nhà nguyện để nói chuyện với các tín hữu Trung hoa—cả nam lẫn nữ từ Hồ Nam tới, những người đã tìm được “Đạo.” Buổi chiều anh đã dùng trà trên thảm cỏ nhỏ trong vườn và gặp tất cả các giáo sĩ khác trong thành phố đến thăm anh. Anh rất sung sướng về mọi cuộc gặp gỡ ấy, nhưng bây giờ anh mệt nên nghĩ anh sẽ không đi xuống lầu để dùng cơm chiều.

Họ bảo anh, “Chúng tôi sẽ mang thức ăn lên phòng ông,” rồi anh vào phòng. Ánh hoàng hôn chiếu trên thành phố. Những đường nét của các rặng núi xa xa mờ dần vào bóng tối, và các vì sao đã lấp lánh xuất hiện trên bầu trời cao. Cảnh vật thật yên tĩnh. Ít lâu sau có tiếng bước chân nhẹ trên thang gác khi người ta mang mâm thức ăn lên. Cửa phòng của Hudson mở ra rồi yên tĩnh trở lại tiếp sau đó là tiếng bước chân chạy và tiếng kêu từ trên đầu cầu thang.

“Bác sĩ ơi! Bác sĩ ơi!” Ông bác sĩ đến ngay. Nhưng khi ông nhìn nét mặt vui vẻ và bình thản đang nằm trên gối, ông biết rằng ông không phải làm gì nữa.

* * *

“Ông mục sư khả kính ơi, ông mục sư khả kính ơi,” vị mục sư trẻ tuổi nói nhỏ trong khi đang cúi xuống trên thân hình yên tĩnh, lấy hai tay ấm áp của mình cầm bàn tay của người nằm trên giường. Hôm ấy vị mục sư này đã từ một trung tâm truyền giáo xa xôi đến để thăm vị giáo sĩ nổi danh già nua mà ông đã nghe tiếng. Giờ đây ông ta muốn nói chuyện với vị giáo sĩ tuy ông biết rằng vị giáo sĩ không nghe được. “Ông mục sư khả kính ơi, chúng tôi yêu thương ông. Hôm nay chúng tôi đến để thăm ông. Chúng tôi ao ước được nhìn mặt ông. Chúng tôi cũng như các con cái bé nhỏ của ông—ông mục sư

khả kính ơi. Ông đã mở con đường cho chúng tôi, con đường đến thiên đàng. Ông đã yêu thương và cầu nguyện cho chúng tôi suốt nhiều năm. Hôm nay chúng tôi đến đây để nhìn mặt ông.

“Trông ông có vẻ vui tươi và bình thản! Ông đang mỉm cười. Gương mặt ông yên lặng và mãn nguyện. Tối nay ông không thể nói chuyện với chúng tôi. Chúng tôi không muốn mang ông trở lại nhưng mục sư khả kính ơi, chúng tôi sẽ đi theo ông. Chẳng bao lâu nữa ông sẽ đón tiếp chúng tôi...”

Nhưng Hudson đã được tiếp đón rồi. Một thiếu nữ Trung hoa ràn rụa nước mắt nhưng với gương mặt tươi cười nói, “Hàng ngàn hàng vạn thiên sứ đã đón tiếp ông ta! Và bên trên sự đón tiếp huy hoàng ấy vang lên Tiếng mà anh đã nghe trên đất. Tiếng mà anh đã yêu mến hơn tất cả mọi tiếng—Tiếng mà anh đã nghe từ lâu lắm, “Hãy đi sang Trung hoa cho Ta.” Nhưng giờ đây Tiếng ấy bảo, “Giỏi lắm! Tôi tớ trung kiên của Ta! Hãy bước vào niềm vui của Chúa của con!”

Và Hudson bước vào.

Ft Smith, AR. April 14, 2006

Phạm Quang Tâm (Uncle Tom)